

**VIỆT THANH CHIẾN DỊCH**  
**QUÂN THANH TIẾN VÀO THĂNG LONG**

**Nguyễn Duy Chính**

## LỜI NÓI ĐẦU

*Cuộc tiến quân của nhà Thanh được Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục chép chưa đầy 30 giờng như sau:*

... Khi Sĩ Nghị vâng mạng vua Thanh, sắp ra quân, thì bọn Duy Dẫn vừa sang đến nơi, Sĩ Nghị mời vào hội kiến, rất mừng, bèn truyền cho các đạo quân đồng thời cùng tiến:

- Đề đốc Vân Quý, họ Ô, từ Tuyên Quang tràn vào;
- Tri phủ Diên Châu, Sâm Nghi Đống từ Cao Bằng kéo xuống;
- Sĩ Nghị và đề đốc Hứa Thế Hanh do đường lớn từ Trấn Nam quan xuất phát.

Tướng giặc, Phan Khải Đức, trấn thủ Lạng Sơn đem cả trấn thành đầu hàng quân Thanh. Sĩ Nghị tiến đến Kinh Bắc.

Văn Sĩ sai tướng chẹn giữ bến đò Xương Giang. Lại sai nội hầu Phan Văn Lân đem hơn vạn quân tinh nhuệ ở Thăng Long lên đóng ở Thị Cầu.

Sau khi phá vỡ luôn được mấy cánh quân của Tây Sơn, quân Thanh tiến lên chiếm đóng núi Tam Tầng. Văn Lân, nhân đang đêm, xông pha rét lạnh, lén vượt sông Nguyệt Đức, vây doanh trại Tôn Sĩ Nghị. Nhưng trận thế của Sĩ Nghị vững chắc, không lay chuyển, đồng thời súng hoả sang của quân Thanh lại cùng bắn ra: giặc không đến gần được. Trương Sĩ Long, tiên phong của quân Thanh, xung phong giết giặc. Cung tên của hai cánh quân tả dực và hữu dực nhà Thanh lại bắn châu vào: quân giặc bị chết vô kể. Trước đó, Sĩ Nghị ra quân kỳ, do phía thượng lưu vượt qua sông, đánh úp doanh trại Thị Cầu. Trông thấy trong trại bốc lửa, giặc cả sợ, phải vượt luy mà chạy. Quân Thanh thừa thắng, ruổi dài, cả phá được giặc.

Văn Lân chạy về Thăng Long. Sĩ Nghị tiến đến bờ phía Bắc sông Nhị.

Văn Sĩ và Ngô (Thị) Nhậm bàn nhau, cho rằng Thăng Long quyết không thể giữ được, bèn thu thập số quân còn lại, chạy vào Thanh Hoa, đóng đồn thủy ở hải phận Biện Sơn, còn quân bộ thì chẹn ở đèo Ba Dội (Tam Diệp sơn) để phòng thủ cho vững chắc, rồi cho người về cáo cấp với Văn Huệ ...<sup>1</sup>

*Hầu hết các sử gia trước đây đều dựa theo những chi tiết trên để miêu tả cuộc tiến quân của nhà Thanh. Ngoài ra, Hoàng Lê Nhất Thống Chí và một số dã sử, dật sử được dùng làm tài liệu bổ túc cho chính sử. Tuy nhiên các tài liệu dân gian thường chủ quan theo tin đồn nên không khỏi sai lạc, chưa kể vì quan điểm chính trị có khác nhau nên mỗi người viết một cách. Phần lớn những tài liệu còn lưu lại đến ngày nay là do các cựu thân nhà Lê với khuynh hướng chống Tây Sơn, thân triều Nguyễn nên miêu tả quân Nam bằng những nét tiêu cực.*

Về phía đối phương, tài liệu của nhà Thanh về chiến dịch này còn khá nhiều, nhất là đoạn đường từ Nam Quan xuống đến Thăng Long. Trước đây, khi tìm kiếm tài liệu về đời Tây Sơn, học giả Hoàng Xuân Hãn có đề cập đến bộ Đại Thanh thật lục và hai tác phẩm mới tìm ra sau này là Quân Doanh Kỹ Lược (Trần Nguyên Nhiếp) và Thánh Vũ Ký (Nguyễn Nguyên)<sup>2</sup>. Những tác phẩm mà cụ Hoàng đề cập đến quả có những giá trị nhất định nhưng rất tiếc cũng chỉ là tài liệu cục bộ, còn các chi tiết mà Nguyễn Nguyên đưa ra phần lớn chỉ chép lại từ Cao Tông thực lục.

Tuy nhiên việc khai thác những tài liệu đó có hai trở ngại:

- Thứ nhất, những chi tiết miêu tả cuộc tiến binh không phải là một loại nhật ký hành quân mà chủ yếu dựa trên các tấu triệp Tôn Sĩ Nghị gửi về triều báo cáo tin thắng trận. Những văn thư đó có thể cho chúng ta một số dữ kiện, thời khắc, địa điểm ... nhưng chắc chắn rất chủ quan. Quân Thanh thu phục được kinh thành Thăng Long quá dễ dàng nên Tôn Sĩ Nghị không khỏi bịa đặt để chiến công thêm hiển hách, vừa đẹp lòng vua Cao Tông, vừa gia tăng uy tín cho chính mình. Việc hư cấu, phóng đại cũng có thể là một cách để thuyết phục vua Càn Long chấp thuận cho bước tiến thứ hai của họ Tôn là tiến đánh Thuận Hoá.
- Thứ hai, những văn thư của Tôn Sĩ Nghị gửi về triều từ trước Tết Nguyên Đán thì còn lưu giữ được nhưng những chỉ dụ của Thanh đình, những mật lệnh của vua Càn Long thì lại bị thất lạc trong trận đánh ở Thăng Long. Số tài liệu quân ta thu nhật được thì không còn lại đến ngày nay nên sử sách chỉ cho biết rất sơ lược một vài điểm nhắc đến trong Khâm Định Việt Sử hay Quốc Triều Chính Biên soạn dưới triều Nguyễn.

Chính vì thế, việc dựng lại các trận đụng độ giữa quân Thanh và quân Nam trong vòng một tháng tiến binh của họ cần phải được cân nhắc để không quá sơ sài như sử nước ta mà cũng không huênh hoang phóng đại như sử Trung Hoa.

Vấn đề quân số nhà Thanh đem sang nước ta là bao nhiêu cũng cần được đánh giá lại. Việc khẳng định 20, 30 hay 50 vạn như nhiều sách vở khó có thể coi là chính xác, phần lớn do nhận định chủ quan và dựa trên ước đoán tổng quát.

Riêng sách vở của Trung Hoa thì họ luôn luôn nhắc lại con số trong Đại Thanh Thực Lục là một vạn quân mặt đông và tám ngàn quân mặt tây đưa đến con số 18,000 quân cho cả hai mặt.

Thực ra, cuộc chiến Việt Thanh quá ngắn ngủi và nhà Thanh cố tình chỉ đề cập đến số quân điều động sơ khởi mà không nhắc đến những chuẩn bị lâu dài. Việc điều chỉnh kế hoạch hành quân theo biến chuyển của tình hình cho thấy mỗi lúc một khác và dựa vào những tính toán về lương bổng của họ, chúng ta có thể khẳng định rằng đằng sau những ngôn từ hoa mỹ, quả thực họ có âm mưu thôn tính nước ta một cách qui mô, không phải chỉ là một cuộc động binh vì những mục tiêu đoản kỳ.

Chúng ta cũng ít chú ý đến tổ chức quân sự, kỹ thuật và phương thức điều hợp của nhà Thanh, không phân biệt quân chiến đấu và lực lượng hậu cần. Một tổ chức quân đội

càng chính qui bao nhiêu thì cơ cấu càng công kênh và hệ thống tiếp liệu càng phình lớn. Những khác biệt cơ bản của hai đạo quân Nam và quân Bắc cũng ít ai nêu ra mà chỉ so sánh tương quan hai bên bằng số lượng. Việc dựng lại chiến dịch năm Kỷ Dậu không những phải nhìn lại tương quan giữa hai bên, ưu và khuyết điểm của hai quân đội, mà còn phải xét đến những yếu tố hoàn cảnh, thời tiết, quân nhu, vũ khí, cách bố phòng ... ngõ hầu có những đáp số cho thỏa đáng.

Chính vì thế, nghiên cứu này sẽ được chúng tôi bổ túc qua biên khảo “Quân Sự nhà Thanh” để trình bày về cơ chế binh bị và “Chính sách của nhà Thanh đối với khu vực Đông Nam Á” để lược qua quan điểm chiến lược và âm mưu bành trướng của họ xuống khu vực nam Trung Hoa.

Một trong những đặc điểm của cuộc chiến Việt Thanh năm 1789 là vua Càn Long chỉ sử dụng lực lượng của bốn tỉnh phía nam và tây nam như một cuộc chiến uỷ nhiệm, khác hẳn các chiến dịch khác thường điều động nhiều cánh quân từ nhiều vùng, nhất là Bát Kỳ Bình ở miền bắc. Chiến dịch này cũng do những quan lại gốc Hán tộc chỉ huy mà hầu như không có mặt một nhân vật Mãn Châu nào đáng kể. Như thế có nghĩa là quan người Hán chỉ huy quân đội người Hán và thổ binh mà không có sự tham dự của quân đội hay quan lại Mãn Châu. Đây cũng là một yếu tố khá quan trọng mà các sử gia ít ai lưu tâm.

Trong một thời gian khá dài, việc tìm hiểu về thời kỳ này trở nên bế tắc vì người ta không tìm thêm được điều gì mới. Các sử gia trong nước thì cố gắng đào sâu vào dật sử và một số thân tích địa phương nhưng kết quả rất khiêm nhường, nếu không nói rằng tài liệu có nhiều chỗ đáng ngờ. Mãi tới gần đây, sau khi Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan) sắp xếp và phân loại xong các văn khố và cho phép các học giả được sử dụng, chúng ta mới thấy nhiều tài liệu có giá trị hơn những tài liệu nêu trên được phát hiện, điển hình là các tấu triệp giữa Tôn Sĩ Nghị, Phúc Khang An và Quân Cơ Xứ, trong đó phần lớn là bản chính còn lưu trữ, với cả lời châu phê của vua Càn Long. Tuy chúng ta vẫn phải đánh giá lại các chi tiết này nhưng ít nhiều cũng có thể dựng lại một cách khá chính xác về thời biểu, lịch trình tiến quân, các loại quân nhu, vũ khí của quân Thanh, không phải dùng phương pháp loại suy như cụ Hoàng Xuân Hãn đã phải áp dụng trong một số trường hợp.

Vả lại, theo qui chế nhà Thanh, các tấu triệp này là loại “tối mật” nên phần lớn không được công bố mà Ngụy Nguyên dù có làm việc trong Nội Các thì cũng chỉ được đọc các loại sử liệu chính thức còn sử nhà Thanh thì ít nhiều cũng đã được trình bày lại theo quan điểm của triều đình. Chính vì thế, trong nỗ lực miêu tả lại thời kỳ cuối thế kỷ 18, chúng tôi cố gắng sử dụng các loại tài liệu nguyên thủy càng nhiều càng tốt, trong đó bao gồm cả các chi tiết trong tấu triệp của nhà Thanh, thơ văn của vua Càn Long khi nghe báo tin thắng trận (có nhắc đến diễn tiến chiến dịch mà đại thần trong Quân Cơ Xứ giải thích) và lời thuật của đám tòng vong nhà Lê đi cùng với quân Thanh.

Một chi tiết trong tiến trình đi tìm tài liệu tôi cũng muốn ghi lại như một phụ chú ngoài lề. Nguyên trong cuốn Thanh Cao Tông Thập Toàn Võ Công Nghiên Cứu (Trang Cát Phát, Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục, 1987) có in lại 6 tấm hình “Bình Định An Nam

*Chiến Đồ” là những bản khắc trong số hàng trăm hoạ bản đời nhà Thanh ghi lại những chiến dịch lớn của họ. Sáu bức tranh này gồm 5 bức vẽ các trận đánh theo thứ tự Gia Quan – Ha Hộ, Tam Di – Trụ Hữu, Thọ Xương, Thị Cầu và Phú Lương. Bức thứ sáu vẽ cảnh Nguyễn Quang Hiển sang Bắc Kinh triều cận vua Thanh trong kỳ nhận sắc và ấn phong vương mà chúng tôi đã kèm trong biên khảo “Bão Kiến hay Bão Tất?”.<sup>3</sup>*

*Việc sử dụng những hình ảnh trong cả hai cuốn này đều gặp trở ngại vì không rõ (cuốn Thập Toàn Võ Công là bản chụp lại của Bắc Kinh, in ấn lem nhem) mà cuốn Càn Long Trọng Yếu Chiến Tranh chi Quân Nhu Nghiên Cứu (Lai Phúc Thuận, 1984) thì lại chỉ có một tấm hình Phú Lương Giang Chi Chiến<sup>4</sup>. May sao, sáu bức tranh này có in lại trong Thanh Đại Cung Đình Bản Hoạ<sup>5</sup> (từ trang 245 đến 247) tương đối rõ ràng còn những bài thơ và ghi chú của nhà Thanh thì được chép trong bộ Thanh Cao Tông ngự chế thi văn toàn tập (清高宗御製詩文全集)(10 quyển) (Đài Bắc: Quốc Lập Cổ Cung Bác Vật Viện, 1976) nên tôi có thể phục hồi nguyên bản. Cuốn sách cũng nói rõ nguyên thủy và thể thức ấn loát theo lối khắc bản đồng mà nhà Thanh thuê người Âu Châu thực hiện nên cũng có thêm một số chi tiết mà chúng tôi soạn riêng thành một biên khảo nhan đề “An Nam Chiến Dịch Đồ”, bổ túc cho bài “Quân Thanh Tiến Vào Thăng Long”.*

*Để tái tạo những bản đồ tập trung và tiến quân của nhà Thanh, chúng tôi may mắn tìm được một bộ sách đáng để ý. Đó là bộ Trung Quốc Lịch Sử Địa Đồ Tập (中國曆史地圖集) gồm 8 cuốn do Viện Khoa Học Xã Hội Trung Quốc bảo trợ (Đàm Kỳ Tương 譚其驤 chủ biên, Bắc Kinh: Trung Quốc Địa Đồ xb xã, 1996). Ngoài những chi tiết hành chánh của đời Thanh vào thời kỳ sang đánh nước ta, hoạ đồ cũng vẽ rõ ràng địa giới hai bên cách đây 200 năm, xác định một số vị trí ngày trước thuộc về nước ta nhưng nay đã bị mất về tay người Tàu, giải thích nghi vấn tại sao quân Thanh lại tập trung ở Mã Bạch Quan trước khi tiến sang nước ta mà địa điểm này ngày nay đã nằm sâu trong nội địa Trung Quốc.*

*Bản đồ miền Bắc nước ta khó kiếm hơn, chúng tôi chỉ có được một bản đồ đời Lê cuối thế kỷ 17 (trích trong Anthony Reid: Southeast Asia in the Age of Commerce 1450-1680, Vol. II: Expansion and Crisis New Haven and London: Yale University Press, 1993) tr. 44 và bản đồ thành Thăng Long cũng trong cuốn sách này tr. 78.*

*Hoạ đồ do người Tây Phương vẽ thì bản gần nhất là “Map of the Kingdoms of Siam and Cochin China” do John Walker biên soạn để cho phái đoàn John Crawford sử dụng đầu thế kỷ 19 trích từ John Crawford: Journal of an Embassy from the Governor-General of India to the Courts of Siam and Cochin China exhibiting a view of the Actual State of Those Kingdoms (London: Henry Colburn, New Burlington Street, 1828) (bản in lại do Asian Educational Services, New Delhi, 2000). Chúng tôi cũng bổ túc các địa danh dựa vào An Nam Đại Quốc Hoạ Đồ vẽ năm 1838 (Tabula Geographica Imperii Anamitici) thường gọi là bản đồ Tabert trích trong Bộ Sưu Tập Bản Đồ Cổ Việt Nam của Nguyễn Khắc Ngữ (Montréal: Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa Việt Nam, 1987) hoạ đồ số 57.*

*Lịch sử nước ta quả là một chuỗi dài đấu tranh để sống còn. Muốn giữ vững nền độc lập và tự chủ, ông cha chúng ta đã tốn rất nhiều máu xương và chấp nhận những hi sinh cực kỳ to lớn. Nhìn lại cái giá phải trả để tồn tại được đến ngày nay, hậu bối không khỏi bùi ngùi khi thấy cái hoạ Bắc xâm vẫn mãi mãi là một ám ảnh của cả dân tộc.*

Nguyễn Duy Chính  
3/2005

## ÂM MÙU CỦA NHÀ THANH

Đem binh xuống phương nam không phải chỉ vì cái cơ hội nhất thời mà đã nằm trong kế hoạch mở rộng biên cương của nhà Thanh từ lâu. Vua Càn Long muốn tỏ ra mình là một vị vua dũng liệt nên tìm đủ mọi cách để bành trướng thế lực và lãnh thổ ra mọi phía.

Nhà Thanh trong hậu bán thế kỷ 18 đã có ảnh hưởng quan trọng đối với Xiêm La khi một người Tàu gốc Quảng Đông tên là Trịnh Chiêu (鄭昭) vì có công đánh đuổi quân Miến Điện nên lên làm vua (tức vua Taksin). Ông ta lập tức sai sứ sang Bắc Kinh cầu phong nhưng sứ giả chưa kịp về đến nhà thì Trịnh Chiêu đã bị một tướng lãnh của ông ta là Maha Kasatsuk lật đổ lên làm vua tức Chakri<sup>6</sup> hay Rama I. Tuy nhiên Chakri cũng sợ nhà Thanh truy cứu việc giết vua Taksin nên đổi tên Hán là Trịnh Hoa (鄭華), mạo xưng là con của Trịnh Chiêu để nối ngôi và được phong làm Xiêm La quốc vương.

Nhà Thanh cũng nhân cơ hội này tìm cách vươn dài ảnh hưởng tới thành phần Hoa kiều ngày càng trở nên có thế lực cả kinh tế lẫn chính trị ở vùng Đông Nam Á<sup>7</sup>. Bất được ý định đó, khi nghe tin quân Thanh sang đánh, Nguyễn Ánh đã cướp lấy tiên cơ của Xiêm La bằng cách chở gạo từ Đồng Nai ra cung ứng nhưng chẳng may bị bão đắm thuyền mất sạch.

Ngoài Xiêm La, nhà Thanh cũng tìm cách mở rộng ảnh hưởng xuống Miến Điện. Cũng như Việt Nam, Miến Điện luôn luôn bị áp lực trực tiếp vì có một khoảng biên giới tiếp giáp với nước Tàu. Người Miến cũng là một dân tộc quật cường, luôn luôn chống lại và có những thắng lợi rất tương cận với thắng lợi của Đại Việt.<sup>8</sup>

Tới hậu bán thế kỷ 18, nhà Thanh lần chiếm một số khu vực phía tây và tây nam tỉnh Vân Nam nhưng người Miến Điện cương quyết đòi lại. Năm 1765, vua Hsinbyushin của Miến Điện bắt một số tiểu quốc người Shan triều cống nên gây chiến với một số bộ lạc mà người Trung Hoa bảo trợ. Quân Thanh thua, tổng đốc Vân Nam Lưu Tảo (劉藻) tự sát. Năm 1767, tổng đốc kế nhiệm là Dương Ứng Cư (楊應琚) cũng bị đánh bại khiến vua Càn Long nổi giận đem họ Dương ra xử tử rồi sai Minh Thụy (明瑞) đem quân sang đánh Miến Điện. Năm 1768, Minh Thụy bị vây và tử trận. A Quế, vị tướng lừng danh của Thanh triều trong các trận đánh Tân Cương, Mông Cổ đem quân sang lần thứ ba năm 1769 nhưng cũng bị đại bại.

Sau ba lần thua Miến Điện, nội bộ Thanh triều đã có những rạn nứt và bất đồng, nhiều tướng tài bị hi sinh nhất là vua Miến Hsinbyushin lại cứng đầu không chịu thân phục. Một số tướng lãnh và quân sĩ bị bắt làm tù binh không được thả và vua Càn Long đành phải chấp nhận rằng Miến Điện là xứ nóng không thích hợp cho kỵ binh nhà Thanh như khi chinh phục vùng Tân Cương.<sup>9</sup> May sao, quân Miến lúc này phải đối phó với quân

Xiêm La và Lào tấn công ở phía nam nên nhà Thanh có cơ hội đàm phán cầu hoà cho đỡ mất mặt. Để trừng phạt, vua Càn Long hạ lệnh cấm thông thương với Miến Điện và hai bên chỉ trở lại sinh hoạt bình thường năm 1788, mấy tháng trước khi họ đem quân sang nước ta.

Cũng trong mấy trăm năm qua, Xiêm La (bây giờ là Thái Lan) có một chính sách thân Trung Hoa hơn bất cứ quốc gia nào khác trong vùng Đông Nam Á. Hầu như triều đại nào người Trung Hoa cũng muốn dương oai diệu võ bằng cách đem quân xâm lăng Miến Điện và Việt Nam. Trong khi đó, Xiêm La luôn luôn thần phục và triều cống thiên triều và thường khai thác những cơ hội để trục lợi. Có lẽ đó cũng là một lý do tại sao Miến Điện và Xiêm La có những xung khắc và hai bên đã xảy ra nhiều cuộc chiến khốc liệt. Riêng với Việt Nam, Xiêm La cũng là nơi dung chứa những thành phần đối nghịch, để có dịp sẽ làm suy yếu nước ta. Cuối thế kỷ 18, chúa Nguyễn Ánh, sau này là vua Gia Long, lưu vong tại Bangkok và khi ông trở về nắm quyền, trong một thời gian ngắn đã chấp nhận là một thuộc quốc của Xiêm La trước khi có đủ tư cách để đứng riêng, không chịu ảnh hưởng của họ nữa.<sup>10</sup>

Riêng với Đại Việt, Thanh đình vẫn e ngại bị thất bại như những triều trước nên không muốn chủ động gây chuyện can qua. Việc nước ta chia thành hai miền Đàng Trong và Đàng Ngoài vô hình chung phù hợp với chủ trương không muốn có một quốc gia cường thịnh ở phương nam nên chúa Nguyễn cũng được nhà Thanh đối xử ngang hàng như một phiên vương. Đã nhiều lần xứ Đàng Trong toan tách ra thành một quốc gia đi thẳng với Thanh triều thay vì phải thần phục vua Lê ở miền Bắc nhưng vì không muốn tạo ra những khó khăn mới nên nhà Thanh còn ngăn ngừa bằng lòng. Đến khi nhà Tây Sơn nổi lên, thế phận liệt Nam Bắc cũ đã mất, Thanh triều nhìn thấy đây là một cơ hội bằng vàng để can thiệp vào phương nam, rồi sẽ tùy theo tình hình mà khai thác.

Theo một số văn thư qua lại, chúng ta có thể tìm ra một số ẩn ý dấu sau những lời lẽ kể cả của Thiên triều. Thoạt tiên, nhà Thanh vẫn chủ trương làm sao cho những phiên thuộc không quá mạnh, nên muốn Việt Nam chia ra thành ít nhất là hai tiểu quốc. Tôn Sĩ Nghị<sup>11</sup> vì thế đã tương kế tựu kế, đưa ra một kế hoạch chia cắt Đại Việt thành hai phần<sup>12</sup>, miền Nam sẽ giao lại cho Xiêm La (khi đó đang khống chế cả Chân Lạp), và miền Bắc dành cho nhà Lê (dưới quyền bảo hộ của nhà Thanh). Tuy nhiên vua Càn Long đã bỏ kế hoạch đó vì không muốn cho Xiêm La nhúng tay vào ngại rằng sẽ làm mất thể diện thiên triều phải liên minh với một thuộc quốc<sup>13</sup>. Dựa theo những tâu trình của Lê Chiêu Thống và bọn tòng vong, vua Càn Long đưa ra một kế hoạch ra vẻ kể cả hơn. Đó là giao miền Trung lại cho Chiêm Thành lấy cơ nước Chiêm đã từng triều cống xưng thần mấy trăm năm qua mà quên rằng vương quốc này đã hoàn toàn mất hẳn trên bản đồ và những vùng đất cũ của họ nay chỉ toàn người Việt.<sup>14</sup> Dù đại kế có thay đổi nhưng mục tiêu chính của nhà Thanh vẫn là chiếm miền bắc Việt Nam, coi như một xứ bảo hộ do một triều đình tay sai cai trị mặc dầu trong bụng cũng vẫn nghĩ con cháu nhà Lê là hạng vô tích sự “*đến bù nhìn cũng không đáng*” (incompetent, even as a

figurehead), còn Chiêm Thành thì dĩ nhiên cũng là một thứ tầm gửi khác, phải hoàn toàn lệ thuộc vào Trung Hoa.

Chia cắt và dùng thế lực nọ để đánh thế lực kia vẫn là một lễ thói sẵn có của Thanh triều nên khi nghe tin con cháu nhà Lê cầu cứu, vua Càn Long liền nghĩ đến chuyện đem binh xuống phương nam để làm mối cho những đám cần vương có cơ hội nổi dậy, quân Thanh chỉ án binh đứng chờ cho những nhóm phù Lê thay thế họ tiêu diệt quân Tây Sơn. Trong một lá thư gửi Tôn Sĩ Nghị, vua Càn Long đã viết:

伊等皆因聞天朝聲罪致討，其以群起響應，思滅阮扶黎，若仍按兵不動，伊等自復心生觀望。此是極好機會，看來此時內地官兵竟有不得不動之勢<sup>15</sup>

#### Dịch âm

... Y đẳng giai nhân văn Thiên triều thanh tội trí thảo, thị dĩ quần khởi hưởng ứng, tư diệt Nguyễn phù Lê, nhược nhưng án binh bất động, y đẳng tự phục tâm sinh quan vọng. Thử thị cực hảo cơ hội, khán lai thử thời nội địa quan binh cánh hữu bất đắc bất động chi thế ...

#### Dịch nghĩa

... Bọn chúng (tức bầy tôi nhà Lê ở Bắc Hà) khi nghe quân Thiên triều đến chinh phạt, ắt sẽ nổi lên hưởng ứng rất đông, tính chuyện diệt Nguyễn phù Lê, lúc ấy hãy cứ án binh bất động, chúng sẽ có dạ trông chờ. Đây là một cơ hội rất tốt, khi đó xem ra quan quân nội địa (tức quân Thanh) sẽ có được cái thế không phải động.

Chiến lược đó không phải mới mẻ gì vì cũng là đại kế hoạch mà người Mãn Châu trước đây đã hoạch định ra để làm chủ Trung Nguyên. Như chúng ta đã thấy, trước khi thôn tính nhà Minh, người Mãn Châu cũng nêu cao danh nghĩa giúp người Hán tái lập một vương triều trong sạch hơn triều đình thối nát hiện đang trị vì và công lao chiếm đóng Trung Hoa cũng nhờ phần lớn vào những kẻ nội phản, điển hình là các tướng lãnh trấn đóng ở mạn Bắc có nhiệm vụ ngăn chặn những giống dân du mục.

Sau khi làm chủ Giang Bắc, người Mãn Châu cũng sử dụng những tướng lãnh nhà Minh đã đầu hàng để chiếm nốt miền Nam Trung Hoa và chính những thành phần đó lập được nhiều công lớn, kể cả việc truy sát những ông vua cuối cùng của nhà Minh đang thất thế trốn lánh trong rừng sâu núi thẳm. Họ đã được phong vương, cai trị một cách khá độc lập nhiều khu vực lớn mà sử gọi là Tam Phiên (三藩) (Three Feudatories) mấy chục năm sau mới thực sự bị tước đoạt quyền binh.<sup>16</sup> Với những kinh nghiệm đó, người Mãn Châu muốn chinh phục nước ta, trước hết nhờ tay đám thần tử nhà Lê tiễu trừ Tây Sơn, sau đó sẽ phong vương cho họ theo nghĩa phiên trấn nội thuộc như bọn Ngô Tam

Quế (吳三桂), Cảnh Trọng Minh (耿仲明), Thượng Khả Hỉ (尚可喜) rồi dần dần biến thành quận huyện của Tàu như chính sách thời đầu nhà Thanh. Kế hoạch đồng hoá từng bước đó đã thành công tại những quốc gia Tây Vực và họ cũng toan áp dụng ở phương nam.

Việc can thiệp vào nước ta bao gồm nhiều lý do, chính cũng như phụ, tổng quát cũng như cá nhân. Chính sách của Trung Hoa đối với phiên thuộc luôn luôn vừa muốn tỏ ra thiên triều võ yên di địch, vừa thực hiện tham vọng bành trướng lãnh thổ qua bốn bề (đời Càn Long là một trong những giai đoạn mà Trung Hoa xâm lăng các quốc gia láng giềng nhiều hơn cả). Chúng ta sẽ không thể không nghiên cứu về chính sách đối với phiên thuộc của Trung Hoa để tìm những đầu mối của cuộc chiến tranh này.

Một trong những vấn đề của nhà Thanh khi đem quân sang nước ta là cần một danh nghĩa chính đáng để làm bề ngoài che đậy những dã tâm của họ. Danh nghĩa đó nếu chỉ vin vào vai trò thiên triều để can thiệp vào phiên thuộc thì không đủ vì việc hưng sư không những phải tính toán cho chu đáo, sao cho cái lợi nhiều hơn cái hại, giảm thiểu được về nhân mạng cũng như về tài chánh. Mặc dù tham vọng của Tôn Sĩ Nghị đã rõ rệt nhưng ông ta cũng cần những bằng chứng cụ thể để thuyết phục vua Càn Long cho phép động binh nên phải tìm đủ mọi cách để cho được danh chính ngôn thuận.

Cho đến giờ phút này, các sử gia Trung Hoa vẫn khẳng khái cho rằng việc nhà Thanh đem quân sang giúp Lê Chiêu Thống là một hành vi “*nhân chí nghĩa tận*” 仁至義盡 (hết sức nhân nghĩa) hoàn toàn chỉ vì mục tiêu muốn dựng lại dòng chính thống kế thừa cho nhà Lê chứ không có chút âm mưu chiếm đóng hay tham vọng đất đai nào. Theo lời tâu của Tôn Sĩ Nghị (tổng đốc Lương Quảng) và Tôn Vĩnh Thanh 孫永清 (tuần phủ Quảng Tây) thì trước đây khi vua Hiên Tông băng hà, “*hoàng tôn Lê Duy Kỳ không có quốc ấn vì khi họ Trịnh còn nắm quyền đã ăn trộm mất ấn tín để mưu việc soán đoạt. Lê Duy Kỳ có viết biểu tâu lên để xin một quả ấn khác (tức ấn An Nam quốc vương của nhà Thanh phong cho) nhưng Tôn Sĩ Nghị chưa tiếp được bản cáo ai, lại chưa được chiếu chỉ cho phép nên đã từ chối*”.<sup>17</sup> Tuy nhiên, căn cứ vào đó, hoàng tôn Lê Duy Kỳ được coi như dòng chính thống và việc Nguyễn Huệ chiếm Thăng Long là một hành vi bần nghịch và nhà Thanh có nhiệm vụ can thiệp để lấy lại nước cho vua Lê.

Để thực hiện âm mưu lũng đoạn, chiến dịch đem quân can thiệp của nhà Thanh ít nhất cũng bao gồm hai giai đoạn chính:

a/ Tái chiếm Bắc Hà để giao lại cho nhà Lê: Theo sử nhà Thanh, mỗi lần họ động binh đều “*chính đáng*”, không bình định nội loạn thì cũng chinh phạt ngoại hoạn ... Tuy trường hợp mà họ dùng một động từ thật kêu chẳng hạn như bình định Kim Xuyên, đả bình Chuẩn Cát Nhĩ, chinh phục Hồi bộ, thảo phạt Miến Điện, tấnh tuy Đài Loan, thảo hàng An Nam ... Riêng việc đem quân sang nước ta họ nêu cao chủ trương “*hưng*

*diệt kế tuyệt, phát lợi kỳ thổ địa thần dân*”<sup>18</sup> (興滅繼絕，弗利其土地臣民) và hai chủ trương:

- Tái lập Lê triều vì nhà Lê trước nay thần phục nhà Thanh, theo như họ nhận định là “*để dựng lại một triều đại đã bị cắt đứt*” vì nhà Lê đã thần phục và triều cống Trung Hoa trong hơn một trăm năm qua. Việc nối lại triều Lê là một hành vi thích đáng vì thiên triều có bổn phận với thuộc quốc, không thể để cho loạn thần ngang nhiên cướp ngôi một dòng họ đã được họ công nhận chính thức.
- Vua Càn Long cũng khẳng định là việc đem quân sang nước ta không phải vì có tham vọng muốn chiếm đất đai hay dân chúng. Trong nhiều văn thư, ông cũng ra lệnh đem gạo thóc từ “*nội địa*” sang để nuôi quân, không tở hào tài sản của nước Nam và ra lệnh cho Tôn Sĩ Nghị ước thúc quân lính không cho quấy nhiễu.<sup>19</sup>

b/ Tiến quân đánh Thuận Hoá: Thanh triều không chỉ lấy kinh đô Thăng Long rồi giao lại cho nhà Lê - một hành vi quá nhân nghĩa mà dù những kẻ cả tin nhất cũng không dám mơ tưởng đến - mà coi việc tái chiếm Bắc Hà mới là bước đầu để xây dựng một vương triều bù nhìn hoàn toàn tùy thuộc vào Trung Hoa. Sau đó nhà Thanh sẽ tiếp tục tiến quân tiêu diệt quân Tây Sơn và thôn tính nước ta trong một âm mưu can thiệp lớn hơn. Từ vị trí một ngoại phiên (tương tự như Triều Tiên, Lưu Cầu, Xiêm La ...), An Nam sẽ trở thành một nội phiên như Tây Tạng, Mông Cổ, Tân Cương ... tuy vẫn có những lãnh tụ bản xứ nhưng chỉ là những quan lại của triều đình.

Âm mưu đó trước khi xuất chinh không rõ rệt lắm – có thể chỉ mới dự tính nhưng chưa tỏ lộ ý định thi hành – thì sau khi chiếm được Thăng Long lại trở nên khá rõ rệt. Có lẽ việc tiến quân quá dễ dàng khiến vua Càn Long và Tôn Sĩ Nghị đều tin rằng quân Thanh có thể làm hơn thế nữa mà không có gì gọi là quá đáng. Ngay sau khi chiếm được Thăng Long, Tôn Sĩ Nghị liền xúc tiến kế hoạch đóng thuyền và lập đài trạm từ Thăng Long vào Thuận Hoá để đến ra giềng tiến quân xuống phương Nam.<sup>20</sup> Kế hoạch đó nếu không phải từ chính vua Càn Long thì cũng đã được chấp thuận một cách bán chính thức và chính vì thế những thượng dụ yêu cầu triệt binh ngay sau khi phong cho Lê Duy Kỳ làm An Nam quốc vương còn ghi lại trong *Cao Tông thực lục* và *Thanh Sử Cảo* e rằng chỉ là những màn khói mà các sử thần nhà Thanh đưa ra để biện minh cho vua Cao Tông và che đậy một cuộc bại trận không lấy gì làm vẻ vang của triều đình. Nếu có thực như thế, chủ trương này cũng đã thay đổi khi Thanh triều thấy chiến thắng quá dễ dàng và Tôn Sĩ Nghị khi thua trận chạy về cũng không bị trừng phạt nặng nề như những trường hợp ngộ thất quân cơ khác.

## CHUẨN BỊ

Trước khi xuất quân, vua Cao Tông sai tổng đốc Vân Nam – Quý Châu theo đường Mông Tự hư trương thanh thế, lại muốn đánh đòn tâm lý nên tung ra một tờ hịch giả vờ để cho Nguyễn Huệ một sinh lộ cốt cho lực lượng Nam binh ngã lòng, nguyên văn như sau:

Nguyên văn

雲貴總督全銜，為愷切傳諭事，照得該國逆賊阮岳，阮惠兄弟，妄逞兵端，將黎城佔據，逼令嗣孫出奔，黎氏希屬投至天朝兩廣總督部堂孫奏明大皇帝發兵進討。

現在阮岳惶懼奔逃，其弟阮惠雖尚思屯聚，但已不敢佔據黎城，伊兄弟等窘蹙之餘，自俱必立就擒縛，該國嗣孫仗天朝兵力，可以剋期恢復。

本部堂總督雲南貴州等處地方與廣東廣西總督部堂孫俱管轄兩省，同奉聖旨督兵剿賊，念爾鎮目等自祖父以來，臣事黎氏，今其子孫不能振作，亦應心協力，為嗣孫捍禦外侮，方為正理，豈可背主事仇，甘心虧節，且阮賊逐主亂常，虐民厚斂，行同梟獍，即日大兵雲集會討，自必立就殘滅，即其附從黨羽，亦必咸伏厥辜。為此檄諭爾鎮目等務各凜思大義，若能志切同仇，招集兵民，掃除逆賊，迎戴故主，不特忠於該國，即大皇帝亦必渥於恩獎。

倘覩顏從逆，轉為阮賊所用，竊據一方，則是爾鎮目等毫無人心，不知天理。大兵進討，電疾風行，必將助惡之鎮目等先行誅滅。現在本部堂調集雲南貴州數萬兵馬，會同兩廣總督部堂孫訂期進發，一俟兩廣孫總督知會進兵日期，本部堂即督率官兵兩路會勦，料爾等竊據彈丸，豈能稍延旦夕，天兵所到，必成齏粉，爾鎮目等尚其各加猛省助順，則名節俱完，從逆則身家不保，禍福昭然，惟其自取，庶咸抒革命之忱，無自蹈噬臍之戚。

至爾阮岳，阮惠本屬黎氏之臣，乃敢作不靖，稱兵逐主，該國臣民無不心懷忿恨，現在孫總督親統大兵進討，又有諒山鎮目潘啟德糾約七州人馬及廠民暨文淵州民黃僚達，七泉州社目阮仲科等率眾前驅，兩廣兵威壯盛，諒阮岳，阮惠么魔<sup>21</sup>小醜，豈能復逞螳臂，一經拏獲，必將伊立正刑誅，即逃遁山僻，該國人眾亦必將伊擒獻黎王，該國王被爾攻逐，豈肯復從寬恕。

計阮岳，阮惠於廣西一路此時無所逃命，此固二人罪由自取。但如果及早悔罪自新，改邪歸正，或投至雲南邊境，本部堂尚可代為奏聞大皇帝格外施恩，宥其一死，即如從前爾安南夷目黃公纘因得罪黎王內投，曾蒙大皇帝加恩安插內地，至今安居保全許多性命。

若阮岳等能即速改圖，本部堂當奏聞大皇帝量寬一綫，仿照辦理，此本部堂仰體大皇帝如天好生之德，特為指示迷途，予以自新生路，禍福轉旋在於頃刻，可不凜諸，須檄諭者。<sup>22</sup>

## Dịch âm

Vân Quý tổng đốc toàn hàm, vi khả thiết truyền dụ sự, chiếu đắc cai quốc nghịch tặc Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ huynh đệ, vọng sinh binh đoàn, tương Lê thành chiếm cứ, bức lệnh tự tôn xuất bôn, Lê thị quyền thuộc đầu chí thiên triều, Lương Quảng tổng đốc bộ đường Tôn tấu minh hoàng đế phát binh tiến thảo.

Hiện tại Nguyễn Nhạc hoàng cụ bôn đào, kỳ đệ Nguyễn Huệ tuy thượng tư truân tỵ, dẫn dĩ bất cảm chiếm cứ Lê thành, y huynh đệ đảng quần túc chi dư, tự câu tất lập tự cầm phọc, cai quốc tự tôn trượng thiên triều binh lực, khả dĩ khắc kỳ khôi phục.

Bản bộ đường tổng đốc Vân Nam - Quý Châu đảng xứ địa phương dữ Quảng Đông - Quảng Tây tổng đốc bộ đường Tôn câu quản hạt lương tỉnh, đồng phụng thánh chỉ đốc quân tiểu tặc, niệm nhĩ trấn mục đảng tự tổ phụ dĩ lai, thân sự Lê thị, kim kỳ tử tôn tức bất năng chán tác, diệc ứng đồng tâm hiệp lực, vi tự tôn hãn ngữ ngoại vũ, phương vi chính lý, khởi khả bội chủ sự cừ, cam tâm khuy tiết, thả Nguyễn tặc trực chủ loạn thường, ngược dân hậu liễm, hành đồng kiêu cánh, tức nhật đại binh vân tập hội thảo, tự tất lập tự tàn diệt, tức kỳ phụ tòng đảng vũ, diệc tất hàm phục quyết cô. Vi thử hịch dụ nhĩ trấn mục đảng vụ các lẫm tư đại nghĩa, nhược năng chí thiết đồng cừ, chiêu tập binh dân, tảo trừ nghịch tặc, nghinh đái cố chủ, bất đặc trung ư cai quốc, tức đại hoàng đế diệc tất ác ư ân tưởng.

Thảng điển nhan tòng nghịch, chuyển vi Nguyễn tặc sử dụng, thiết cứ nhất phương, tặc thị nhĩ trấn mục đảng hào vô nhân tâm, bất tri thiên lý. Đại binh tiến thảo, điện tạt phong hành, tất tương trợ ác chi trấn mục đảng tiên hành tru diệt. Hiện tại bản bộ đường điều tập Vân Nam – Quý Châu số vạn binh mã, hội đồng Lương Quảng tổng đốc bộ đường Tôn đĩnh kỳ tiến phát, nhất sĩ Lương Quảng Tôn tổng đốc tri hội tiến binh nhật kỳ, bản bộ đường tức đốc suất quan binh lương lộ hội tiểu, liệu nhĩ đảng thiết cứ đạ hoàn, khởi năng sảo diên đản tịch, thiên binh sở đáo, tất thành tê phẩn, nhĩ trấn mục đảng thượng kỳ các gia mãnh lĩnh trợ thuận, tặc danh tiết câu toàn, tòng nghịch tất thân gia bất bảo, hoạ phúc chiêu nhiên, duy kỳ tự thủ, thứ hàm trữ cách mệnh chi thâm, vô tự đạo phê tề chi thích.

Chí nhĩ Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ bản thuộc Lê thị chi thần, nãi cảm tác bất tịnh, xưng binh trực chủ, cai quốc thần dân vô bất tâm hoài phần hận, hiện tại Tôn tổng đốc thân thống đại binh tiến thảo, hựu hữu Lạng Sơn trấn mục Phan Khải Đức cử ước thất châu nhân mã cập xưởng dân kỵ Văn Uyên châu dân Hoàng Liêu Đạt, Thất Tuyên châu xã mục Nguyễn Trọng Khoa đẳng xuất chúng tiền khu, Lương Quảng binh uy tráng thịnh, lượng Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ ma ma tiểu xú, khởi năng phục trình đường tị, nhất kinh noa hoạch, tất tương y lập chính hình tru, tức đào độn sơn tịch, cai quốc nhân chúng diệc tất tương y cầm hiến Lê vương, cai quốc vương bị nhĩ công trực, khởi khảng phục tông khoan thứ.

Kế Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ ư Quảng Tây nhất lộ thử thời vô sở đào mệnh, thử cố nhị nhân tội do tự thu. Đản như quả cập tảo hối tội tự tân, cải tà qui chính, hoặc đầu chí Vân Nam biên cảnh, bản bộ đường thương khả đại vi tấu văn đại hoàng đế cách ngoại thi ân, hựu kỳ nhất tử, tức như tông tiền nhĩ An Nam di mục Hoàng Công Toàn nhân đắc tội Lê vương nội đầu, lẳng mông đại hoàng đế gia ân an thấp nội địa, chí kim an cư bảo toàn hứa đa tính mệnh.

Nhược Nguyễn Nhạc đẳng năng tức tốc cải đồ, bản bộ đường đương tấu văn đại hoàng đế lượng khoan nhất tuyến, phương chiếu biện lý, thử bản bộ đường ngưỡng thể đại hoàng đế như thiên hiếu sinh chi đức, đặc vi chỉ thị mê đồ, dư dĩ tự tân sinh lộ, hoạ phúc chuyển toàn tại ư khoảnh khắc, khả bất lẫm chư, tu chí hịch dụ giả.

## Dịch nghĩa

*Toàn hàm tổng đốc Vân – Quý thiết tha truyền dụ rằng, vì chúng anh em bọn giặc Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, ngông cuồng vọng khởi binh đao, chiếm cứ Lê thành, áp bức tự tôn bỏ chạy nên quyền thuộc nhà Lê phải chạy sang thiên triều, (nhờ) đốc bộ đường tổng đốc Lương Quảng tâu lên đại hoàng đế phát binh trị tội.*

*Hiện nay Nguyễn Nhạc đã hoảng sợ bỏ chạy, còn em y là Nguyễn Huệ tuy vẫn toan đóng binh ở lại nhưng cũng không dám chiếm cứ Lê thành, anh em y trong tình hình quân bách, biết sẽ bị bắt ngay, một khi tự tôn nhờ được binh lực thiên triều theo đúng hạn kỳ sang lấy lại nước.*

*Bản bộ đường tổng đốc các tỉnh Vân Nam – Quý Châu cùng với tổng đốc Quảng Đông – Quảng Tây họ Tôn đều trông coi hai tỉnh, cùng phụng thánh chỉ đem quân tiêu trừ bọn giặc. Nghĩ đến tổ tiên trấn mục các người từ trước đến nay vẫn là bầy tôi họ Lê, nay đến cháu con lại không biết cùng đứng lên, đồng tâm hiệp lực, vì tự tôn ngoài chống xâm lấn, trong sửa sang chính sự, lại đem lòng phản chủ, theo kẻ thù, cam tâm làm điều tà vạy, đến nỗi Nguyễn tặc đuổi chủ làm loạn*

luân thường, tàn hại dân chúng, sưu cao thuế nặng, làm điều trái nghĩa. Một khi đại quân tập hợp cùng tiêu trừ, bọn chúng lập tức bị tiêu diệt, còn những kẻ hùa theo đảng giặc, ắt sẽ bị (dân) nổi lên chém giết. Chính vì thế, nay ta truyền hịch cho các trấn mục các người hãy nghĩ đến đại nghĩa, cùng nhau ra sức một lòng, chiêu tập binh dân, quét sạch nghịch tặc, nghênh đón chủ cũ, không những được tiếng trung với quốc gia, mà cũng còn được đại hoàng đế ân thưởng.

Còn như muối mặt mà chạy theo giặc, quay sang cho Nguyễn tặc dùng, chiếm giữ một vùng, thì bọn trấn mục các người quả là vô nhân tâm, không biết gì đến thiên lý. Đại binh tiến lên tiêu trừ, nhanh như sấm chớp, ắt những kẻ đi theo giặc sẽ bị tru diệt trước hết. Hiện nay bản bộ đường đang tập hợp mấy vạn binh mã Vân Nam – Quý Châu, cùng tổng đốc bộ đường họ Tôn của Lương Quảng định kỳ tiến phát. Đợi khi Lương Quảng Tôn tổng đốc cho biết ngày giờ tiến quân rồi, bản bộ đường sẽ tức tốc đốc thúc quan binh hai mặt cùng đánh vào, các người mỗi đứa chiếm cứ một vùng nhỏ bằng viên đạn, liệu chống đỡ được bao lâu, thiên binh tới nơi, ắt thành tro bụi. Còn như trấn mục các người biết tỉnh ngộ mà theo đường thuận, danh tiết cũng vẹn toàn, còn như chấp mê theo đường nghịch thì thân mình, gia quyến không bảo vệ được, hoạ phúc đã rõ ràng, hãy tự chọn lấy, ấy là tình thực bảo cho biết điều thay cũ đổi mới, chẳng phải là ta xui các người làm điều phản phúc.

Còn như Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ các người vốn là bầy tôi họ Lê, nay dám làm điều phản loạn, đem quân đuổi chủ, dân trong nước không ai là không phẫn hận, hiện nay Tôn tổng đốc đích thân dẫn đại binh tiêu trừ, lại có trấn mục Lạng Sơn là Phan Khải Đức cùng nhân mã bảy châu, thêm xưng dân châu Văn Uyên là Hoàng Liêu Đạt, xã mục châu Thất Tuyên là Nguyễn Trọng Khoa tất cả kéo nhau đi trước. Binh mã Lương Quảng uy phong cường tráng, liệu bọn Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ yêu ma tiểu xú các người, dám giơ cái càn bọ ngựa chống trả, một khi bắt được rồi ắt sẽ lập tức tru diệt, còn như trốn chạy vào nơi núi rừng, thì dân trong nước cũng sẽ bắt lấy đem hiến cho vua Lê, quốc vương các người trước bị đuổi đi, lẽ nào bây giờ lại dung thứ?

Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ đường Quảng Tây đã không còn cách nào chạy, tội thật do chính các người gây ra. Nếu như sớm hối lỗi đổi mới, cải tà qui chính, mang thân đến biên cảnh Vân Nam, bản bộ đường âu cũng thay mặt tâu lên đại hoàng đế gia ân đặc biệt, tha cho khỏi chết, cũng như trước đây An Nam di mục các người là Hoàng Công Toản vì đắc tội với Lê vương mà chạy qua, cũng được đại hoàng đế gia ân cho sinh sống nơi nội địa, cho đến nay bảo toàn được bao nhiêu tính mạng.

Nếu như Nguyễn Nhạc biết tức tốc quay đầu, bản bộ đường sẽ tâu lên đại hoàng đế mở cho một đường, tìm cách chiếu liệu. Bản bộ đường ngưỡng vọng đức hiếu

*sinh của đại hoàng đế như trời nên đặc biệt chỉ đường mê cho người, tìm một sinh lộ mới, hoạ phúc hay không chỉ trong khoảnh khắc, chớ nên chần chừ, hãy vâng theo lời dụ này.*

Người em thứ ba của Lê Duy Kỳ là Lê Duy Chỉ trước đây đã trở về nước cũng tập hợp dân chúng, hưởng dưỡng tính chuyện khôi phục, khi nghe tin quân Thanh qua đánh, ngày 20 tháng 9 đã trình lên Tôn Sĩ Nghị một tờ bẩm như sau:

Nguyên văn

安南國王第三弟蘭郡公黎維祇頓首跪申總督大人爵前，稟者：

祇兄德薄災生，逆賊肆起，禍及國家，宗社將覆。自去年十一月阮賊入寇黎城，祇兄維祁出奔，祇幼穉無知，亦倉遑避亂，幸有世臣等保護，祇母及眷屬避難太原。

不意逆賊阮岳，阮惠不念祇祖父之恩，敢肆倒戈之慘，將祇母及眷屬追至斗輿隘外，必欲殺盡一家。正在危急之際，仰蒙天朝大恩，濟難扶危，將祇母眷屬六十餘口救入龍州內隘，賞衣給食，更荷制憲大人專奏大皇帝移駐南寧，安居飽食，上下人等頓沾恩賜。

更念祇祖父以來臣事天朝，不忍黎氏絕祀，調兵數十萬住札三關，代祇兄力圖恢復，先發告示檄文，以破賊膽。祇現避難波篷，聞命之下，感激涕零。伏思祇祖宗國祚皆天朝所賜，百餘年來食德飲和久在覆載之中。茲因逆寇臨境，復蒙救於水火之內，使祇母子兄弟危而復安，亡而復存，此皆大皇帝再造之鴻恩也。

祇以草茅下乘，待罪羈旅，無由上達天聽，仰懇大人將祇母子兄弟一家感激微忱轉奏天廷，以表犬馬報主之心。

祇於本年五月二十六日在波篷廠被阮寇遣刺客刀砍數傷，幸得廠民救護，立將刺客殺死。祇傷今已平愈，現在糾集義民，號召鄉勇，遵循命令，力圖先復黎城，人心均亦踴躍。

若得祇兄歸國，骨肉團圓，世世子孫，生當隕首，死當結草矣。維祇臨稟不勝戰兢涕零之至。

乾隆五十三年九月二十日稟。<sup>23</sup>

Dịch âm

An Nam quốc vương tự tôn đệ tam đệ Lan Quận Công Lê Duy Chỉ đón thủ quy thân tống đốc đại nhân tước tiên, bảm giả:

Chỉ huynh đức bạc tai sinh, nghịch tặc tứ khởi, hoạ cập quốc gia, tông xã tương phúc. Tự khứ niên thập nhất nguyệt Nguyễn tặc nhập khẩu Lê thành, Chỉ huynh Duy Kỳ xuất bôn, Chỉ ấu trĩ vô tri, diệc thương hoàng tị loạn, hạnh hữu thế thần đẳng bảo hộ, Chỉ mẫu cập quyến thuộc tị nạn Thái Nguyên.

Bất ý nghịch tặc Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ bất niệm Chỉ tổ phụ chi ân, cảm tứ đảo qua chi thảm, tương Chỉ mẫu cập quyến thuộc truy chí Đẩu Áo ải ngoại, tất dục sát tận nhất gia. Chính tại nguy cấp chi tế, ngưỡng mong thiên triều đại ân, tế nạn phù nguy, tương Chỉ mẫu quyến thuộc lục thập dư khẩu cứu nhập Long Châu nội ải, thưởng y cấp thực, cánh hà chế hiến đại nhân chuyên tấu đại hoàng đế đi trú Nam Ninh, an cư bảo thực, thương hạ nhân đẳng đón triêm ân tứ.

Cánh niệm Chỉ tổ phụ dĩ lai thần sự thiên triều, bất nhẫn Lê thị tuyệt tự, điều binh số thập vạn trụ trát tam quan, đại Chỉ huynh lực đồ khôi phục, tiên phát cáo thị hịch văn, dĩ phá tặc đảm. Chỉ hiện tị nạn Ba Bồng, văn mệnh chi hạ, cảm kích thế linh. Phục tư Chỉ tổ tông quốc tộ giai thiên triều sở tứ, bách dư niên lai thực đức ẩm hoà cứu tại phúc tải chi trung. Tư nhân nghịch khẩu lâm cảnh, phục mong cứu ư thủy hoả chi nội, sứ Chỉ mẫu tử huynh đệ nguy nhi phục an, vong nhi phục tồn, thử giai đại hoàng đế tái tạo chi hồng ân dã.

Chỉ dĩ thảo mao hạ thừa, đãi tội ky lý, vô do thượng đạt thiên thính, ngưỡng khẩn đại nhân tương Chỉ mẫu tử huynh đệ nhất gia cảm kích vi thâm chuyển tấu thiên đình, dĩ biểu khuyến mã báo chủ chi tâm.

Chỉ ư bản niên ngũ nguyệt nhị thập lục nhật tại Ba Bồng xưởng bị Nguyễn khẩu khiến thích khách đao khảm số thương, hạnh đắc xưởng dân cứu hộ, lập tương thích khách sát tử. Chỉ thương kim dĩ bình dữ, hiện tại củ tập nghĩa dân, hiệu triệu hưởng dũng, tuân tuần mệnh lệnh, lực đồ tiên phục Lê thành, nhân tâm quân diệc dũng dực. Nhược đắc Chỉ huynh qui quốc, cốt nhục đoàn viên, thế thế tử tôn, sinh đương vẫn thủ, tử đương kết thảo hĩ.

Duy Chỉ lâm bảm bất thắng chiến căng thế linh chi chí.

Càn Long ngũ thập tam niên cửu nguyệt nhị thập nhật bảm.

Dịch nghĩa

*Em thứ ba tự tôn của quốc vương nước An Nam là Lan Quận Công Lê Duy Chỉ rạp đầu quì trước tống đốc đại nhân tâu lên rằng:*

*Anh của Chỉ này vì đức bạc nên tai vạ xảy ra, nghịch tặc nổi lên khiến hoạ đến quốc gia, tông miếu xã tắc gần như sụp đổ. Vào tháng 11 năm ngoai (1787), quân giặc họ Nguyễn tiến vào Lê thành, anh của Chỉ là Duy Kỳ bỏ chạy, Chỉ này còn non trẻ không biết gì, cũng hoảng hốt tránh loạn, may nhờ được các bầy tôi bảo hộ, mẹ của Chỉ và quyến thuộc tị nạn Thái Nguyên.*

*Ngờ đâu nghịch tặc Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ không nghĩ gì đến ơn của ông Chỉ (tức vua Hiến Tông), quay giáo giết chóc, đuổi theo mẹ Chỉ và quyến thuộc tới tận ngoài ải Đẩu Áo, toan bề giết sạch cả nhà. Trong cơn nguy cấp, may nhờ đại ân thiên triều, tể nạn phù nguy, cứu mẹ Chỉ và quyến thuộc hơn sáu mươi nhân mạng về Long Châu bên kia ải, cho cơm ăn áo mặc, lại được chế hiến đại nhân tâu lên hoàng đế đưa về Nam Ninh, sống yên ổn no đủ, trên dưới ai ai cũng được hưởng ơn mưa móc.*

*(Hoàng đế) lại nghĩ đến ông cha Chỉ này trước nay thờ phụng thiên triều, không nỡ để cho họ Lê tuyệt diệt, nên điều mấy chục vạn quân đóng ở ba cửa ải, giúp cho anh của Chỉ toan tính việc khôi phục, trước tung ra hịch văn cho mọi người rõ, để cho giặc vỡ mật. Chỉ nay đang tị nạn ở Ba Bồng, nghe được chuyện đó, xúc động đến rơi nước mắt.*

*Nghĩ đến nước non tổ tông Chỉ này đều do thiên triều ban cho, hơn trăm năm nay được hoà bình cũng là nhờ ơn che chở ấy cả. Nay nhân nghịch khấu tràn vào trong nước, lại chịu ơn cứu thoát ra khỏi nơi nước lửa, khiến cho mẹ con anh em Chỉ này đang nguy trở lại an, đang mất mà lại còn, tất cả đều do hồng ân tái tạo của đại hoàng đế vậy.*

*Chỉ này hèn mọn quê mùa, lang thang không nhà, chẳng biết làm sao đệ đạt lên thiên triều, chỉ mong đại nhân đem tấc lòng cảm kích của mẹ con, anh em Chỉ tâu lên thiên đình, để tỏ tấm lòng báo chủ của thân chó ngựa.*

*Ngày 26 tháng 5 năm nay, Chỉ ở xứ Ba Bồng bị Nguyễn khấu sai thích khách chém mấy nhát, may nhờ xứ dân cứu hộ, giết được thích khách. Đến nay các vết thương cũng đã lành, đang tập hợp nghĩa dân, hiệu triệu hương dũng để toan tính việc khôi phục Lê thành, ai nấy hăng hái hơn hở. Nếu anh của Chỉ được trở về nước, cốt nhục đoàn viên, đời đời cháu con, sống thì rập đầu, chết nguyện kết cỏ.*

*Duy Chỉ hoảng hốt run rẩy, lập cập tâu lên.*

*Càn Long năm thứ năm mươi ba, ngày 20 tháng 9.*

Nguyễn Thời Kiệt (阮時傑) trình bày với quan quân nhà Thanh rằng nước Nam mấy năm qua bị hạn hán, từ mùa thu năm nay lại mưa dầm, đường đi nhiều nơi bị ngập nước. Từ Lạng Sơn xuống đến Thăng Long phải qua bốn con sông lớn, nước chảy xiết, binh mã khó đi, phải chờ cho đến sau tháng mười trời tạnh ráo hãy xuất quân mới thuận tiện. Trong cái thế chủ quan sẵn có tin chắc rằng việc thôn tính nước ta thật dễ như “*xoa tay nhổ một bãi nước bọt*”, Tôn Sĩ Nghị lập tức tính chuyện chiến thắng nên tâu lên:

...風聞暹羅國海道逼近廣南，曾與阮賊彼此功殺，未知是否確鑿。就臣下見，暹羅鄭王臣服天朝，甚屬恭順，兼係新造之邦，兵力亦必充裕，與其多費內地兵馬錢糧，將廣南取回歸於黎氏，仍貽後患，可否請旨諭知暹羅國王，趁天兵進勦阮賊不暇他顧之時，令其就近佔取廣南，即將其地永隸暹羅，徵納賦稅，該國自必樂從。<sup>24</sup>

#### Dịch âm

... Phong văn Xiêm La quốc hải đạo bức cận Quảng Nam, tăng dữ Nguyễn tặc bỉ thử công sát, vị tri thị phủ xác tạc. Tự thần hạ kiến, Xiêm La Trịnh vương thần phục thiên triều, thậm thuộc cung thuận, kiêm hệ tân tạo chi bang, binh lực diệc tất sung dụ, dữ kỳ đa phí nội địa binh mã tiền lương, tương Quảng Nam thu hồi qui ư Lê thị, nhưng di hậu hoạn, khả phủ thỉnh chỉ dụ tri Xiêm La quốc vương, sấn thiên binh tiến tiêu Nguyễn tặc bất hạ tha cố chi thời, lệnh kỳ tự cận chiếm thủ Quảng Nam, tức tương kỳ địa vĩnh lệ Xiêm La, trưng nạp phú thuế, cai quốc tự tất lạc tông.

#### Dịch nghĩa

... Nghe rằng nước Xiêm La đường biển ngay sát Quảng Nam (tức miền Nam nước ta khi đó nhà Thanh gọi là nước Quảng Nam), đã từng cùng Nguyễn tặc hay bên chém giết nhau, chẳng biết có đúng hay không. Theo hạ kiến của thần, Trịnh Vương<sup>25</sup> nước Xiêm La thần phục thiên triều, cực kỳ cung thuận, lại là nước mới thành lập, binh lực hẳn là sung túc, việc gì mình phải tốn phí tiền bạc lương thực thu hồi Quảng Nam cho họ Lê làm gì, để gây ra cái vạ về sau. Vậy xin bệ hạ chỉ dụ cho quốc vương Xiêm La, nhân lúc thiên binh tiến trừ khiến Nguyễn tặc không thể nào quay lại chống đỡ được, ra lệnh cho y đem binh chiếm Quảng Nam rồi đem đất đó giao luôn cho Xiêm La để cho họ thu thuế má, ắt nước đó sẽ từ nay ngoan ngoãn phục tông ta.

Thoạt đầu vua Càn Long thấy kế đó có thể thực hiện được nhưng sau đó suy nghĩ lại, muốn ăn trọn liền ra lệnh cho Tôn Sĩ Nghị, nguyên văn như sau:

...此為下策，從來撫馭外域之道，惟仗天朝威重，全不籍外域兵力攸助。況暹羅本與阮文惠相攻，今若令其佔取廣南，將來事定後，自必將廣南給與暹羅。<sup>26</sup>

#### Dịch âm

... Thử chi hạ sách, tông lai phủ ngự ngoại vực chi đạo, duy trường thiên triều uy trọng, toàn bất tịch ngoại vực binh lực thứ trợ. Huống Xiêm La bản dĩ Nguyễn Văn Huệ bỉ thử tương công, kim nhược lệnh kỳ chiếm thu Quảng Nam, tương lai sự định hậu, tự tất tương Quảng Nam cấp dĩ Xiêm La.

#### Dịch nghĩa

... Kế đó là hạ sách, xưa nay cái đạo võ về ngoại vực, bao giờ cũng lấy uy của thiên triều làm trọng, đâu có phải nhờ ngoại vực đem sức hỗ trợ đâu? Vả lại Xiêm La vốn cùng Nguyễn Văn Huệ đánh phá lẫn nhau, nếu như bây giờ bảo họ chiếm lấy Quảng Nam, một mai việc bình định xong xuôi rồi, ắt phải đem Quảng Nam cho không Xiêm La.

Vua Càn Long sau đó thay thế kế hoạch của Tôn Sĩ Nghị bằng cách chỉ nhờ Xiêm La giăng lưới bắt giữ Nguyễn Huệ nếu như ông dùng thuyền bỏ chạy khi bị tấn công, họ Tôn bèn gửi một văn thư cho vua Xiêm La nguyên văn như sau:

兩廣總督，廣東巡撫全銜，為檄知事，照得該國王僻處海隅，素殷慕義，荷蒙大皇帝恩施優渥，特賜冊封，俾得鎮撫土地人民，永享樂利，該國王感激忱悃，自倍尋常。

近因安南國逆臣阮惠逐主篡據，黎氏契眷內投，本督部堂稟承勅旨親統大兵聲罪致討，電迅風馳，勢如破竹，阮賊自必即日就擒。

第聞阮賊等所據廣南地方與暹羅海道毗連，逋逃甚易，或阮賊自知罪在不赦，窮蹙奔逃，為苟延殘喘之計。貴國臣事天朝，受恩深重，理宜力圖自效，應即酌派兵力，於廣南沿海地方遙於聲援，以防竄逸。倘阮賊竟由海道逃至暹羅，該國王即應設法擒獻，俾正刑誅，其為效力受賞更當何如，況貴國曾與阮賊彼此相攻，今阮賊似取滅亡，鋌而走險，該國王正可俘此窮寇，以雪前怨，且天朝撫馭外藩遐爾一體，安南之有逆臣，猶暹羅之有逆臣也。阮賊逼主亂常，志圖篡竊，大皇帝念安南臣服日久，素稱恭順，特遣大兵為之恢復，俾黎姓得還國都，並不利其土宇，仁至義盡，超越千古，凡在屬國，咸當感激思奮。暹羅與安南接壤，睹天朝如此舉動，寧不念切同仇，且邀重賞乎？

檄到該國王即一面發兵堵截，一面咨會本部堂院俟事定後奏聞大皇帝，自必

深為嘉許，該國王仰叨恩眷，深維大義，助順去逆，可不勉旃，須至檄者。  
27

### Dịch âm

Lưỡng Quảng tổng đốc, Quảng Đông tuần phủ toàn hàm, vi hịch tri sự, chiếu đấng cai quốc vương tịch xứ hải ngưng, tố ân mộ nghĩa, hà mông đại hoàng đế ân thi ưu ác, đặc tứ sách phong, tử đấng trấn phủ thổ địa nhân dân, vinh hưởng lạc lợi, cai quốc vương cảm kích thâm khốn, tự bội tâm thường.

Cận nhân An Nam quốc nghịch thần Nguyễn Huệ trực chủ soán cứ, Lê thị khế quyền nội đầu, bản đốc bộ đường bảm thừa sắc chỉ thân thống đại binh thanh tội chí thảo, điện tấn phong trì, lao như phá trúc, Nguyễn tặc tự tất tức nhật tự cầm.

Đệ văn Nguyễn tặc đảng sở cứ Quảng Nam địa phương dữ Tiêm La hải đạo tì liên, bô đào thâm dị, hoặc Nguyễn tặc tự tri tội tại bất xá, cùng túc bôn đào, vi cầu diên tàn suyễn chi kế. Quý quốc thần sự thiên triều, thụ ân thâm trọng, lý tuyên lực đồ tự hiệu, ứng tức chước phái binh lực, ư Quảng Nam duyên hải địa phương dao ư thanh viện, dĩ phòng thoán dật. Thảng Nguyễn tặc cánh do hải đạo đào chí Xiêm La, cai quốc vương tức ứng thiết pháp cầm hiến, ti chính hình tru, kỳ vi hiệu lực thụ thưởng cánh đương hà như, hưởng quý quốc tăng dữ Nguyễn tặc bỉ thử tương công, kim Nguyễn tặc tự thủ diệt vong, đĩnh nhi tẩu hiểm, cai quốc vương chính thử phù thử cùng khấu, dĩ tuyết tiền oán, thả thiên triều phủ ngự ngoại phiên hà nhĩ nhất thể, An Nam chi hữu nghịch thần, do Xiêm La chi hữu nghịch thần dã.

Nguyễn tặc bức chủ loạn thường, chí đồ soán thiết, đại hoàng đế niệm An Nam thân phục nhật cửu, tố xưng cung thuận, đặc khiển đại binh vi chi khôi phục, tử Lê tính đấng hoàn quốc đô, tịnh bất lợi kỳ thổ vũ, nhân chí nghĩa tận, siêu việt thiên cổ, phạm tại thuộc quốc, hàm đương cảm kích tư phẫn. Xiêm La dữ An Nam tiếp nhượng, đố thiên triều như thử cử động, ninh bất niệm thiết đồng cừu, thả yêu trọng thưởng hồ? Hịch đấng cai quốc vương tức nhất diện phát binh đồ tiệt, nhất diện tư hội bản bộ đường viện sĩ sự định hậu tấu văn đại hoàng đế, tự tất thâm vi gia hứa, cai quốc vương ngưỡng thao ân quyền, thâm duy đại nghĩa, trợ thuận khử nghịch, khả bất miễn chiên, tu chí hịch giả.

### Dịch nghĩa

*Lưỡng Quảng tổng đốc kiêm Quảng Đông tuần phủ toàn hạt vì hịch mà biết được việc rằng quý quốc vương ở một góc biển, vẫn thường ngưỡng mộ điều nghĩa, nên được đại hoàng đế đãi ngộ hậu hĩ, đặc biệt sách phong nên mới có thể cai trị, vỗ*

về nhân dân ở nơi đó, mãi mãi được vui vẻ lợi lộc, nên quý quốc vương cực kỳ cảm kích, không biết bao nhiêu cho hết.

Gần đây nhân nước An Nam có nghịch thần là Nguyễn Huệ, đuổi chúa, chiếm lấy đất đai nên thân tộc họ Lê đã đầu phục qua Trung Quốc. Vì thế bản đốc bộ đường theo lệnh chỉ đích thân thống lãnh đại binh đến hỏi tội, chẳng khác gì sấm ran gió cuốn, thế như chẻ tre, Nguyễn tặc ắt sẽ bị bắt trong nay mai.

Ta cũng biết rằng tên giặc Nguyễn hùng cứ nơi đất Quảng Nam, vốn đường biển ngay sát với Xiêm La, chạy trốn rất dễ, Nguyễn tặc cũng hẳn biết rằng tội ác khó dung, gặp lúc cùng đường ắt sẽ bỏ chạy để mong lấy chút hơi tàn.

Quý quốc vốn thờ phụng thiên triều, chịu ơn thật nặng, theo lẽ thì phải hết sức ra công, nên vì thế phải phái binh ra, đến duyên hải Quảng Nam để hỗ trợ phòng khi bọn chúng đào tẩu. Nếu như tên giặc Nguyễn đi theo đường biển chạy sang Xiêm La, quý quốc vương hãy tìm cách bắt lấy y, dùng chính pháp mà xử tử như thế thì công lao không biết là nhường nào. Vả lại quý quốc cùng Nguyễn tặc đã đánh qua đánh lại, nay Nguyễn tặc tự tìm chỗ diệt vong mà phải chạy thoát thì quốc vương nếu bắt được tên giặc cùng đường này cũng để rửa được mối hờn, lại cũng là cách thiên triều võ về ngoại phiên luôn thể. Nước An Nam có nghịch thần thì cũng không khác gì Xiêm La có nghịch thần vậy.

Nguyễn tặc hiếp chúa làm loạn luân thường, có ý soán nghịch, đại hoàng đế vì nghĩ đến tình An Nam thân phục đã lâu, xưa nay rất cung kính thuận tòng, nên mới đặc khiến đại binh sang để khôi phục lại, cốt lấy lại quốc đô cho họ Lê, tuyệt nhiên không có ý dòm ngó đất đai, quả là hết sức nhân nghĩa, vượt quá cổ kim, phàm là thuộc quốc nên nghĩ đến như thế mà thêm cảm kích.

Xiêm La đất đai liền với An Nam, trông thấy thiên triều làm những điều đó, thì cũng nên nghĩ đến việc có chung mối thù, lại chẳng là món thưởng lớn hay sao? Nay truyền hịch này đến quốc vương lập tức một mặt phát binh chặn đường, một mặt chờ bản bộ đường xong việc rồi sẽ tâu lên đại hoàng đế, ắt sẽ hết sức khen ngợi là quốc vương vì ngưỡng mộ lòng quyến cố, lại hiểu đại nghĩa nên trợ điều thuận bỏ điều nghịch, hãy nên gắng sức làm theo điều hịch này.

Từ những tài liệu nêu trên chúng ta có thể khẳng định được mưu đồ của vua Càn Long và Thanh đình, không những muốn chiếm nước ta, mà còn muốn vươn dài tới tận cực nam bán đảo Đông Dương, đồng thời không muốn Xiêm La có thể trở thành một thế lực nguy hiểm. Mưu tính đó cũng phù hợp với chính lược và chiến lược của nhà Thanh trong nhiều năm qua, một mặt bành trướng lãnh thổ, một mặt chia cắt các phiên thuộc để không quốc gia nào trở thành mối đe dọa, phương hại đến ảnh hưởng của Trung Hoa.

Trong chiến lược chủ đạo đó, Tôn Sĩ Nghị đã được lệnh án binh bất động, càng ít chạm trán với quân Tây Sơn càng tốt, chỉ dùng lực lượng dư đảng nhà Lê làm đội tiền phong để hai bên thành thế “*lưỡng bại câu thương*” rồi sau đó sẽ ngư ông đắc lợi. Xét như thế, việc Tôn Sĩ Nghị chùng chình không muốn tiến quân, chỉ hư trương thanh thế để dọa dẫm mua thời gian nằm đều trong đại kế hoạch của vua Càn Long, mặc dầu khi bỏ chạy vẫn bị trị tội, nhưng không phải do chủ ý của triều đình mà do Tôn Sĩ Nghị tự ý dâng biểu xin trách phạt như chúng ta sẽ thấy ở sau. Việc các sử gia Trung Hoa cố gắng biện minh cho âm mưu của Thanh triều trở thành lối bịch và mâu thuẫn.

Việc thay đổi kế hoạch cũng khiến họ Tôn phải tính toán một kế hoạch lâu dài, chậm mà chắc nên chưa đưa ra một phương lược tấn công trước khi hoàn toàn chủ động. Những chuẩn bị của Tôn Sĩ Nghị cho thấy việc biến nước ta thành quận huyện để mở rộng bờ cõi theo thánh ý của vua Càn Long không thể coi như một trận chiến nhất thời có thể điều binh một cách hấp tấp.

Lý lẽ chủ quan đó cộng thêm việc quân Tây Sơn bỏ ngỏ thành Thăng Long một cách dễ dàng lại càng làm cho Tôn Sĩ Nghị thêm khinh địch. Trong khi đó Lê Chiêu Thống và đám cựu thần nhà Lê thì vẫn tin tưởng rằng một khi có bóng dáng quân Thanh, Nguyễn Huệ sẽ bỏ ngay miền Bắc để lui trở về phần đất cũ ở phía nam sông Gianh, hay quá lắm cũng chỉ chiếm giữa một vài tỉnh địa đầu là cùng. Họ cũng tưởng việc quân Thanh sang nước ta quả là vì muốn khôi phục vương vị cho vua Lê, biết đâu rằng nhà Thanh chỉ đục nước béo cò, toan đứng giữa để xem hai bên tương tranh mà thủ lợi.

## LỰC LƯỢNG

Ngày 28 tháng 8 năm Càn Long 53, theo lệnh của vua Cao Tông, Tôn Sĩ Nghị cùng Hứa Thế Hanh chuẩn bị xuất phát.<sup>28</sup> Sau khi cả hai mặt trận đông và tây đều đã truyền hịch để phô trương thanh thế, quân Thanh bắt đầu tiến sang nước ta.

### 1/ BÔ PHÂN CHỈ HUY

Cứ như tổ chức hành chánh và quân đội của Thanh triều, đội quân viễn chinh sang đánh nước Nam bao gồm:

- Chỉ huy tối cao: Tôn Sĩ Nghị, tổng đốc Lương Quảng
- Yểm trợ: Phú Cương, tổng đốc Vân Quý
  - o Chỉ huy quân đội (cánh quân mặt đông): đề đốc Quảng Tây Hứa Thế Hanh (許世亨)<sup>29</sup>, có hai phụ tá
    - tổng binh<sup>30</sup> Quảng Tây Thượng Duy Thăng (尚維昇)<sup>31</sup>, phó tướng Tôn Khánh Thành<sup>32</sup>
    - tổng binh Quảng Đông Trương Triều Long (張朝龍)<sup>33</sup>, phó tướng Lý Hóa Long
  - o Chỉ huy quân đội (cánh quân mặt tây): đề đốc Vân Nam Ô Đại Kinh<sup>34</sup>, có hai phụ tá
    - tổng binh Thọ Xuân Định Trụ (定柱)<sup>35</sup>
    - tổng binh Khai Hóa Tôn Khởi Giao (孫起蛟)<sup>36</sup>

Ngoài ra còn các cánh quân thổ dân, nghĩa dũng, thân binh của các dân tộc thiểu số như quân của thổ ti Điền Châu Sầm Nghi Đống, đi cùng với các xướng dân ở Cao Bằng.

### 2/ QUÂN ĐỘI ĐIỀU ĐÔNG

Theo những chi tiết ghi trong *Càn Long Trọng Yếu Chiến Tranh chi Quân Nhu Nghiên Cứu* (乾隆重要戰爭之軍需研究) của Lai Phúc Thuận (賴福順) thì quân Thanh chia làm hai đạo chính: Quảng Tây và Vân Nam.

## **a/ Lương Quảng**

Năm Càn Long thứ 53 (1788), thoát tiên nhà Thanh điều động 5,000 quân Quảng Đông, 10,000 quân tỉnh Quảng Tây, tổng cộng là 15,000 người, trong đó 10,000 người xuất quan tiến xuống, 2,000 người phòng thủ Lạng Sơn, 1,300 người canh giữ 18 kho lương thực ở bên ngoài cửa ải, 1,700 người còn lại chia ra canh phòng các nơi bên trong cửa ải. Về sau Tôn Sĩ Nghị thấy 15,000 không đủ nên lại điều động thêm 3,000 lính nữa từ Quảng Đông, 3,500 lính từ Quảng Tây nâng con số mặt đông lên tổng cộng 21,500 người.

Tháng giêng năm Càn Long thứ 54 (1789), sau khi triệt binh, lại sai 3,000 quân tỉnh Quảng Đông, 2,100 quân tỉnh Quảng Tây đến cửa Trấn Nam các nơi phòng thủ, tổng binh trấn Hữu Giang là Vương Lâm lại điều động từ 900 đến 1,400 quân chia ra tuần phòng các cửa ải thuộc phủ Trấn An. Quân số chính thức của hai tỉnh Quảng Đông – Quảng Tây dùng vào chiến dịch đánh nước ta như vậy vào khoảng 3 vạn người, không tính phu phen và thổ binh, hương dũng.

### Quảng Đông:

Quân Quảng Đông từ Quảng Châu đưa tới, theo đường thủy đến phủ Triệu Khánh, qua huyện Phong Châu ra khỏi cảnh giới vào huyện Thương Ngô, phủ Ngô Châu, tỉnh Quảng Tây đi qua phủ Tâm Châu, Nam Ninh đến bến đò huyện Tuyên Hóa, rồi từ đó đi theo đường bộ đến huyện Sùng Thiện, phủ Thái Bình, từ châu Ninh Minh mà qua cửa Trấn Nam.

Năm ngàn quân (đợt I) điều động từ tỉnh Quảng Đông gồm có bao quát và đề tiêu mỗi đội 1,500 người, cánh tả, cánh hữu mỗi cánh 1,000 người, do tổng binh Trương Triều Long, và Lý Hóa Long chỉ huy, chia từng đội 500 người tổng cộng là mười đội lần lượt kéo đến biên cảnh Quảng Tây. Những quân này là quân mới đánh thắng Đài Loan, phần lớn vừa mới trở lại quân doanh thì đã bị sai đi xuất chinh lần nữa.

Quân Quảng Tây bao gồm 10,000 người do đề tiêu, tả giang trấn, hữu giang trấn các doanh chỉ huy, trong đó 4,000 người tới trước được phân phối chia nhau giữ các cửa ải ở Trấn Nam Quan, sau lại điều thêm 6,000 quân nữa cho đủ số 10,000 quân.

Quân Quảng Đông tiến vào trong cảnh giới huyện Thương Ngô của tỉnh Quảng Tây thì đã coi như ra khỏi địa giới tỉnh mình, chiếu theo qui định về quân nhu thì khi nào còn ở trong khu vực bản tỉnh từ lúc xuất quân đến khi tới giáp giới hai tỉnh chỉ mang theo gạo ăn, không cần mang muối hay đồ ăn, còn khi đã rời khỏi bản tỉnh thì tất cả gạo muối thức ăn đều được chu cấp, nếu thắng trận trở về thì về đến bản tỉnh cũng chỉ phải mang theo gạo ăn, quan viên các tỉnh sẽ ứng chiếu cung cấp dân đinh phục dịch những nhu cầu khác.

Quan binh tỉnh Quảng Tây chiếu theo như thế mà cấp, chỉ có đến Trấn Nam Quan rồi, ở nội địa thì theo luật trong nước, ra khỏi quan thì theo luật xuất cảnh. Thế nhưng Tôn Sĩ Nghị lại ra lệnh cho những viên chức biện sự, quan binh từ khi chưa xuất cảnh cũng chiếu theo chiết giảm thực phẩm, định rằng mỗi người quan binh mỗi ngày được phát lương hai lần, phó tướng 1 tiền 6 phân, tham tướng, du kích 1 tiền, đô ti 7 phân, thủ bị 6 phân, thiên, bả tổng cho chí ngoại ủy 4 phân, tiền đó bao gồm cả gạo lẫn đồ ăn, muối mắm. Lính 2 phân, còn binh đinh, căn dịch (lính chặn ngựa), dư đinh (phu phen) mỗi ngày được 8 bát 3 môi gạo.

Cứ tính theo lương bổng lúc bình thời, việc cấp dưỡng như thế bị giảm bớt nhiều, nếu tính một tháng thì phó tướng bị bớt đi 2 lượng 4 tiền, tham tướng, du kích 1 lượng 2 tiền, đô ti 9 tiền, thủ bị 6 tiền, thiên thống 8 tiền, bả tổng, ngoại ủy 3 tiền, binh lính phu phen 3 tiền. Đồ đồng ra lương lậu bị giảm khoảng 30%, trong đó thiên tổng, binh đinh bị giảm nhiều nhất.<sup>37</sup>

Quan binh hai tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây cùng các phu phen, binh lính chuyên chở lương thảo, đường bộ và đường thủy, tổn phí tổng cộng hơn 70,800 lượng bạc. Năm Càn Long thứ 53, tỉnh Quảng Đông điều động 5000 quân, đem theo 266 con ngựa, Quảng Tây điều động 10,000 quân cùng 423 con ngựa. Năm Càn Long thứ 54 lại điều thêm 3000 quân tỉnh Quảng Đông, thêm 62 con ngựa, tỉnh Quảng Tây thêm 3,500 binh sĩ nhưng không đem thêm ngựa. Ngựa được nuôi bằng đậu mà tỉnh Quảng Tây không sản xuất được đậu nên khi đi qua châu huyện nào thì các trạm sẽ ứng chiếu cung cấp bốn thăng thóc, mỗi thạch trả cho 4 tiền, 10 cân cỏ tính thành một bó.

Ra khỏi cửa ải rồi (tức qua bên nước ta) trên đường tới Lê thành (thành Hà Nội) vì đường đi gập ghềnh hiểm trở, đất bằng rất ít, ngựa không thể đi nhanh nên tính theo lối cũ, mỗi con ngựa ngày cho ăn 4 thăng đậu như lúc bình thời nuôi doanh mã, thêm 5 thăng 3 bát 3 môi thóc nhưng vì ra ngoài không có thóc cho ngựa ăn nên đổi thành 2 thăng 6 bát 6 môi gạo và 2 bó cỏ, chiếu quân nhu tính giá là 2 phân bạc.<sup>38</sup>

Những quan binh không có ngựa thì chiếu tiền nuôi ngựa mà cấp cho để trả phu phen. Tổng kết lần này quan binh lương Quảng, cả lính lẫn ngựa cùng phu phen, hao phí 22,153 lượng bạc, gạo 2,804 thạch gạo. Những quan đi ngựa trên bộ, mỗi con ngựa được cấp hai người phu, còn những phu phen, ngựa cần thêm thì các trạm tùy theo nhu cầu mà cung ứng, nếu không có đủ thì bắt thêm dân phu. Phu phen cứ theo lệ mỗi người được trả 5 phân bạc, không có gạo nhưng lần này ở quan nội thì mỗi người được 5 phân, ra quan ngoại thì được 8 phân, mỗi ngày được một thăng gạo. Trước đây khi ra đánh các vùng quan ngoại (miền bắc) thì ngựa cho thả rong kiếm ăn nhưng lần này triều đình phải cấp gạo cỏ cho ngựa vì tình hình địa thế không giống nơi khác.

Vào thời kỳ này bên ngoài cũng như bên trong ải Trấn Nam, mưa dầm rất nhiều, đường đi lại càng khó khăn, mấy năm liền bị hạn hán nhưng từ vào thu đến nay lại quá nhiều

nước, nhiều đoạn đường núi bị ngập. Từ Trấn Nam Quan đến Lê thành, đường khoảng 600 dặm, đi qua ba con sông Thọ Xương, Thị Cầu, Phú Lương, nước sông chảy xiết, binh mã qua lại rất khó khăn, phải đến trung tuần tháng mười trời tạnh ráo, đại binh lúc ấy mới tiến qua được. Bốn ngàn quân lính phòng thủ các ải của tỉnh Quảng Tây vì bị mưa dầm nên khí hậu không lành mạnh, số người bị bệnh rất nhiều. Còn quân của tỉnh Quảng Đông bị điều đi từ cuối tháng 9, mất 10 ngày từ mùng 1 đến ngày 11 tháng 10 tất cả mới ra khỏi cảnh giới nhưng phải sau ngày 20 tháng 11 mới đến được Trấn Nam Quan.

Tôn Sĩ Nghị không đợi cho quân Quảng Đông đến đủ số đã ra lệnh phát binh, đích thân hối thúc quan binh, cho rằng đã trễ lắm rồi. Thế nhưng thời đó quan ngoại trời mưa tầm tã, quân đi không khỏi ướt át chậm chạp nếu ra khỏi cửa quan rồi đứng lại chờ thì không thể tiến được, đành phải đợi đến trung tuần tháng mười về sau, trời tạnh ráo mới tiếp tục đi.

Ngày 28 tháng 10, giờ Mão tế cờ mở cửa ải tiến qua, Tôn Sĩ Nghị đích thân đưa 3,800 quân tỉnh Quảng Tây, thêm 1,500 quân tỉnh Quảng Đông, tổng cộng 5,300 người tới Lạng Sơn thì đóng quân đợi thêm viện binh. Ngày 12 tháng 11, thêm 3,500 quân Quảng Đông, 1,200 quân tỉnh Quảng Tây đến, Tôn Sĩ Nghị phân bố 2,000 quân phòng thủ trên đường đi, đưa 8,000 quân tiến lên.

#### Quảng Tây:

Về tỉnh Quảng Tây, ngoài 5000 quân bản bộ, Tôn Sĩ Nghị cũng điều động 4000 quân đang trấn giữ ở Nam Quan và các cửa ải, lại tuyển thêm 1000 quân bổ sung thành 5000 người nâng quân số của tỉnh Quảng Tây lên tổng cộng 10,000 người.<sup>39</sup> Ngoài số lính ra, Quảng Tây còn mang theo 423 con ngựa, về sau tăng viện 3,500 binh sĩ, tổng cộng 13,500 quân và 423 ngựa.

Tính như thế tổng cộng số quân do Tôn Sĩ Nghị trực tiếp chỉ huy bao gồm hai tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây là 21,500 quân và 751 con ngựa. Theo tiêu chuẩn mỗi con ngựa là 2 người phu thì họ phải điều động thêm khoảng 1500 dân phu để phục dịch cho 751 con ngựa nữa, riêng mắt Quảng Tây tổng cộng cả lính lẫn phu chăn ngựa lên khoảng trên dưới 23,000 người.<sup>40</sup> Cũng nên nói rõ là ngựa mà quân Thanh dùng trong chiến dịch không phải là loại ngựa chiến mà là loại ngựa bản địa, nhỏ nhưng dai sức để dùng cho quan quân cưỡi và chở đồ đạc, súng đạn.<sup>41</sup>

Trong số này, khoảng chừng 18,000 người qua ải Nam Quan tiến vào Thăng Long, 5,000 còn lại chia thành ba toán, 2,000 người ở lại phòng thủ Lạng Sơn, 1300 người chia ra canh gác 17 kho lương thực được thành lập dọc theo tuyến đường từ Lạng Sơn đến kinh đô, 1700 người khác chia ra canh phòng các nơi hiểm yếu.<sup>42</sup>

Đường qua nước ta lắm rừng nhiều núi, súng lớn (大礮) không thể mang theo được nên chỉ đem được phách sơn pháo (劈山礮) vì tương đối gọn nhẹ dễ vận chuyển. Có điều Quảng Tây lại không được trang bị loại súng này, Tôn Sĩ Nghị phải điều động đem 20 khẩu phách sơn pháo từ Quảng Đông.

## **b/ Vân Quý**

Các phủ Khai Hóa và Lâm An của Vân Nam thông với An Nam, trong đó huyện Mông Tự tiếp giáp với trấn Hưng Hóa của An Nam, từ Lâm An đến biên giới khoảng chừng hơn 30 trạm, từ biên giới Hưng Hóa đến Lê Thành nước An Nam, xa gần thế nào, qua những vùng nào tin tức không được rõ rệt. Còn từ Lâm An đến biên giới phải qua 3 con sông, đều phải qua đất của thổ dân, chướng khí rất nặng, nước sông tuy chảy xuôi nhưng lại không có thuyền bè gì mà qua được, cũng chẳng biết là đi đến đâu. Một đường do phủ Khai Hóa tới Mã Bạch Quan đi qua đất Tuyên Quang của An Nam thì xa Lê thành, lộ trình phải qua hơn 20 trạm, so với lối qua Mông Tự thì gần hơn, khí hậu cũng tốt hơn, lại không xa đất Cao Bằng, Lạng Sơn của An Nam nên vì thế theo đường Mã Bạch mà tiến binh.

Khởi đầu điều động quân ba phủ Khai Hóa, Lâm An, Quảng Nam (bên Tàu) 3,000 quân ngày 15 tháng 9 tổng đốc Vân Quý là Phú Cương phụng chỉ tiến binh rồi, lại do hai phủ Lâm An, Khai Hóa điều động 2,000 quân do tổng binh Khai Hóa là Tôn Khởi Giao thống lãnh tiến đến đóng ngay tại Mã Bạch Quan, cùng với các đề, phủ, đốc tam tiêu cùng các thành thủ, khúc tâm, võ định các doanh điều binh 3,000 người, định ngày mồng 10 tháng 11 sẽ cùng đến biên khẩu, lại cùng các quan trấn thủ các doanh Đại Lý, Chiêu Thông, đóng cách Khai Hóa chừng 20 trạm.

Ngày 13 tháng 11, Phú Cương dẫn 1,000 đốc tiêu binh đến Mã Bạch Quan trước, cùng 2,000 quân trú đóng nơi đây chia thành từng đội ra khỏi cửa ải, dự định ngày 17 sẽ xuất phát. Về sau vì phu lương chưa đủ nên phải hoãn lại đến giờ Thìn ngày 20 mới khởi trình, 3,000 binh chia làm ba ngả sai phó tướng Định Trụ đi đầu, Phú Cương, Ô Đại Kinh dẫn hai đội theo sau. Còn những binh lính chưa tới kịp thì sau đó sẽ đi. Ra khỏi cửa ải đường rừng rậm rạp, lộ trình càng thêm hiểm trở, các quan binh đi ra khỏi cửa quan, quan sát tình hình không biết nên chia nhau ra mà đi hay vẫn nên đi chung một toán. Một ngàn tên lính thuộc phủ Quảng Nam và 500 lính thuộc phủ Phú Châu thông thạo đường lối cũng được đưa theo. Đại binh phải đi qua những triền núi rất hẹp, mọi người phải leo trèo, dắt díu nhau mà tiến theo hàng một, mỗi ngày chỉ đi được 3, 40 dặm, không thể nào nhanh hơn.

Tính như thế tổng cộng tất cả quân số của Vân Nam – Quý Châu sử dụng là 8000 người do Ô Đại Kinh và Định Trụ chỉ huy nhưng đợt đầu tiên chỉ đem 3000 quân đi trước, 5000 quân đóng tại biên giới chờ lệnh. Ngoài ra còn có 1500 thổ dân vùng biên giới, thông thạo địa thế đường đi nước bước đi theo để dẫn lộ vì đường núi cực kỳ hiểm trở

khó đi. Theo tài liệu của nhà Thanh, tổng đốc Vân Quý Phú Cương tâu rằng mình vốn là “*thế tộc Mãn Châu, chịu ơn rất nặng*”<sup>43</sup> nên tình nguyện chỉ huy 5000 quân cùng với đề đốc Ô Đại Kinh xuất quan nhưng vua Cao Tông không bằng lòng, lấy lý do là một đoàn quân không thể có hai nguyên soái ngang nhau, không người nào dưới người nào.<sup>44</sup> Thành thử khi ra khỏi cửa ải chỉ có Ô Đại Kinh và Định Trụ mà thôi.

### **c/ Dân phu**

Ngoài thành phần lính chính qui, quân Thanh còn có thêm những đoàn dân phu đi theo để chăn ngựa, khuân vác nhưng không rõ rệt là bao nhiêu, được sử dụng theo từng công tác hay đi luôn với quân đội. Để làm công tác vận tải súng ống, quân dụng, canh giữ và chuyển vận lương thảo ... đóng rải rác dọc theo trục lộ tiến quân hay phục dịch tại mặt trận họ cũng điều động một lượng dân phu tính ra còn đông hơn cả binh sĩ.<sup>45</sup>

Số người này phần lớn là dân chúng vùng nam Trung Hoa bị bắt đi làm công không lương (được cơm ăn trong số gạo họ mang vác) và cả một số người Việt Nam tại các vùng biên giới. Riêng Quảng Tây lộ tuyến đã lên đến 54,000 người. Con số dân phu Vân Quý không thấy ghi rõ nhưng tài liệu nhà Thanh có viết là Phú Cương có xuất 24,000 thạch gạo đủ dùng trong 3 tháng, tính trung bình mỗi người ăn 1 thăng một ngày thì số nhân lực điều động phải trên dưới 30,000 người. Ngoài ra, dân phu thường xoay chuyển (rotation) nên việc qua lại nhộn nhịp để cho người ta cái cảm tưởng là đông hơn con số thực sự. Theo thói thường, nhà Thanh phao truyền đại quân lên đến 50 vạn, rõ ràng là một con số thổi phồng để dọa dẫm quân Nam.

### **d/ Thổ binh**

Các trấn, hiệp, doanh tại đốc phủ đề lân cận cũng được lệnh chuẩn bị thêm vài nghìn quân sẽ điều động sau, tính ra riêng tỉnh Vân Nam cũng đã dự bị hơn một vạn quân cả thủy. Ngoài ra còn thổ quan châu Bảo Lạc là Nông Phúc Tấn (農福綰) cũng tình nguyện đi theo, Tôn Sĩ Nghị liền sai y đem nghĩa dũng tấn công Cao Bằng. Thổ ti châu Thổ Điền (土田) là Sâm Nghi Đống (岑宜棟) cũng dẫn 1500 thổ binh đến Thái Bình đi theo quân doanh. Ngoài ra còn thổ quan Đô Long (都龍) là Hoàng Văn Thái (黃文泰)<sup>46</sup> và thổ quan Bảo Thắng (保勝) là Hoàng Văn Thao (黃文韜) cũng tình nguyện đem quân đi theo quân Thanh để đánh Tây Sơn. Riêng mạc hữu xưởng Ba Bồng (波篷) là Lâm Tế Thanh (林際清) được nhà Thanh đặc thưởng hàm tri huyện, thống suất những người trong xưởng đi theo quân Thanh.

Riêng cánh quân Vân Quý, nhà Thanh cũng điều động 1,500 thổ binh vùng biên giới Hoa – Việt để dẫn đường nhưng cánh quân này không đụng độ với quân Nam thì đã rút về nước. Tổng số thổ binh như vậy vào khoảng 3,000 quân mặc dầu không ít quân của

một số châu huyện phía bắc nước ta cũng nhân dịp này tiếp tay với địch, gia nhập đoàn quân viễn chinh.

### e/ Dư đảng nhà Lê

Những bồi thần nhà Lê khi chạy sang Tàu đều cố gắng trình bày tình hình nước ta một cách lạc quan mà tình hình giao tranh giữa các cự thần và quân Tây Sơn xen kẽ như hình da beo. Theo lời thuật của một giáo sĩ trong Hội Truyền Giáo Hải Ngoại thì mấy năm qua đất Bắc Hà chỗ nào cũng loạn lạc nhưng vì mỗi người một ý nên không kết hợp được thành một lực lượng. Vả lại việc nổi lên có lẽ phần lớn vì “*kiến cơ nhi tác*” chứ không phải vì ghét nhà Tây Sơn hay có dạ hoài Lê. Có nhóm tự xưng con cháu nhà Lý, lại có người tự nhận là con cháu cụ Nguyễn Bình Khiêm mà sấm Trạng có đoán rằng y là chân long thiên tử.<sup>47</sup> Khi nghe tin quân Thanh sắp sửa sang đánh nước ta, một số cự thần nhà Lê toan đem quân đánh úp Thăng Long và nổi lên tấn công quân Tây Sơn nhưng âm mưu bị bại lộ.<sup>48</sup>

Tự trung, tuy dư đảng của Bắc Hà có mặt ở khắp nơi nhưng chưa hẳn đã đồng tình với quân Thanh và cũng không chịu đặt dưới quyền của Lê Chiêu Thống hay một tôn thất nhà Lê mà phần lớn hoạt động như một sứ quân cát cứ. Tuy nhiên họ cũng khiến cho một số lớn quân Tây Sơn bị cầm chân ở các địa phương chung quanh thành Thăng Long, phải cố thủ để bảo vệ cho đại quân rút lui. Những người đó khi quân Thanh tiến sang, một phần bị thổ hào phản công, một phần bị dân chúng và đám du thủ du thực thừa gió bẻ mang, nhân cơ hội nổi lên tiêu diệt.

	Quân số đợt I (1788)	Quân số đợt II (1789)	Ngựa đợt I (1788)	Ngựa đợt II (1789)	Thổ binh	Dân phu	Lương thực (thạch gạo*)
<i>Quảng Đông</i>	5,000	3,000	266	62	1,500	54,000	30,000
<i>Quảng Tây</i>	10,000	3,500	423	0			80,000
<i>Vân – Quý</i>	10,000				1,500	30,000	24,000
<i>Tổng cộng</i>	<b>25,000</b>	<b>6,500</b>	<b>689</b>	<b>62</b>	<b>3,000</b>	<b>84,000</b>	<b>134,000</b>

\* thạch: 125 cân khoảng 75 kg (đời Thanh). Ngày xưa, đơn vị đo lường 10 hợp thành một thăng, 10 thăng thành một đấu, 10 đấu thành 1 thạch. Như vậy tính đơn giản thì 1 thăng khoảng 750 gram, 1 đấu khoảng 7.5 kg.

### 3/ LƯƠNG THỰC

Khó khăn về tiếp liệu cho quân đội vẫn là trở ngại lớn lao nhất mỗi khi quân Tàu sang đánh nước ta.<sup>49</sup> Để giải quyết vấn đề lương thực, Tôn Vĩnh Thanh tâu lên vua Càn Long để tạm thời đặt tổng hành dinh tại phủ Thái Bình (bên Tàu) do quận đạo Diên Kiến (延建) là Lục Hữu Nhân (陸有仁) phối hợp với tri phủ Thái Bình Lâm Hồ Bạng (林虎榜) cùng lo toan. Khi quân ra khỏi trấn Nam Quan rồi thì lúc ấy binh lương sẽ do các lương trạm (糧站) cung ứng. Các lương trạm này do Hữu Giang Đạo Tổng Văn Hình (宋文型) cùng tri phủ Nam Ninh Cố Quỳ (顧葵), tri phủ Trấn An Trần Ngọc Lân (陳玉麟) quản lý. Để chi phí, ngoài số lương hơn 30 vạn lượng bạc tồn ngân của tỉnh Quảng Tây, Tôn Vĩnh Thanh phải tâu về triều để yêu cầu các tỉnh phụ cận phụ thêm hơn 50 vạn lượng nữa cho đủ chi dụng.<sup>50</sup>

Riêng hai tỉnh Lương Quảng, phu phen và tiền chuyên chở cả bộ lẫn thủy để từ các nơi tập trung đến cửa Nam Quan trước khi ra đi cũng đã tốn 70,800 lượng bạc. Còn về ngựa thì phải nuôi bằng đậu mà tỉnh Quảng Tây không sản xuất được nên các trạm sẽ phải thay thế bằng thóc, mỗi thạch tính giá 4 tiền, còn cỏ thì mười cân tính thành một bó. Sau khi ra khỏi ải, đường đi từ Nam Quan đến Thăng Long gập ghềnh khó đi, hiểm trở nên không thể đi nhanh, ngựa cho ăn theo lối cũ, mỗi ngày 4 thăng đậu thêm 5 thăng, 3 bát, 3 môi thóc nhưng vì không có thóc nên đổi thành 2 thăng, 6 bát, 6 môi gạo và 2 bó cỏ, chiếu quân nhu tính thành tiền là 2 phân bạc.<sup>51</sup>

Những quan binh nào không có ngựa thì chiếu tiền nuôi ngựa mà trả cho phu phen. Quan đi ngựa trên bộ thì mỗi con được cấp hai mã phu, đi đến trạm nào thì trạm ấy phải lo, nếu không có mã phu thì bắt dân phu thay thế. Phu theo lệ mỗi người là 5 phân bạc, ra khỏi nước thì được 8 phân và một thăng gạo.

Quân của tỉnh Quảng Đông đi từ Quảng Châu tới theo đường thủy đến Triệu Khánh, qua Tầm Châu rồi đi theo đường bộ đến Ninh Minh để qua ải Nam Quan. Quân Thanh chia thành từng đội mỗi đội 500 người, phải tự mang gạo nhưng muối và đồ ăn tới đâu thì quan lại địa phương cung cấp, chỉ khi đã qua khỏi ải Nam Quan vào địa giới nước ta thì mới được hưởng luật xuất cảnh. Cũng theo Lại Phúc Thuận, viên chức và binh sĩ được cấp phát theo biểu xuất sau đây:

<b>Chức vụ</b>	<b>Lương 1 ngày</b>	<b>Lương 1 tháng</b>	<b>Bị xén bớt</b>
<i>Phó tướng</i>	1 tiền 6 phân	4 lượng 8 tiền	2 lượng 4 tiền
<i>Tham tướng, du kích</i>	1 tiền	3 lượng	1 lượng 2 tiền
<i>Đô ti</i>	7 phân	2 lượng 1 tiền	9 tiền
<i>Thủ bị</i>	6 phân	1 lượng 8 tiền	6 tiền

<i>Thiên tổng, bà tổng, ngoại ủy</i>	4 phân	1 lượng 2 tiền	3 tiền
<i>Lính</i>	2 phân	6 tiền	3 tiền
<i>Căn dịch (lính chăn ngựa)</i>	8 bát 3 môi gạo		
<i>Dư đình (phu phen)</i>	8 bát 3 môi gạo		

Tiền này là tiền lương bao gồm cả gạo lẫn đồ ăn, mắm muối cho một ngày. Theo tính toán của Lai Phúc Thuận, nếu tính ra lương tháng thì đồ đồng mỗi người mất đi 1/3 lương, quả là một thiệt thòi lớn. Có điều chúng ta không rõ khi bớt lương như thế, các quan binh có được hứa hẹn gì về việc truy lãnh sau này, hay trợ cấp gì cho gia đình không. Tuy nhiên điều đó cũng xác định rằng công khổ của nhà Thanh ở địa phương hay trung ương cũng đều kiệt quệ nhất là vào thời gian này, Thanh triều đang tập trung tài vật chuẩn bị buổi tiệc thọ bát tuần của vua Càn Long, một đại lễ hết sức tốn phí và huy hoàng năm 1790. Nhà Thanh cũng phải đúc thêm một loại tiền đặc biệt để dùng trong chiến dịch đánh Đại Việt, một mặt có bốn chữ Càn Long Thông Bảo (乾隆通寶) một mặt có hai chữ An Nam (安南)<sup>52</sup>. Đây là loại tiền “*không bảo chứng*” đúc ra chỉ cốt để tiêu trên đất nước ta và giá trị của nó tùy theo hàng hóa có thể mua được theo lệnh của vua Lê và sẽ dùng một khi nước ta trở thành một quận huyện của Tàu<sup>53</sup>. Đây cũng là một bằng chứng về sự túng quẫn của các tỉnh miền nam Trung Hoa nói riêng và của Thanh triều nói chung. Tuy nhiên vua Càn Long vẫn cố hết sức ra về thiên triều và thường ban thưởng rất hậu hĩ cho các phái đoàn cống thần phiên thuộc đến triều cống hay thụ phong để tỏ ra rằng thời đại của mình huy hoàng và thịnh trị.

Theo như sử sách thì quân Thanh không điều động bát kỳ binh (tức quân Mãn Châu) mà chỉ dùng Hán quân (tức Lục doanh). Ngoài ra họ còn sử dụng một số lớn thổ binh tức là những cánh quân riêng trực thuộc những thổ ti, thổ hào, châu mục, tù trưởng ... các dân tộc thiểu số ở khắp miền tây nam Trung Hoa (và một số ở miền bắc nước ta, biên giới Hoa Việt). Dầu cho đoàn quân ngoại nhập này có được sự hưởng ứng và tiếp tay của quân binh tàn dư nhà Lê cùng một số Hoa kiều đang sinh sống trên đất nước ta, có lẽ tổng số binh sĩ chiến đấu không lên quá 5 vạn người (mặc dầu số dân phu có thể thêm nhiều vạn người khác) trong số đó một phần được phân chia để giữ các trục lộ tiến quân và vận chuyển lương thảo nên con số vào được đến Thăng Long để chia ra trú đóng phải thấp hơn. Bỗng dưng có thêm hàng chục vạn người ở khắp nơi hãn sinh hoạt bình thường của quần chúng bị xáo trộn và vì thế con số được thổi phồng hơn cả sự thực.<sup>54</sup>

Tuy nhiên, dân chúng không phân biệt đâu là dân phu, đâu là binh sĩ và chắc chắn trong khi giao tranh, số lượng dân phu chết không phải là ít nhưng vì họ chỉ là thành phần được sử dụng tạm thời nên sinh mạng của họ không ai tính tới. Thanh triều chỉ ghi số binh sĩ chính qui bị giết, còn những giáo sĩ và sử sách của ta thì ghi cả dân phu.<sup>55</sup>

Quân Thanh cũng không tập trung đi cùng một lượt mà ngoài số quân chiến đấu tiến xuống Thăng Long, một số lớn khác là thành phần trừ bị cũng ở trong tình trạng sẵn sàng còn đóng ở các tỉnh và dọc theo biên giới. Theo số binh lương, quân nhu mà nhà Thanh chuẩn bị cho cuộc viễn chinh này chúng ta thấy rằng họ không ngừng lại ở việc tái chiếm kinh đô mà có âm mưu xa hơn nữa.

Riêng tại kinh đô, quân Thanh được trải mông ra nhiều khu vực ngoại ô để bảo vệ cho chủ tướng và khi đại quân tan rã, đám dân phu khốn khổ kia bỏ chạy tán loạn, một phần theo đường rừng núi chạy về, phần khác bị dân chúng săn bắt. Đó cũng là lý do tại sao nhiều tài liệu của Âu Châu cho thấy quân Thanh trông rất nhếch nhác, đi đâu mang cả nỗi niêu vật dụng thật bệ rạc. Số lượng đông đảo như thế trú đóng ở một thành phố nhỏ bé như Thăng Long thời đó quả là một vấn đề, việc ăn ở sinh hoạt không đơn giản, dễ dàng gây ra bệnh truyền nhiễm, dịch tễ ... còn nguy hiểm hơn cả chiến tranh. Các phủ đệ của vua Lê và chúa Trịnh khi ấy cũng đã bị phá tan hoang rồi nên quân Thanh phải đóng quân ở bên ngoài, thời tiết khắc nghiệt của năm ấy khiến cho họ lâm vào cảnh hết sức khốn khổ.

#### 4/ LIÊN LẠC

Hai đường xuất binh Quảng Tây, Vân Nam thì việc truyền tin của quân Thanh về triều đình cũng chia làm hai nhánh.

Quảng Tây lộ tuyến do Trực Lệ, Hà Nam, Hồ Bắc, Hồ Nam các tỉnh, các tỉnh phía trên Hồ Bắc thì từ Võ Xương xuống phía nam qua Nhạc Châu, Hồ Nam, Trường Sa, Hành Châu vào cảnh giới Toàn Châu, Quảng Tây, qua Quế Lâm, Liễu Châu, Thái Bình rồi trở lại Ninh Minh, đi qua Trấn Nam Quan, xuống Lạng Sơn tới Thăng Long. Từ Hồ Nam về bắc thì sử dụng các dịch trạm để truyền tin, không phải thêm đài trạm, còn lĩnh Quảng Tây vốn dĩ chưa thiết lập dịch trạm, từ Toàn Châu đến biên giới tới Trấn Nam Quan tổng cộng là hơn 1800 dặm đã sắp xếp 35 chỗ chính trạm, yêu trạm (trạm phụ), tùy theo đường bằng phẳng hay khó đi, lộ trình xa hay gần mà mỗi trạm đặt từ 1 đến 20 con ngựa, dùng tất cả 580 con.

Từ Trấn Nam Quan đến Thăng Long, thiết lập 18 trạm thông tin, mỗi trạm đặt 20 con ngựa, tổng cộng 360 con, nhu cầu cả thảy 940 con ngựa, do những châu có sản xuất ngựa ở quan nội tìm mua đem đến. Còn như đường từ Thăng Long xuống Thuận Hoá, phỏng chừng phải đặt hơn 50 trạm, tùy theo đường sá phẳng hay hiểm trở mà đặt 10 hay 12 con, tính ra khoảng 5 đến 600 con ngựa nữa, sẽ phải xuất tiền ra mua nhưng về sau Tôn Sĩ Nghị thua trận chạy về nên việc này bãi bỏ.

Còn về trong địa hạt tỉnh Quảng Tây các phủ Quế Lâm, Liễu Châu, Tư Ân, Nam Ninh, Thái Bình đường đi lăm cầu khỉ, hiểm trở khó dùng ngựa, dùng người đi bộ thuận tiện hơn. Các tấu chương hay văn báo và tin tức quan binh, nhân phu, những nơi người ngựa

khó qua lại thì phải tu sửa còn khe suối rãnh thì phải bắc cầu nổi để qua, từ Trấn Nam Quan trở xuống có ba con sông phải làm cầu bằng tre bắc ngang để dễ dàng cho việc truyền tin tức quân sự.

Vân Nam lộ tuyến thì việc truyền tin phải đi qua các tỉnh Trực Lệ, Hà Nam, Hồ Bắc, Hồ Nam, Quý Châu, từ Bình Di (平彝) vào địa giới Vân Nam thì từ tỉnh Vân Nam chuyển qua Khai Hóa, tới Mã Bạch Quan rồi ra khỏi biên cảnh đi tới Tuyên Quang của An Nam, cả thảy thiết lập 25 đài trạm, còn từ Tuyên Quang đến Lê thành lập thêm 15 trạm, cả thảy 40 trạm để truyền tin tức quân sự.<sup>56</sup>

So sánh với những chiến dịch khác (trong 10 chiến dịch của nhà Thanh đời Càn Long) thì việc truyền tin của chiến dịch này dễ dàng hơn nhiều, giao tranh lại cũng ngắn ngủi, tổng đốc Tôn Sĩ Nghị chỉ phải sử dụng có 5 cái tráp (là loại hộp có khoá được niêm phong để truyền tin quân cơ từ chiến trường về triều và ngược lại), nhưng vua Cao Tông cũng đã sắp xếp nếu như tin tức binh nhung truyền đạt không sai sót thì binh đình các dịch trạm cũng được khen thưởng.<sup>57</sup>

## NAM QUÂN ỦNG CHIẾN

### 1/ TIÊN LỄ

Ngày 22 tháng 10 năm Mậu Thân (1788), sau khi Tôn Sĩ Nghị truyền hịch sang đánh nước ta, cựu quan nhà Lê là Tạ Đình Thực (謝廷植) họp cùng một số châu mục ở miền Bắc<sup>58</sup> viết biểu tâu lên Tôn Sĩ Nghị như sau:

Nguyên văn

乾隆五十三年十月十二日，接奉曉諭。本國以廣南土目阮惠佔踞黎城，黎氏臣民自應感念舊德，志切同仇，候天兵過關會勦，分等效用。仰惟大人卹難至仁，扶顛高誼，諄諄以名義禍福開發蒙蔽，蟻等不勝感激。

竊念本國黎王受封，天朝為下國君長世世相承三百餘年，蟻等食土為氓，實受其賜，一旦嗣主失守社稷，流離奔播，凡有氣血，孰不悲酸。惟本國從來所以傾覆之由，禍端誠非一日，黎王世失其柄，委政鄭氏，數世以來，弄權，政刑不舉，境內變故，無歲無之。迨至甲午構兵，南河生靈困於征斂，疲於兵革，樂土為墟，十分之四五。暨前輔政鄭棟執國，濁亂尤甚，官貪吏冗，兵驍民怨。

因此，廣南土目兄弟乘時而起，南海一帶，從此雲合。丙午夏，直搗都城，與都交戰，前輔政鄭棟戰敗，出奔死亡於山西路，阮惠入城招安撫集，未嘗殺戮一人，以此降者接踵，附者益眾。其年前國王維端<sup>59</sup>老病，阮惠扶以登殿，歸其兵民簿籍，旋即卷甲而南，國內之民走依者不計其數。

未幾前王謝世，嗣孫維祁襲位，乃陰誘阮惠之叛臣阮整將兵入衛，阮整制斷國命，眾情不附，京北，海陽，山西，山南等地方，處處群起而亂，兵火無有寧日。故主為阮整所惑，肆行誅戮，人皆重足而立，爭趨於阮惠，乞來討阮整之亂，於是南兵再至，故主為阮整所挾，兵敗奔亡。

茲年阮惠進入都城，復委前王之次子維禛監國奉祀，閱月復回故境。本國臣民慮前王子孫微弱，不能把持有國，力請阮惠留撫，以安反側，實非有炎涼之意，捨其舊而新是謀，蓋其事勢推移，弱者不能以自存，本國皇皇無所倚以為安，必於阮惠是賴，庶幾有攸濟之理，而阮惠遜讓弗居，實無踞城取國之心。

茲奉大人聲敘其怙過不悛之咎，竊恐事出傳聞，多非情實，故主母眷失國倉懼，挾以訴苦者歸過於一人，而本國之臣若民，遂陷於從逆之案，自奉曉書，咸慮此情不白，即名義固可畏而禍福尤至近，惟大人高懸明鏡洞照遠情，庶幾蟻等得以披瀝愴忱，免於罪戾。

夫秉彝根於天性，存亡之際，感念者誰無是心。今故主一去無踪，奉大人題請大皇帝派撥大兵，直抵黎城，飭令本國糾集迎請故主歸國，第不知去後風濤嵐瘴，何處訪尋，而兵端一開，小民橫罹鋒鏑，諒大人哀矜惻怛之心所不

忍。且本國經亂以來，物力大屈，今各道官兵數十萬，長驅而入，簞食壺漿，實喜王師之至，而資糧供給，勢必不支，則隕越之懼彌深。

伏望大人曲垂鑒亮，覆奏大皇帝聖旨查明阮惠兩番入都事狀，許國人接領故主母眷回國，核辦曲直，仍休按出口人馬草賜處分，俾本國有所統攝，蟻等不勝惶慄待命之至，茲叩稟。

乾隆五十三年十月二十二日。<sup>60</sup>

### Dịch âm

Cần Long ngũ thập tam niên thập nguyệt thập nhị nhật, tiếp phụng hiểu dụ. Bản quốc dĩ Quảng Nam thổ mục Nguyễn Huệ chiếm cứ Lê thành, Lê thị thần dân tự ứng cảm niệm cựu đức, chí thiết đồng cừu, hậu thiên binh quá quan hội tiễu, phân đảng hiệu dụng. Ngưỡng duy đại nhân tuất nạn chí nhân, phù diên cao nghị, truân truân dĩ danh nghĩa hoạ phúc khai phát mông tế, nghị đảng bất thắng cảm kích.

Thiết niệm bản quốc Lê vương thụ phong, thiên triều vi hạ quốc quân trưởng thế thế tương thừa tam bách dư niên, nghị đảng thực thổ vi manh, thực thụ kỳ tứ, nhất đán tự chủ thất thủ xã tắc, lưu ly bôn bá, phàm hữu khí huyết, thực bất bi toan.

Duy bản quốc tông lai sở dĩ khuynh phúc chi do, hoạ đoan thành phi nhất nhật, Lê vương thế thất kỳ binh, uỷ chính Trịnh thị, sở thế dĩ lai, yêm thụ lộng quyền, chính hình bất cử, cảnh nội biến cố, vô tuế vô chi. Đãi chí Giáp Ngọ<sup>61</sup> cấu binh, Nam Hà sinh linh khốn ư chinh liễm, bì ư binh cách, lạc thổ vi khư, thập phân chi tứ ngũ. Ký tiền phụ chính Trịnh Đống chấp quốc, trọc loạn vuơ thậm, quan tham lại những, binh kiêu dân oán.

Nhân thử, Quảng Nam thổ mục huynh đệ thừa thời nhi khởi, Nam Hải nhất đáì, tông thử vân hợp. Binh Ngọ hạ, trực đảo đô thành, dữ đô giao chiến, tiền phụ chính Trịnh Đống chiến bại, xuất bôn tử vong ư Sơn Tây lộ, Nguyễn Huệ nhập thành chiêu an phủ tập, vị thường sát lục nhất nhân, dĩ thử hàng giả tiếp chủng, phụ giả ích chúng. Kỳ niên tiền quốc vương Duy Đoan lão bệnh, Nguyễn Huệ phù dĩ đảng điện, qui kỳ binh dân bạc tịch, toàn tức quyền giáp qui nam, quốc nội chi dân tẩu y giả bất kế kỳ số.

Vị kỷ tiền vương tạ thế, tự tôn Duy Kỳ tập vị, nãi âm dụ Nguyễn Huệ chi bạn thân Nguyễn Hữu Chỉnh tương binh nhập vệ, Nguyễn Chỉnh chế đoán quốc mệnh, chúng tình bất phụ, Kinh Bắc, Hải Dương, Sơn Tây, Sơn Nam đảng địa phương, xứ xứ quần khởi vi loạn, binh hoả vô hữu ninh nhật. Cố chủ vi Nguyễn Chỉnh sở hoặc, tứ hành tru lục, nhân giai trùng túc nhi lập, tranh xu ư Nguyễn Huệ, khát lai thảo Nguyễn Chỉnh chi loạn, ư thị Nam binh tái chí, cố chủ vi Nguyễn Chỉnh sở hiệp, binh bại bôn vong.

Tư niên Nguyễn Huệ tiến nhập đô thành, phục uỷ tiền vương chi thứ tử Duy Cẩn giám quốc phụng tự, duyệt nguyệt phục hồi cố cảnh. Bản quốc thần dân lự tiền vương tử tôn vi nhược, bất năng bả trì hữu quốc, lực thỉnh Nguyễn Huệ lưu phủ, dĩ an phản trắc, thực phi hữu viêm lương chi ý, xả kỳ cựu nhi tân thị mưu, cái kỳ sự thế suy di, nhược giả bất năng dĩ tự tồn, bản quốc hoàng hoàng vô sở ý dĩ vi an, tất ư Nguyễn Huệ thị lại, thứ kỷ hữu du tế chi lý, nhi Nguyễn Huệ tổn nhượng phí cứ, thực vô cứ thành thủ quốc chi tâm.

Tư phụng đại nhân thanh tự kỳ hổ quá bất tuân chi cữu, thiết khủng sự xuất truyền văn, đa phi tình thực, cố chủ mẫu quyển thất quốc thương cụ, hiệp dĩ tổ khổ giả qui quá ư nhất nhân, nhi bản quốc chi thần nhược dân, toại hãm ư tòng nghịch chi án, tự phụng hiểu thư, hàm lự thử tình bất bạch, tức danh nghĩa cố khả uỷ nhi hoạ phúc vưu chí cận, duy đại nhân cao huyền minh giám động chiếu viễn tình, giá kỷ nghĩ đẳng đắc dĩ phi lịch khốn thâm, miễn ư tội lệ.

Phù bình di căn ư thiên tính, tồn vong chi tế, cảm niệm giả thùy vô thị tâm. Kim cố chủ nhất khứ vô tung, phụng đại nhân đề thỉnh đại hoàng đế phái bát đại binh, trực để Lê thành, sức lệnh bản quốc củ tập nghinh thỉnh cố chủ qui quốc, đệ bất tri khứ hậu phong đào lam chướng, hà xứ phỏng tâm, nhi binh đoan nhất khai, tiểu dân hoành li phong đích, lượng đại nhân ai căng trắc đất chi tâm sở bất nhẫn. Thả bản quốc kinh loạn dĩ lai, vật lực đại khuất, kim các đạo quan binh sở thập vạn, trường khu nhi nhập, đan thực hồ tương, thực hỉ vương sư chi chí, nhi tư lương cung cấp, thế tất bất chi, tắc vẫn việt chi cụ di thâm.

Phục vọng đại nhân khúc thùy giám lượng, phúc tấu đại hoàng đế thánh chỉ tra minh Nguyễn Huệ lưỡng phiên nhập đô sự trạng, hứa quốc nhân tiếp lãnh cố chủ mẫu quyển hồi quốc, hạch biện khúc trực, nhưng hựu tiếp xuất khẩu nhân mã tảo tứ xứ phân, tử bản quốc hữu sở thống nhiếp, nghĩ đẳng bất thắng hoàng lật đải mệnh chi chí, tư khấu bảm.

Cần Long ngũ thập tam niên thập nguyệt nhị thập nhị nhật.

#### Dịch nghĩa

*Ngày 12 tháng 10 năm Cần Long thứ 53 (1788), (chúng tôi) tiếp nhận được hiểu dụ rằng bản quốc bị thổ mục đất Quảng Nam là Nguyễn Huệ chiếm cứ Lê thành, thần dân nhà Lê ai ai cũng phải nghĩ đến đức cũ, đồng lòng căm hận, đợi khi thiên binh qua ải tiểu trừ sẽ chia nhau ra để được sử dụng.*

*Ngưỡng mộ đại nhân có lòng chí nhân thương xót người bị nạn, đỡ dần kẻ đang ngã nghiêng, khẳng khái lấy điều hoạ phúc, danh nghĩa để chỉ bảo những điều mờ tối cho chúng tôi, thực hết sức cảm kích.*

*Trộm nghĩ Lê vương nước tôi thụ phong, thiên triều nghĩ đến vua nước dưới hơn ba trăm năm đời đời thừa kế, bọn chúng tôi là dân ăn lộc, chịu ơn vua, nay tự tôn một sớm mất cả xã tắc, lưu lạc bôn đảo, hễ ai còn chút khí huyết không thể không*

chưa xót. Thế nhưng bản quốc trước đây sờ dĩ đồ nát, mối họa chẳng phải một ngày một buổi. Vua Lê mất hết quyền bính, việc cai trị giao cho họ Trịnh cả, đã mấy đời nay, để cho yếm hoạn lộng quyền, chính trị pháp luật không ai gìn giữ, trong nước sinh ra biến cố, không năm nào không, để đến xảy ra binh đao năm Giáp Ngọ (1774), dân chúng Nam Hà khốn khổ về sưu thuế, đã mỗi một chuyện binh đao, lại xây thành đắp lũy, mười phần thì chết đến bốn năm. Đến khi Trịnh Đổng nắm quyền, loạn lạc lại càng quá lắm, quan tham lại nhũng, binh kiêu dân oán.

Chính vì thế mà anh em thổ mục đất Quảng Nam mới thừa cơ nổi lên, dân chúng cả một dải biển Nam, bấy giờ mới tập hợp lại. Mùa hạ năm Bính Ngọ (1786) (quân Tây Sơn) tiến đến thẳng kinh thành, hai bên giao chiến, phụ chính cũ là Trịnh Đổng bị thua, xuất bôn rồi chết ở lộ Sơn Tây, Nguyễn Huệ vào thành chiêu an, phủ dụ không hề giết một ai, người nào hàng thì tiếp nhận khiến người đi theo càng lúc càng đông. Năm trước quốc vương Duy Đoan già cả bệnh hoạn, Nguyễn Huệ dâng điện phù tá, dâng lên hộ tịch binh dân, việc xong cuốn giáp trở về nam, người dân trong nước chạy theo không biết bao nhiêu mà kể.

Chẳng bao lâu tiền vương tạ thế, tự tôn Duy Kỳ kế vị, lại ngâm vời phản thần của Nguyễn Huệ là Nguyễn Chỉnh đem quân vào hộ vệ, Nguyễn Chỉnh chuyên quyền trị nước, khiến dân tình không theo, Kinh Bắc, Hải Dương, Sơn Tây, Sơn Nam các nơi, đâu đâu cũng nổi lên làm loạn, binh lửa không ngày nào không. Cố chủ bị Nguyễn Chỉnh mê hoặc, ra tay tru lục không kể gì, người người ngả nghiêng không biết đường nào, ai nấy chạy đến Nguyễn Huệ xin đem binh dẹp loạn Nguyễn Chỉnh, khiến cho Nam binh lại phải trở ra, cố chủ bị Nguyễn Chỉnh ép bức, thua trận bỏ chạy.

Năm nay Nguyễn Huệ vào đô thành, lập con thứ của tiền vương là Duy Cận giám quốc thờ phụng, hơn tháng lại trở về đất cũ. Thần dân nước tôi thấy con cháu vua cũ yếu hèn, không giữ nổi nước nên mời Nguyễn Huệ ở lại chặn dất, dẹp an phản trắc, thật chẳng phải có ý nọ tâm kia, bỏ cũ thay mới, có điều sự thế thay đổi, kẻ yếu không thể tự tồn được, bản quốc vững vàng cũng là nhờ vào Nguyễn Huệ mà yên ổn, mấy lần muốn giữ lại nhưng Nguyễn Huệ bụng dạ khiêm nhường, quả không có ý chiếm thành lấy nước.

Nay nghe đại nhân kể tội, e rằng chỉ là nghe những lời đồn, phần lớn không phải chuyện thực, mẹ và quyến thuộc cố chủ mất nước hoảng hốt, cho nên đổ tội cho người, còn thần dân bản quốc thì bị cái tiếng chạy theo kẻ nghịch nên phải viết thư trình bày, mong việc này được sáng tỏ, sợ danh nghĩa bị hoen ố mà họa phúc cận kề, mong đại nhân dèn trời soi xét thông hiểu được tình cảnh ở xa, đoái thương đến thân phận chúng tôi mà miễn cho tội lỗi.

Phàm tính trời ai chẳng nhớ nguồn gốc, việc mất còn không lẽ không nghĩ đến hay sao? Nay cố chủ đi rồi không nghe tung tích, đại nhân xin đại hoàng đế đem binh tiến thẳng đến Lê thành, sức cho chúng tôi nghênh đón cố chủ về nước, thật

*không biết một khi (vua Lê) ra đi rồi, phong ba lam chướng, biết đâu mà kiếm. Một khi đã ra quân, nhân dân nơi hòn tên mũi đạn, ắt lòng trắc ẩn của đại nhân chẳng nở nào. Nước chúng tôi từ thuở binh đao đến nay, tài lực đều cạn kiệt, nay các đạo quan binh mấy chục vạn kéo sang, tư lương chu cấp, ắt là chẳng đủ, thật trong lòng sợ hãi khôn xiết.*

*Nay xin đại nhân rủ lòng soi xét, tâu lên đại hoàng đế tra xét rõ ràng Nguyễn Huệ hai lần nhập đô ra sao, để cho dân nước tôi được đón mẹ và quyến thuộc cố chủ trở về, (để cho) rõ ràng ngay công, còn nhân mã, lương thảo đã xuất khẩu, bản quốc sẽ liệu đường lo toan, bọn chúng tôi không khỏi kinh hoảng mà bầm lên.*

*Ngày 22 tháng 10 năm Càn Long thứ 53.*

Cũng nhân dịp đó, Ngô Văn Sở yêu cầu Lê Duy Cận và một số quan lại nhà Lê viết một tờ biểu trình bày mọi việc để xin nhà Thanh bãi binh. Tờ biểu này tuy có nhiều điểm không hoàn toàn đúng sự thực nhưng cũng cung cấp được một số chi tiết trước đây các sử gia chưa rõ, chẳng hạn tên những hoàng thúc bị Lê Duy Kỳ làm hại, xác định lại một số sự việc và đưa ra một câu hỏi về chuyện Lê Hiến Tông nhường đất Thanh Nghệ cho nhà Tây Sơn, mà chúng ta ngờ rằng chính đây là đầu dây mối nhợ mà anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ có ác cảm với Lê Duy Kỳ. Tờ bầm gửi Tôn Sĩ Nghị đề ngày 22 tháng 10 năm Càn Long thứ 53 (1788) như sau:

Nguyên văn

安南國前王黎維端親子黎維禛合族等叩稟於天朝兩廣總督部堂大人台閣下囑乾隆五十三年十月初十日，接奉檄諭本國以廣南土目阮惠竊國逐主緣由，事關重大，天兵遙指本國生靈之命所係不細，維禛忝預前王之子，國情顛末，實所親見，豈敢緘默不以申請由維禛先祖累世以來臣事天朝，恪共職貢，其實威福不在，柄歸輔政鄭氏二百餘年，及維禛親父年老，輔政前鄭棟執國，政刑紊舛，國內乖離。阮惠遠在南陲，得一方民和，因於丙午年六月糾率其眾，進入都城，與鄭氏交戰，前鄭棟戰敗走死，阮惠即收國內兵民簿籍歸於維禛親父，閱月南回。

維禛之父割乂安之地，許為犒勞之物，又以親女歸之。未幾，維禛親父以病謝世，阮惠又擁立嗣孫維祁襲位。詎意維祁陰誘阮惠之叛臣阮整，以兵入衛。阮整擅作威福，中外咸怨，維祁為所誘掖，肆行誅戮，將其叔父黎維呂，黎維璘，黎維會等三人投於宮井，維禛合族惴不自保，走依阮惠以為安。至於外朝之臣以無罪酖武老將黃馮基，以私憾殺文老臣楊仲濟，人人自危，爭往懇於阮惠求活。

維祁即背割地之約，與阮整謀議集合兵眾構釁於乂安地方，因此阮惠使其家將以所管轄內順化之兵長驅入都，討阮整之罪。維祁為阮整所挾出奔，阮整敗死，維祁流播，不知下落。茲年三月，阮惠進至都城，招安逃散官吏人等

，且詢國人以復國於前王之子，而國內文武臣僚及耆老員目咸請阮惠留治其國，不以維禛宗姓為歸。

阮惠崇執謙遜，以維禛乃前王血胤，年前兄長早亡，經前王立為世子，仍委監國奉祀，又憫其微弱，國人不附，留其家臣領兵鎮輔，至如維禛兵民之數，一切交還，而自引眾南回順化。

日者曾以國情崙遣介臣叩關具奏，奈因舊守隘負印在逃，天朝隘目遂以疏遜賜搆，國書未能得達。茲維祁母眷具以亡國苦情懇乞上憲垂憐送回本國，仰惟大皇帝柔遠依依，波及下國，上憲遵奉德意，不忍維禛之宗祀墜地，騰諭本國臣民，亟圖恢復。

竊念維祁失守社稷，一去無蹤，阮惠實無據國之心，而虛負竊國之謗，蒙上憲以名義播諸文告，且奏請大皇帝調遣各省水陸官兵數十萬，剋期分路進剿，預飭本國臣民分等效用，國內不逞之徒緣此在在扇搖，指維禛宗族為棄國事察媒孽其過失，以兵革之間，天朝誠非得已，顧以事情不白，致煩一番調動。

竊恐維禛親屬或為強梁者所甘心，而本國四五年來，飢饉荐臻，創殘未受，一旦天兵入國，壺漿之外，供億必不能支，人民扶老携幼躲避奔遁，恐非上憲宣播皇仁綏輯遐方之意，輒敢佈達惠曲，崙望查明阮惠所以入國復還之故及本國臣民所以懇乞阮惠留治之由，仍許維禛與本國文武員弁接領維祁母眷回國安養，至如維祁造釁亡國，不死社稷，流落何方，沒無音信，一體曲為本國題達大皇帝天聽洞悉，指下處分，使本國臣民免於兵戈之苦，即上憲排難卹孤之德，維禛舉於頂戴無窮已矣，今肅稟。

一肅遞不腆土物犀角貳座，重柒斤壹兩，土絹壹百疋。一崙遣候命宗人貳員：黎維逢，黎維重。文候命參員：阮衙，武輝璞，陳伯覽。武侯命參員：阮廷寬，阮登垓，黎輝瓚。

乾隆五十三年十月二十二日。<sup>62</sup>

## Dịch âm

An Nam quốc tiền vương Lê Duy Đoan thân tử Lê Duy Cẩn hợp tộc đảng khấu bả ư thiên triều Lương Quảng Tổng Đốc Bộ Đường đại nhân đài các hạ hi chúc Càn Long ngũ thập tam niên thập nguyệt sơ thập nhật, tiếp phụng hịch dụ bản quốc dĩ Quảng Nam thổ mục Nguyễn Huệ thiết quốc trực chủ duyên do, sự quan trong đại, thiên binh thuyên chỉ bản quốc sinh linh chi mệnh sở hệ bất tể, Duy Cẩn thiếm dự tiền vương chi tử, quốc tình điên mạt, thực sở thân kiến, khởi cảm giam mặc bất dĩ thân thỉnh do Duy Cẩn tiên tổ lữ thế dĩ lai thần sự thiên triều, khác cộng chức cống, kỳ thực uy phúc bất tại, bính qui phụ chính Trịnh thị

nhị bách dư niên, cập thân phụ Duy Cẩn niên lão, phụ chính tiền Trịnh Đổng chấp quốc, chính hình vận suyễn, quốc nội quai ly. Nguyễn Huệ viễn tại nam thủy, đắc nhất phương dân hoà, nhân ư Bính Ngọ niên lục nguyệt củ suất kỳ chúng, tiến nhập đô thành, dữ Trịnh thị giao chiến, tiền Trịnh Đổng chiến bại tẩu tử, Nguyễn Huệ tức thu quốc nội binh dân bạc tịch qui ư Duy Cẩn thân phụ, duyệt nguyệt nam hồi.

Duy Cẩn chi phụ cát Nghệ An chi địa, hứa vi khao lao chi vật, hữu dĩ thân nữ qui chi. Vị kỷ, Duy Cẩn thân phụ dĩ bệnh tạ thế, Nguyễn Huệ hứa ủng lập tự tôn Duy Kỳ tập vị. Cự ý Duy Kỳ âm dụ Nguyễn Huệ chi bạn thân Nguyễn Chính, dĩ binh nhập vệ. Nguyễn Chính thiện tác uy phúc, trung ngoại hàm oán, Duy Kỳ vi sở dụ dịch, tứ hành tru lục, tương kỳ thúc phụ Lê Duy Lữ, Lê Duy Lân, Lê Duy Hội đảng tam nhân đầu ư cung tỉnh, Duy Cẩn hợp tộc chúy bất tự bảo, tẩu y Nguyễn Huệ dĩ vi an. Chí ư ngoại triều chi thân dĩ vô tội đàm võ lão tướng Hoàng Phùng Cơ, dĩ tư hám sát văn lão thần Dương Trọng Tế, nhân nhân tự nguy, tranh vãng sánh ư Nguyễn Huệ cầu hoạt.

Duy Kỳ tức bôi cát địa chi ước, dữ Nguyễn Chính mưu nghị tập hợp binh chúng cấu hấn ư Nghệ An địa phương, nhân thử Nguyễn Huệ sử kỳ gia tướng dĩ sở quản hạt nội Thuận Hoá chi binh trường khu nhập đô, thảo Nguyễn Chính chi tội. Duy Kỳ vi Nguyễn Chính sở hiệp xuất bôn, Nguyễn Chính bại tử, Duy Kỳ lưu bá, bất tri hạ lạc. Tư niên tam nguyệt, Nguyễn Huệ tiến chí đô thành, chiêu an đào tán quan lại nhân đảng, thả tuân quốc nhân dĩ phục quốc ư tiền vương chi tử, nhi quốc nội văn võ thần liêu cập kỳ lão viên mục hàm thỉnh Nguyễn Huệ lưu trị kỳ quốc, bất dĩ Duy Cẩn tông tính vi qui.

Nguyễn Huệ sùng chấp khiêm tốn, dĩ Duy Cẩn nãi tiền vương huyết dận, niên tiền huynh trưởng tảo vong, kinh tiền vương lập vi thế tử, nhưng uỷ giám quốc phụng tự, hứa miễn kỳ vi nhược, quốc nhân bất phụ, lưu kỳ gia thân lãnh binh trấn phụ, chí như Duy Cẩn binh dân chi số, nhất thiết giao hoàn, nhi tự dẫn chúng nam hồi Thuận Hoá.

Nhật giả tăng dĩ quốc tình chuyên khiến giới thân khấu quan cụ tấu, nại nhân cứu thủ ả phụ ấn tại đào, thiên triều ả mục toại dĩ sở dịch tứ cấu, quốc thư vị năng đắc đạt. Tư Duy Kỳ mẫu quyền cụ dĩ vong quốc khổ tình khẩn khát thượng hiến thủy lân tổng hồi bản quốc, ngưỡng duy đại hoàng đế nhu viễn y y, ba cập hạ quốc, thượng hiến tuân phụng đức ý, bất nhẫn Duy Cẩn chi tông tự truy địa, dâng dụ bản quốc thần dân, cứ đồ khôi phục.

Thiết niệm Duy Kỳ thất thủ xã tắc, nhất khứ vô tung, Nguyễn Huệ thực vô cứ quốc chi tâm, nhi hư phụ thiết quốc chi bàng, mong thượng hiến dĩ danh nghĩa bá chư văn cáo, thả tấu thỉnh đại hoàng đế điều khiển các tỉnh thủy lục quan

binh số thập vạn, khắc kỳ phân lộ tiến tiêu, dự sức bản quốc thần dân phân đẳng hiệu dụng, quốc nội bất sinh chi đồ duyên thử tại tại phiến dao, chỉ Duy Cẩn tông tộc vì khí quốc sự sát mưu nghiệt kỳ quá thất, dĩ binh cách chi gian, thiên triều thành phi đặc dĩ, cố dĩ sự tình bất bạch, chí phiên nhất phiên điều động.

Thiết khủng Duy Cẩn thân thuộc hoặc vì cường lương giả sở cam tâm, nhi bản quốc tứ ngũ niên lai, cơ bản tồn trăn, sáng tàn vị thù, nhất đán thiên binh nhập quốc, hồ tương chi ngoại, cung ức tất bất năng chi, nhân dân phù lão huê ấu đoạ tị bôn bô, khủng phi thượng hiến tuyên bá hoàng nhân tuy tập hà phương chi ý, ngọt cảm bố đạt huê khúc, chuyên vọng tra minh Nguyễn Huệ sở dĩ nhập quốc phục hoàn chi cố cập bản quốc thần dân sở dĩ khẩn khát Nguyễn Huệ lưu trị chi do, nhưng hứa Duy Cẩn dữ bản quốc văn võ viên biện tiếp lãnh Duy Kỳ mẫu quyền hồi quốc an dưỡng, chí như Duy Kỳ tạo hấn vong quốc, bất tử xã tắc, lưu lạc hà phương, một vô âm tín, nhất thể khúc vì bản quốc đề đạt đại hoàng đế thiên thánh động tất, chỉ hạ xử phân, sử bản quốc thần dân miễn ư binh qua chi khổ, tức thượng hiến bài nạn tuất cô chi đức, Duy Cẩn cử tộc đình đài vô cùng dĩ hĩ, kim tức bầm.

Nhất túc đệ bất thiên thổ vật tê giác nhị toạ, trọng thất cân nhất lượng, thổ quyền nhất bách thất. Nhất chuyên khiển hậu mệnh tông nhân nhị viên: Lê Duy Phùng, Lê Duy Trọng. Văn hầu mệnh tam viên: Nguyễn Nha, Vũ Huy Phác, Trần Bá Lãm. Võ hầu mệnh tam viên: Nguyễn Đình Khoan, Nguyễn Đăng Cai, Lê Huy Tấn.

Càn Long ngũ thập tam niên, thập nguyệt, nhị thập nhị nhật.

Dịch nghĩa

*Con ruột của tiền vương nước An Nam Lê Duy Đoan (tức vua Hiến Tông) là Lê Duy Cẩn cùng các người trong họ cúi đầu bầm trước ánh sáng Lương Quảng Tổng Đốc Bộ Đường đại nhân của thiên triều:*

*Ngày mồng 10 tháng 10 năm Càn Long thứ 53 (chúng tôi) nhận được hịch dụ về nguyên do việc thổ mục đất Quảng Nam Nguyễn Huệ trộm đất đuổi chủ, sự việc liên quan trọng đại, thiên binh (chỉ quân nhà Thanh) kéo sang ảnh hưởng đến sinh linh bản quốc không nhỏ nên đưa con hèn mọn của tiền vương là Duy Cẩn xin đem mọi việc tình hình trong nước, từ trước tới sau chính mắt trông thấy, chẳng lẽ ngậm miệng không nói, vậy xin trình lên:*

*Tổ tiên nhà Duy Cẩn trước nay nhiều đời thờ phụng thiên triều, tuy vẫn kính cẩn triều cống nhưng thực ra uy phúc không có, hơn hai trăm năm qua quyền hành ở trong tay họ Trịnh phụ chính. Đến khi cha của Duy Cẩn (tức vua Hiến*

Tông) tuổi già, người phụ chính trước là Trịnh Đổng (tức Trịnh Tông) trông coi việc nước, tình hình rối ren, đất nước chia rẽ. Nguyễn Huệ ở biên thùy phía nam xa xôi, được một phượng dân hòa, nhân tháng 6 năm Bính Ngọ (1786) kéo rốc quân ra tiến đến đô thành, giao chiến với họ Trịnh, Trịnh Đổng chiến bại bỏ chạy rồi chết, Nguyễn Huệ liền đem binh dân hộ tịch trong nước giao lại cho thân phụ Duy Cẩn, một tháng sau trở về nam.

Cha của Duy Cẩn cắt đất Nghệ An để làm vật khao thưởng công lao, lại đem con gái gả cho. Chẳng bao lâu, thân phụ Duy Cẩn ngộ bệnh tạ thế, Nguyễn Huệ lại ủng lập tự tôn Duy Kỳ lên nối ngôi. Ngờ đâu Duy Kỳ lại âm mưu dụ dỗ phản thần của Nguyễn Huệ là Nguyễn (Hữu) Chỉnh, đem binh vào bảo vệ. Nguyễn Chỉnh tác oai tác phúc, trong triều ngoài nội đều oán hận, Duy Kỳ nghe lời xúc xiểm, làm chuyện tru lục, đem các chú Lê Duy Lữ, Lê Duy Lân, Lê Duy Hội ba người ném xuống giếng trong cung, Duy Cẩn và các thân tộc khác lo không tự bảo vệ được, (nên phải) chạy đến dựa vào Nguyễn Huệ cho được yên thân. Đến ngay cả các bầy tôi ở ngoài triều như võ lão tướng Hoàng Phùng Cơ, vì thù riêng mà giết văn lão thần Dương Trọng Tế, ai nấy cảm thấy nguy cơ, cũng vội vàng chạy đến với Nguyễn Huệ mong được sống.

Duy Kỳ lại bội ước cắt đất, cùng với Nguyễn Chỉnh tập hợp binh chúng gây rối ở đất Nghệ An, thành thử Nguyễn Huệ phải sai gia tướng đem quân từ Thuận Hóa rong ruổi kéo vào kinh đô, phạt tội Nguyễn Chỉnh. Duy Kỳ bị Nguyễn Chỉnh ép phải xuất môn, Nguyễn Chỉnh thua trận mà chết, Duy Kỳ lưu lạc, không biết ở đâu.

Tháng ba năm nay, Nguyễn Huệ tiến vào đô thành, chiêu an các quan lại đang tứ tán các nơi, hỏi người trong nước xem con cái vua trước có ai, các quan văn võ cùng người già cả viên mục mới xin Nguyễn Huệ ở lại trị nước không để họ nhà Duy Cẩn nữa<sup>63</sup>. Thế nhưng Nguyễn Huệ là người lễ phép khiêm tốn, thấy Duy Cẩn là máu huyết của tiền vương, trước đây khi huynh trưởng mất sớm (tức thái tử Duy Vĩ), đã từng được tiền vương lập làm thế tử, nên ủy nhiệm việc giám quốc, tế lễ, lại sợ thế lực yếu ớt, người trong nước không theo, nên để gia thân cầm quân ở lại trấn thủ, còn như binh dân của Duy Cẩn nhất thiết trả lại cả, rồi đưa quân trở về Thuận Hóa ...

Sau đó chúng tôi đã từng đem tình hình trong nước sai quan ở biên giới tâu lên mọi việc, thế nhưng kẻ viên mục giữ ải cầm ấn trốn đi, quan thiên triều lại lơ mờ không rõ chuyện, thành ra quốc thư không đến được. Còn như việc mẹ và quyến thuộc của Lê Duy Kỳ đem khổ tình vong quốc khẩn cầu thượng hiến thương xót đưa về nước, dựa vào lòng võ về kẻ ở xa của đại hoàng đế xuống đến chúng tôi, thượng hiến tuân phụng thánh ý, không đành để cho giòng dõi nhà Duy Cẩn tôi bị tàn lụi, thương xót cả thân dân nên mong cho có đường khôi phục.

*Trộm nghĩ Duy Kỳ không giữ nổi xã tắc, đi rồi không biết tung tích ra sao, còn Nguyễn Huệ quả không có ý chiếm đoạt, nay người ta bịa đặt ra rằng cướp nước, xin thượng hiến lấy danh nghĩa bá cáo cho mọi người, lại tâu lên đại hoàng đế để đem mấy chục vạn thủy lục quan binh các tỉnh, định thời hạn đem sang tiêu trừ, lại sức cho thần dân bản quốc các nơi chia nhau ứng phó, những kẻ bất mãn trong nước trong lòng khắp khởi, chỉ vì người trong họ nhà Duy Cẩn bỏ nước mong lấy lại, gây chuyện can qua nên tâu lên sự việc không rõ ràng khiến thiên triều vì lòng thành mà cực chẳng đã phải điều động đến binh đao.*

*Trộm nghĩ thân thuộc nhà Duy Cẩn có lẽ vì hung hăng quá mà đành lòng làm thế chứ bản quốc bốn năm nay đói khổ điều tàn chưa hồi phục, một khi thiên binh nhập quốc, ngoài việc bầu nước giở cơm ra đón chắc không thể cung ứng nổi, nhân dân trẻ già lớn bé trốn tránh hết, thật không phải là điều thuận tiện cho thượng hiến tuyên bá lòng nhân ái của hoàng đế đến phương xa, ban bố huệ đức cho dân chúng, vậy xin tra xét rõ ràng việc Nguyễn Huệ nhập quốc rồi lại trở về, cùng nguyên do việc thần dân bản quốc khẩn cầu Nguyễn Huệ ở lại cai trị, để cho Duy Cẩn cùng văn võ quan viên tiếp lãnh mẹ con, quyến thuộc Duy Kỳ về nước an dưỡng. Còn như Duy Kỳ gây hấn để đến nỗi mất nước, nếu không chết thì cũng lưu lạc nơi đâu không có tin tức gì, mọi chuyện xin vì bản quốc mà đề đạt lên đại hoàng đế để truyền chỉ xử phân, miễn cho thần dân bản quốc cái khổ binh qua, ấy là công đức thương xót, giải nạn của thượng hiến vậy. Duy Cẩn cùng toàn thể tông tộc vô cùng đội ơn, nay trình lên.*

*Xin đệ lên thổ vật hai chiếc sừng tê, nặng bảy cân một lượng, một trăm súc lụa. Nay sai tông nhân hai người là Lê Duy Phùng, Lê Duy Trọng cùng ba văn quan theo hầu là Nguyễn Nha, Võ Huy Phác, Trần Bá Lãm, ba viên võ quan theo hầu là Nguyễn Đình Khoan, Nguyễn Đăng Cai, Lê Huy Tán.*

*Càn Long năm thứ 53, ngày 22 tháng 10.*<sup>64</sup>

Xem như thế, khi nghe tin quân Thanh sắp sửa kéo qua, nhà Tây Sơn cũng hết sức nỗ lực dùng đường lối ngoại giao mềm mỏng để yêu cầu đối phương bãi binh. Một điểm đáng để ý là trong bản văn nêu trên, các quan nhà Lê chỉ gọi Lê Duy Kỳ là “*cố chủ*” (chủ cũ), gia đình nhà Lê chạy sang Tàu là “*cố chủ mẫu quyến*” (mẹ và thân nhân chủ cũ) cho thấy nhà Tây Sơn đã xác định vua Lê không còn là chủ nước nữa. Đây cũng là một chi tiết đáng lưu ý cho chúng ta thấy Nguyễn Huệ đã đặt tương quan Hoa – Việt trên một bình diện mới.

## 2/ HẬU BINH

Sử nước ta gần như không đề cập gì đến việc quân ta chuẩn bị nghinh chiến, còn sử Trung Hoa thì chỉ miêu tả đường tiến quân của họ mà thôi. Tuy nhiên rải rác trong một số sử liệu, chúng ta cũng biết được quân Nam không hoàn toàn chỉ triệt thoái mà thực tế cũng có sắp xếp với mục đích cầm chân địch để đại quân rút về Ninh Bình. Chính vì

thế mà Tôn Sĩ Nghị tiến quân khá dễ dàng khiến cho ông ta tưởng rằng quân Tây Sơn đã rút khỏi Bắc Hà trả lại cương thổ cho nhà Lê. Cuộc triệt binh đó êm thấm đến nỗi gần như không ai hay biết và quân Thanh không khởi phóng đại lên một số chiến công để báo cáo về triều đình.

Bắc Hà thời kỳ đó đang lâm vào cảnh đói kém, một phần vì chiến tranh tàn phá trong nhiều năm, lại thêm thiên tai mất mùa. Theo lời của các quan nhà Lê, mấy năm trước trời hạn hạn lại thêm dịch tễ nên bị nạn đói, đến năm này (Mậu Thân, 1788) thì lại mưa dầm. Riêng ở Thăng Long, quân Tây Sơn lo củng cố thực lực để chống giữ nên quyền hành đều trong tay Ngô Văn Sở. Ông cho xúc tiến việc xây đắp thành lũy khắp nơi, trai tráng đã đành, đàn bà con trẻ cũng phải tham gia các công tác lao dịch. Để có đủ chi phí, quân Tây Sơn thu thuế “mãi lộ”, ai muốn vào thành Thăng Long thì phải đóng tiền từ 20 đến 30 văn.

Việc tận dụng nhân lực và thu góp tài lực, lương thực đã tạo cho đối phương nhiều khó khăn và chính nhà Thanh cũng phải thú nhận rằng họ đã không tìm được gạo thóc mà trái lại còn phải dùng gạo đem sang để nuôi đám quân nhà Lê.

*... Ngoài số quân lương cung ứng cho quan binh, lần này ta còn phải phát cho người An Nam ở Lê thành về hàng 3, 4 vạn thạch, đến sau chỉ còn cho được vài trăm thạch còn bao nhiêu phát tiền.<sup>65</sup>*

Trái lại theo sử nước ta thì vua tôi nhà Lê bị bắt phải cung ứng lương thực cho quân Thanh mà tình hình thê thảm như sau:

*... Bấy giờ luôn năm mất mùa, đói kém, nhất là năm này lại càng quá lắm. Quân lính nhà Thanh đóng ở kinh thành rộng rãi cướp bóc; dân chúng lại càng chán ghét. Triều đình đốc thúc lương quân, các châu và các huyện đều không cung ứng. Nhà vua (Lê Duy Kỳ) bèn sai các quan chia nhau làm việc này. Dân chúng có người đến nỗi phải khóc lóc mà dâng nộp. Đường tiếp tế lương thực quân Thanh thì xa, nên bao nhiêu lương và tiền mà triều đình thu được của dân đều đem cung đốn cho họ hết sạch. Còn vài vạn người vừa nghĩa binh các đạo vừa ưu binh Thanh Nghệ thì đều lòng không dạ trống đi theo việc binh nhưng. Lòng người do đấy lại càng chia rẽ tan tác.<sup>66</sup>*

Khi nghe tin quân Thanh sắp sửa sang đánh nước ta, Ngô Văn Sở sai nội hầu Phan Văn Lân đem 1000 quân lên chỉ huy các phòng tuyến chống giữ. Từ Lạng Sơn đến Thăng Long, đường nhiều núi non, rừng rú rất khó đi, Phan Văn Lân thiết lập nhiều đồn trại mà theo nhà Thanh miêu tả thì là cho nhiều toán quân phục kích sẵn để đón đánh giặc. Một số đồn lũy bằng gỗ được dựng lên, ngoài đào hào, cắm chông theo lối bố trí của Đàng Trong. Theo sử nhà Thanh còn để lại, quân ta mai phục sáu nơi, ít thì 1, 2 ngàn người, nhiều thì lên tới 3, 4 ngàn. Tuy nhiên đây chỉ là con số mà Tôn Sĩ Nghị tâu lên

để cho chiến công thêm hiển hách, thực sự mỗi nơi quân ta chỉ đóng từ vài chục đến một, hai trăm ngoài trừ các vị trí hiểm yếu dựa vào ba con sông lớn.

Những lũy đó giao cho thổ quan, thổ binh phòng ngự, chỉ có một số ít là quân sĩ từ Thăng Long lên yểm trợ. Ngoài ba vị trí chính yếu dựa vào ba con sông, quân ta cũng đóng thêm ba vị trí phụ để cầm chân địch mà sử nhà Thanh có ghi là Gia Quan – Hạ Hộ, Tam Dị – Trụ Hữu, Thọ Xương, Thị Cầu và Phú Lương. Một điều chắc chắn là quân Nam dựa vào địa thế hiểm trở để ngăn địch và dùng nghi binh để làm chậm bước tiến quân Thanh nhưng một khi thấy không chống đỡ nổi liền rút lui để bảo toàn lực lượng còn thổ binh, thổ quan thấy quân Thanh thế mạnh thường đầu hàng.

Một trong những bất lợi của quân ta là vị trí yết hầu để chặn địch là khu vực Lạng Sơn thì trấn thủ Phan Khải Đức đã trở giáo theo giặc, lại chủ động đóng vai tiên phong đem quân đánh xuống. Trần Danh Bính sau khi khuyên giải họ Phan không nghe liền tập trung lực lượng ngăn chặn gây khó khăn không ít cho quân Thanh. Ông bị bắt trong trận Trụ Hữu và bị chém đầu cùng với tất cả những người bị sa vào tay địch.

## CHIẾN CUỘC

Sau khi được lệnh, quân Thanh chia hai ngả kéo sang nước ta. Cánh quân Quảng Đông vì điều động từ nhiều nơi nên mãi đến 20 tháng 10 trước sau mới tới được Trấn Nam Quan. Được cái vào mùa này thời tiết tương đối tạnh ráo nên việc di chuyển cũng không mấy khó khăn. Tôn Sĩ Nghị không đợi cho quân các nơi tới đủ, truyền lệnh cho đề đốc Hứa Thế Hanh tập trung cánh quân Quảng Tây ngày 28 tháng 10, giờ Mão tế cờ mở cửa quan tiến qua.<sup>67</sup>

Từ Trấn Nam Quan đến Lạng Sơn đường sá còn bằng phẳng dễ đi nên khi đến thị trấn rồi, Tôn Sĩ Nghị ra lệnh cho quân nghỉ lại 2 ngày chờ quân ở sau đi tới rồi mới tiếp tục. Ngoài Lạng Sơn phải qua một con sông (sông Kỳ Cùng), hàng tướng nhà Tây Sơn là Phan Khải Đức cho chặt tre làm bè kết thành cầu phao quân Thanh mới qua được.

Ngày mồng một tháng 11 năm đó, Tôn Sĩ Nghị bàn với Hứa Thế Hanh chia quân thành hai ngả:

- Đạo quân thứ nhất theo phía trái đường Mai Pha (枚坡) do tri huyện Lâm Tế Thanh dẫn xướng dân (tức phu phen từ bên Tàu sang khai mỏ ở nước ta) và đám quân cần vương dẫn lộ. Đường phía này vừa hẹp vừa hiểm trở nên chỉ có 1000 quân Thanh đi theo.
- Đường thứ hai theo Giang Hán (江漢) ở cánh hữu tỉnh Lạng Sơn do Phan Khải Đức tuyển thổ binh đưa lối,<sup>68</sup> đi theo các ngả Nhân Lý (仁里), Đường Giáp (唐甲), Mai Tiêu (枚梢), Quang Lang (桄榔...). Phía này đường tương đối rộng rãi dễ đi hơn, chính là đường mà xưa nay sứ thần nước ta vẫn dùng mỗi khi qua tiến cống nước Tàu. Tuy nhiên gần đây, vì tình hình loạn lạc nên trộm cướp nổi lên như rươi, không ai dám qua lại. Suốt đoạn đường này chỉ có hai chỗ tương đối khó đi là Núi Mẹ Con (Mẫu Tử Lãnh) và Úy Thiên Quan (tên thường gọi là Quỷ Môn Quan).<sup>69</sup>

Tôn Sĩ Nghị tiến quân theo đường Lạng Sơn thấy nơi nơi nhà cửa tiêu điều, xóm làng tan nát vì chiến tranh lâu nay, nhiều nơi còn cả xương trắng lẫn xác người thối rữa. Ngày mồng 6 tháng 11, đề đốc quân tỉnh Quảng Đông lại tăng viện thêm 1000 người nữa.

Đoàn quân đi theo hướng Mai Pha vì đường khó đi nên lại phải chia thành hai nhánh, một đội theo lối Đài Cao (苔高) và Cúc Thung (菊椿), một đội vẫn theo lối Mai Pha rồi gặp lại ở Gia Quan (嘉關). Quân Tây Sơn đóng ở Gia Quan nghe thanh thế quân Tàu quá lớn nên rút lui để bảo tồn lực lượng, giao binh khí, súng ống, thuốc nổ lại cho thổ

quan Phan Khâm Doãn (潘欽允) thống lãnh dân chúng chống giữ nhưng khi quân Thanh tới vây đánh, Phan Khâm Doãn và Hoàng Ngọc Bá (黃玉伯) liền ra hàng.

Quân Tây Sơn rút về giữ Tiên Lệ (先麗), Cần Dịch (芹驛), Ha Hộ (訶戶)<sup>70</sup>, Trụ Hữu (柱右), dựa vào thế đất hiểm trở để ngăn giặc. Vì quân Thanh còn đang tiếp tục tiến qua, Tôn Sĩ Nghị ra lệnh cho đóng quân lại chờ cho đủ để cùng tiến.

Trong khi quân Tàu đưa quân tiếp viện, cả đường bộ lẫn đường thủy, một biến cố nhỏ đã xảy ra. Một số thuyền của quân Thanh từ Quảng Đông theo đường biển (có lẽ là chở lương thực vì sử sách không đề cập đến việc Trung Hoa có đủ chiến thuyền để tổ chức thành một cánh quân đi theo hải đạo) bị bão thổi, một viên bả tổng tên là Hứa Xương Nghĩa (許昌義)<sup>71</sup> cùng 40 tên lính đi trên biển bị gió thổi dạt xuống Nghệ An, được quan An Nam đưa về Lê thành (Thăng Long), do chú của Lê Duy Kỳ là Lê Duy Cẩn đứng ra cung cấp lương ăn, sau đó chia bọn Hứa Xương Nghĩa và 40 tên lính thành hai đội đưa trả về doanh trại cho Tôn Sĩ Nghị. Cứ theo lời bẩm của Hứa Xương Nghĩa thì viên Đại Tư Mã và thủy binh Đô Đốc tại Lê thành ngày ngày thao diễn thủy quân, lại đóng nhiều thuyền lớn trên sông Phú Lương, thuyền nào hai bên cũng có rất nhiều mái chèo, trong thuyền có để súng lớn, các viên đạn sắt mỗi viên ước chừng 2, 3 mươi cân<sup>72</sup>.

Cũng từ tờ biểu, chúng ta cũng biết cho đến thời gian này, bản thân Lê Duy Kỳ vẫn còn bị quân Tây Sơn săn bắt ráo riết nên tiếp tục trốn tránh, phần khác tình hình không lạc quan như các lời tâu của đám tòng vong cho rằng một khi quân Thanh tiến qua cửa ải ắt dân chúng sẽ nổi lên chống lại Nguyễn Huệ. Chính vì thế, Tôn Sĩ Nghị cũng hoang mang nên đã gọi những bầy tôi nhà Lê đến trách cứ về việc chưa thấy Lê Duy Kỳ ra mặt.

Nếu như Lê Duy Kỳ thất tung hay đã chết, việc nhà Thanh sẽ không thể nào che dấu được âm mưu thôn tính nước ta.<sup>73</sup> Tôn Sĩ Nghị vội vàng tính một đường khác, tâu lên xin cho hoàng đệ Lê Duy Chỉ tạm coi việc nước nhưng vua Càn Long gạt đi e rằng một mai khi Lê Duy Kỳ xuất hiện, hai anh em sẽ có tranh chấp. Vua Cao Tông cũng tính xa hơn là nếu như không tìm thấy Lê Duy Kỳ thì một khi tình hình yên ổn sẽ lập Lê Duy Thuyên là đích truyền của vua Hiển Tông (con của Lê Duy Kỳ đang ở với mẹ và bà nội tại Nam Ninh, Trung Hoa) lên làm vua<sup>74</sup>.

Không phải chỉ dự trù việc phong vương, vua Càn Long lại phá lệ cho đúc sẵn ấn và sắc giao cho Tôn Sĩ Nghị mang theo để khi gặp Lê Duy Kỳ sẽ đại diện thiên triều chính thức làm lễ và trao lại. Chính vua Càn Long đã viết:

*Theo định lệ của bản triều đối với Triều Tiên, Lưu Cầu, An Nam nếu muốn xin phong vương thì trước hết người kế thừa ngôi vua phải tâu lên, triều đình sẽ sai chánh phó sứ thuộc bộ Lễ sang làm lễ sách phong, sau đó tự vương sẽ sai bồi thân mang biểu và lễ vật đến kinh sư tạ ân.*

*Tháng 10 năm ngoái, khi Tôn Sĩ Nghị tâu lên xin xuất quan, ta nghĩ rằng việc chinh thảo đất sẽ lập lại nhà Lê theo cách cũ nên tuy không đúng thể chế (vẫn định rằng) khi chiếm lại Lê thành liền sách phong cho Lê Duy Kỳ để thu phục nhân tâm ...<sup>75</sup>*

Theo tài liệu nhà Thanh, việc tổng đốc đại thần của triều đình đích thân sang phong vương sẽ khiến cho nhà Lê có đủ uy tín trị nước, nhân dân tâm phục. Chiếu điển lệ, ấn phong vương cho phiên bang làm bằng bạc mạ vàng, núm ấn hình con lạc đà. Tuy nhiên vì ấn cũ thất lạc nên vua Cao Tông cho đúc ấn mới, chữ khắc có khác đi để nếu như tìm thấy ấn cũ thì không lẫn lộn<sup>76</sup>. Ấn cũ khi đó sẽ trao lại cho nhà Thanh đem về kinh sư tiêu huỷ.

### Trần Thi Cầu

Khi Lê Quýnh trở lại Quảng Tây mang theo tờ bả của Lê Duy Kỳ cũng xác quyết rằng một khi quân Thanh phát binh tiến qua khỏi cửa ải thì vua Lê sẽ tới ngay để cùng với Tôn Sĩ Nghị tiến xuống Thăng Long. Thế nhưng sau khi ra khỏi Trấn Nam Quan đã nửa tháng, họ Tôn vẫn chưa thấy bóng dáng Lê Duy Kỳ đâu. Ngày 11 tháng 11 năm đó (1788), Tôn Sĩ Nghị cho đòi Lê Quýnh vào sai đi tìm vua Chiêu Thống. Đến hôm sau, quân hai tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây đã đến đủ, Tôn Sĩ Nghị lập tức điều động 2000 quân đóng dọc theo bờ sông phòng thủ, 8000 quân còn lại tiếp tục tiến xuống nhưng phó tướng thanh thế nói là dưới tay có đến 10 vạn quân.<sup>77</sup>

Trên đường dọc từ Lạng Sơn xuống Thăng Long, quân Tây Sơn đã xây dựng nhiều đồn lũy bằng gỗ rất kiên cố, chung quanh đào hào có cắm chông tre nhưng khi nghe quân Thanh tiến đến, các tướng trấn giữ liền rút lui để bảo toàn lực lượng. Tuy nhiên, đường khó đi nên quân Thanh cũng không dám tiến nhanh. Theo tài liệu nhà Thanh, Tôn Sĩ Nghị tuyển vài trăm binh đi cùng với bồi thần nhà Lê là Nguyễn Đĩnh (阮挺) hợp cùng đám thổ binh ra hàng, nhân lúc trời tối lẫn theo các khu vực cây cối rậm rạp tiến lên trước nhưng không gặp phục binh của quân ta vì tất cả đã được lệnh lui về dựa vào các sông lớn ở Thọ Xương (壽昌)<sup>78</sup>, Thị Cầu (市球), Phú Lương (富良) án binh chống giặc.

Ngày 13 tháng 11, tổng binh trấn Tả Giang Thượng Duy Thăng (尚維昇) và phó tướng Tôn Khánh Thành (孫慶成), tham tướng Vương Tuyên (王宣), du kích Tiêu Ứng Đắc (蕭應得), thủ bị Trương Vân (張雲) dẫn 1200 binh đến bờ sông Thọ Xương thì quân Tây Sơn đã lui về giữ nam ngạn, chặt đứt cầu phao. Hôm đó trời sương dày đặc, thiên tửng Liêu Phi Hồng (廖飛鴻) đem quân vừa bắn vừa đuổi theo, y không biết cầu đã đứt nên cùng với 20 binh sĩ rơi tồm xuống sông may sao níu được bè tre trôi lên bờ được.

Quân Thanh thấy vậy vội chặt tre kết bè làm cầu qua sông Thọ Xương. Tôn Sĩ Nghị chia quân làm hai cánh, một cánh theo đường Gia Quan đánh vòng xuống nên sai tổng binh Nam Áo (南澳) Trương Triều Long (張朝龍) đem 1500 quân theo đường mòn trên núi tràn xuống Tam Dị (三異). Khi Trương Triều Long đến ranh giới Tam Dị, Trụ Hữu (柱右) thì đụng độ với quân nam. Theo sử nhà Thanh chép lại, quân ta chia làm nhiều mặt phân binh theo cờ đỏ, cờ trắng, cờ đen đánh trống tấn công, Trương Triều Long

cũng chia binh ba mặt, do tham tướng Dương Hưng Long (楊興龍), du kích Minh Trụ (明柱) và đô ti Phú Tang A (富桑阿), thủ bị Lưu Quang Quốc (劉光國) nghinh chiến, quân ta phải rút lui.

Trương Triều Long liền sai du kích Lưu Việt (劉越) mai phục sẵn ở thung lũng, sáng sớm hôm 14 tháng 11, khoảng 200 quân ta đến đây bị quân Thanh xông ra tấn công nên phải nhảy xuống khe nước bơi theo dòng trở về. Ngờ đây quân Thanh do biện viên Trương Phan (張璠) cùng đám xướng dân (phu người Hoa sang khai thác mỏ ở nước ta) và một số thổ binh quen thuộc địa thế đã đón từ trước trong những khu rừng rậm ở hạ lưu sông Thương đổ ra vây đánh, quân Nam tan vỡ bị địch bắt sống 79 người.<sup>79</sup>

Cũng trong thời gian đó, quân Thanh do du kích Trương Thuần (張純) và đô ti Châu Đôn (珠敦) đi theo đường Gia Quan, ngày 12 tháng 11 cũng gặp quân Tây Sơn do một đầu mục đội khăn đỏ từ núi cao đổ xuống đánh<sup>80</sup> nhưng bị quân Thanh đẩy lui, mười người bị giết, 13 người bị bắt, người đầu mục bị trúng đạn từ trên ngựa ngã xuống tử trận. Quân ta lập tức lui binh, Trương Thuần đem quân đuổi từ Gia Quan, Vân Long đến Ha Hộ (訶戶) gặp cánh quân của Trương Triều Long từ Tam Dị, Trụ Hữu hai mặt đánh ập xuống, hơn một trăm người bị giết, 52 người bị địch bắt giải về chém đầu thị uy.

Trước đây khi Trần Danh Bính (陳名炳) đem quân tấn công Phan Khải Đức thấy thế giặc to nên cũng đã bí mật ra hàng, đến khi nhận được thư của Đại Tư Mã Ngô Văn Sở phủ dụ thì quay về đái công chuộc tội, khi đó đóng ở Trụ Hữu đem quân nghinh chiến. Tôn Sĩ Nghị sai Tôn Khánh Thành, thủ bị Lê Chí Minh (黎致明) đem 300 quân đánh úp, hiệp trấn Trần Danh Bính, chỉ huy Lê Đình (黎廷), nội vệ Lật Toàn (栗全) đều bị giặc bắt.<sup>81</sup> Trần Danh Bính bị giặc xử tử.

Sau khi nghe tin quân ta bị thua ở sông Thương, nội hầu Phan Văn Lân (潘文璘) đem binh lên giữ Thị Cầu, đóng trên các sườn núi và chỗ hiểm yếu ở bờ sông phía nam, lại thiết lập nhiều đồn lũy bằng tre, gỗ dọc theo bờ sông phòng ngự. Ngày 15 tháng 11 năm Mậu Thân (Càn Long 53 1788), quân Thanh từ núi Tam Tầng<sup>82</sup> (三層) tiến xuống đóng ở bắc ngạn sông Thị Cầu. Phía bắc sông Thị Cầu đất thấp, Phan Văn Lân liền tập trung súng lớn bắn sang, quân Thanh chống đỡ không nổi chỉ còn nước theo cầu phao vượt sông ừa lên. Quân ta chặn cầu phao và dùng thuyền nhỏ đánh tới, hỏa lực rất mạnh khiến quân Thanh tổn thất nặng nề, du kích Vu Tông Phạm (于宗範) trúng đạn chết, du kích Trần Thượng Cao (陳上高), thủ bị Trương Vân (張雲) thiên tửng Trần Liên (陳連) đều bị trọng thương, ngay cả tổng binh Thượng Duy Thăng cũng bị thương ở ngón tay, Hứa Thế Hanh vội vàng sai quân đắp tường đất để ngăn đạn, hết sức chống giữ. Quân Thanh phòng ngự từ giờ Tỵ (khoảng gần trưa) ngày 15 đến chiều tối ngày 16, hai bên dàn đại pháo bên bờ sông bắn sang nhau.

Tôn Sĩ Nghị thấy dòng sông ngoằn ngoèo, địa thế tối tăm, nên sai dân quân dùng thuyền chở tre gỗ giả vờ như định làm cầu nổi để qua sông nhưng bí mật sai tổng binh Trương Triều Long đem 2000 quân nhân lúc tối trời đi xuống 20 dặm dùng cầu phao và

thuyền cướp được của thổ dân, mang theo lương khô len lén vượt qua. Trương Triều Long cho để lại 500 quân chặn giữ cửa sông, đem 1500 quân tiến lên trước, sai các thổ dân dẫn đường. Tôn Sĩ Nghị lại sợ quân đi quá ít nên sai tổng binh Lý Hoá Long (李化龍) đem 500 quân đi tiếp ứng.

Đến giờ sừu ngày 17 tháng 11 (khoảng 2, 3 giờ sáng) quân Thanh ôm ống tre làm phao, men theo cầu nổi từ chính diện tiến sang, trong khi Trương Triều Long dẫn quân men theo sườn núi tập hậu đánh bất ngờ vào đại doanh của Phan Văn Lân. Khi thấy lửa nổi bốn bề, quân ta ban đêm không biết địch đông ít ra thế nào nên tan vỡ phải bỏ đồn mà chạy trở về Thăng Long. Theo báo cáo của quân Thanh, trận này quân ta chết hơn 1000 người<sup>83</sup>, hơn 500 bị bắt. Tôn Sĩ Nghị muốn thị uy nên ngoài một số dân công bị cắt tai cho về báo tin còn chém đầu 423 người, tịch thu 314 khẩu đại pháo.<sup>84</sup>

Phan Văn Lân đem quân chạy về bảo vệ Thăng Long. Thấy thế giặc đang lớn, Ngô Văn Sở bàn với các tướng rồi theo kế hoạch bỏ ngổ kinh thành, đem đại quân lui về Tam Điệp để tập trung lực lượng chờ Nguyễn Huệ từ Phú Xuân ra chỉ huy phản công.

#### Trần Phú Lương

Theo tài liệu của nhà Thanh, ngày 19 tháng 11 năm Mậu Thân, lúc trời mờ mờ sáng, quân Thanh kéo đến phía bắc sông Nhị Hà, quân nam dùng thuyền chở đại pháo ở trên sông bắn chặn quân địch. Quân Thanh cướp được một số thuyền của ngư dân và bè tre chở khoảng 100 binh vượt sông, hai bên đụng độ nhiều trận, cùng thiệt hại. Quân ta bị địch bắt mất 17 người. Vì tre nứa dọc bên sông đã bị quân nam đốn sạch để xây đồn lũy, quân Thanh không kiếm đâu ra tre để đóng bè vượt sông, vào tờ mờ sáng ngày 20 tháng 11, Hứa Thế Hanh sai 200 quân cầm tử vượt sông cướp được ba chục chiếc thuyền nan, dùng những thuyền đó chở quân sang sông. Quân ta khi đó đã rút ra khỏi Thăng Long, quân Thanh báo cáo là họ còn đánh thắng nhiều trận nhỏ khác, nhưng đó là những bịa đặt cốt để phóng đại chiến thắng của mình. Theo sử sách, kể cả những bút ký của nhiều người có mặt ở Thăng Long vào thời gian đó thì khi quân Thanh tới nơi, thành đã bỏ trống. Theo tài liệu của Hội Truyền Giáo Hải Ngoại Ba Lê thì:

*... ngày 13 tháng 11, hai người lính Bắc Kỳ, thuộc quân đội Tây Sơn chạy trốn đến nơi chúng tôi ở và kể lại rằng quân Nam Kỳ đã bị đánh tan trong sáu cuộc chiến; một số lớn tử trận, quân còn lại thì tẩu tán. Tin đồn đó được tiếp theo nhanh chóng bởi nhiều tin khác. Chiều ngày 15 và hôm 16, Đại Tư Mã và các sĩ quan Tây Sơn khác đã rời bỏ thủ đô và chạy trốn với đội ngũ, khí giới và hành lý họ. Nhưng không thấy ai bị bắt cả.<sup>85</sup>*

Quân Tây Sơn vốn có lối hành binh rất bí mật, khi đến cũng như khi đi, do đó sau trận Thị Cầu Tôn Sĩ Nghị tiến quân gần như không còn gặp một kháng cự nào khác. Những huyênh hoang của họ về số thủ cấp cắt được đều là giả tưởng, nếu có chẳng chỉ là dân lành bị sa vào tay địch nên chết oan, hoặc do những ân oán tư thù mà người này vu hãm người khác, mượn tay địch giết hại. Tôn Sĩ Nghị muốn tạo tiếng vang và củng cố làm ra vẻ tái chiếm kinh thành là một trận lớn để chiến công thêm hiển hách. Vua Cao

Tông thì lại càng mừng rỡ khi thấy mình chỉ huy chiến trận từ kinh đô mà đạt thắng lợi vẻ vang, hơn hẳn mấy lần đem quân đánh Miến Điện.

Ngày 20 tháng 11, quân Thanh chiếm được Thăng Long. Theo tài liệu để lại, thành Thăng Long chung quanh đắp tường đất, cao chừng 4 thước (Tàu), trên trồng tre, bên trong có hai cung điện lợp ngói, không lấy gì làm lớn lắm là nơi ở của quốc vương.

Sau khi Tôn Sĩ Nghị, Hứa Thế Hanh chiếm được thành rồi, quân Thanh ra tuyên cáo cho dân khắp nơi, chia quân ra đóng ở hai bên bờ sông. Một số quan lại nhà Lê xin theo quân Thanh lập công. Những đồn nhỏ lẻ tẻ của quân Nam ở các nơi chưa rút lui kịp bị quân Thanh và dư đảng nhà Lê tiến đánh, lính trấn giữ bị bắt và bị giết. Một số làng ở miền Bắc đánh trống để hưởng ứng với đoàn quân viễn chinh và một số cựu thần còn xúi giục quân địch tiến xuống đánh vào Thanh Hoá.<sup>86</sup>

Về việc quân Thanh không đóng ở trong thành, chúng ta có thể hiểu được lý do tại sao. Kinh thành Thăng Long khi được tạo dựng đã dựa vào sông Nhị Hà để làm một chướng ngại thiên nhiên đối phó với giặc bắc mỗi khi tràn xuống. Cho đến thế kỷ thứ 18, thành trì của nước ta chưa được sử dụng như một pháo đài với chủ đích phòng thủ theo lối của Trung Hoa hay ở Âu Châu. Ngoài ra, khi quân Tây Sơn đánh Thăng Long, chiến tranh đã khiến cho hầu hết cung điện, nhà cửa bị hư hại. Cuối năm Bính Ngọ (1786), Vũ Văn Nhậm đem quân ra Bắc Hà, Quyển Trâm (卷簪) và trấn thủ Lạng Sơn là Nguyễn Khắc Trần (阮克陳) đem quân chống lại, sau thất thế về hàng. Hai người thừa cơ đốt phá cung điện, phá huỷ kinh thành Thăng Long không còn gì nữa.<sup>87</sup> Năm sau, khi Nguyễn Huệ kéo quân ra bắc giết Vũ Văn Nhậm, ông lại tàn phá kinh thành. Một giáo sĩ đã viết trong thư gửi về Hội Truyền Giáo Ba Lê như sau:

*... Trong khi chờ đợi, vì Bắc vương (tức Nguyễn Huệ) sắp phải lên đường vào Nam, ông nhất định cho phá huỷ thủ đô Bắc Kỳ, gọi là Kẻ Chợ, Kinh Đô hay Kinh Ki (Kỳ) và xây lại tại xứ Nghệ An một hoàng thành mới gần quốc gia nhỏ bé của ông (Phú Xuân) và gần Nam Kỳ Thượng, ở khoảng giữa hai vương quốc. Ông liền cấp tốc cho thực hiện kế hoạch này ...*<sup>88</sup>

Với những đợt chinh chiến và tàn phá liên tiếp trong nhiều năm, lại thêm thiên tai mất mùa, miền Bắc nước ta vào thời kỳ quân Thanh sang đánh quả là một món mỗi khó nuốt. Canh hai hôm đó, Lê Duy Kỳ lật đật chạy tới nơi, xin vào gặp Tôn Sĩ Nghị.

## PHONG VƯƠNG CHO LÊ DUY KỲ

Vừa tìm thấy Lê Duy Kỳ, việc đầu tiên Tôn Sĩ Nghị yêu cầu là chọn ngày để làm lễ sách phong nhưng vua Chiêu Thống “*khóc lóc cho rằng lãng tãm còn sa vào trong phạm vi của giặc, chính mình chưa được đến tận nơi bái yết, vậy xin hãy tạm hoãn lại ít lâu*”.<sup>89</sup>

Tôn Sĩ Nghị nhất quyết không chịu lấy cớ là do lệnh của hoàng đế không thể đổi được. Ngày 22 tháng 11 năm Mậu Thân (1788), Tôn Sĩ Nghị vào thành làm lễ phong vương cho Lê Duy Kỳ, tuyên đọc sắc phong sau đây:

Nguyên văn

奉天承運皇帝制曰：

朕惟撫馭中外，綏靖邇遐，義莫大於治亂持危，道莫隆於興滅繼絕，其有夙共朝命，久列世封，遭家國之多難，屬臣民之不靖，則必去其蝥賊，拯厥顛際，俾還鍾簠之觀，以肅屏藩之制。

爾安南國嗣孫黎維祁，化沐炎燄，序承家嗣，當爾祖奄逝之日，正阮逆構亂之時，肇釁蕭牆，失守符印，孑身播越，闔室遷移，棄彼故都，依於上國。

溯百五十年之職貢，能不念其祖宗，披一十六道之輿圖，原非利其土地，且柔遠人所以大無外，討亂賊所以儆不虔，是用輯爾室家，克完居處，勵爾臣庶，共復仇讐。

特敕大吏以濯征，爰董王師而迅剿，先聲所聳，巨憝奚逃，內難斯寧，群情更附，釋其瑣尾流離之困，加以生死骨肉之恩，舊服式循，新綸允賁，茲封爾為安南國王，錫之新印。

王其慎修綱紀，祇奉威靈，戢和民人，保守疆土，勿怠荒而廢事，勿懷安以敗名。

庶荷天朝再造之仁，益迓國祚重延之福。

欽哉！

毋替朕命。<sup>90</sup>

Dịch âm

Phụng thiên thừa vận hoàng đế chế viết:

Trẫm duy phủ ngự trung ngoại, tuy tĩnh nhĩ hà, nghĩa mạc đại ư trị loạn trì nguy, đạo mạc long ư hưng diệt kế tuyệt, kỳ hữu túc cộng triều mệnh, cửu liệt thế phong, cấu gia quốc chi đa nạn, thuộc thần dân chi bất tĩnh, tắc tất khứ kỳ mâu tặc, chủng quyết điền tế, tử hoàn chung cự chi quan, dĩ túc bình phiên chi chế.

Nhĩ An Nam quốc tự tôn Lê Duy Kỳ, hoá mộc viêm tư, tự thừa gia tự, đương nhĩ tổ yêm thệ chi nhật, chính Nguyễn nghịch cấu loạn chi thời, triệu hấn tiêu

tường, thất thủ phù ấn, kết thân bá việt, hạp thất thiên di, khí bỉ cố đô, y ư thượng quốc.

Tổ bách ngũ thập niên chi chức cống, năng bất niêm kỳ tổ tông, phi nhất thập lục đạo chi dư đồ, nguyên phi lợi kỳ thổ địa,<sup>91</sup> thả nhu viễn nhân sở dĩ đại vô ngoại, thảo loạn tặc sở dĩ cảnh bất kiên, thị dụng tập nhĩ thất gia, khắc hoàn cư xứ, lệ nhĩ thần thứ, cộng phục cừ thù.

Đặc sắc đại lại dĩ trạc chinh, viên đồng vương sư nhi tấn tiếu, tiên thanh sở triếp, cự đối hề đào, nội nan tư ninh, quần tình cánh phụ. Thích kỳ toả vĩ lưu ly chi khốn, gia dĩ sinh tử cốt nhục chi ân, cữu phục thức tuần, tân luân doãn bí, tư phong nhĩ vi An Nam quốc vương, tích chi tân ấn.

Vương kỳ thân tu cương kỷ, chi phụng uy linh, tập hoà dân nhân, bảo thủ cương thổ, vật đãi hoang nhi phế sự, vật hoài an dĩ bại danh.

Thứ hà thiên triều tái tạo chi nhân, ích nhạ quốc tộ trùng diên chi phúc.

Khâm tai!

Vô thế trẫm mệnh.

#### Dịch nghĩa

*Phụng mệnh trời, tuân theo vận nước, hoàng đế xuống chiếu rằng:*

*Trẫm chỉ võ về để dẫn dắt trong ngoài, khiến cho nơi xa xôi cũng phục, dùng nghĩa lớn để trị việc loạn giúp kẻ nguy, đạo được lớn để hưng diệt kẻ tuyệt. Những người trước nay theo phò, đời đời phong tước, một khi quốc gia gặp nạn, thần dân không yên, phải làm sao đuổi được giặc, cứu vớt kẻ lao đao, đem lại mối rường cho nước, tỏ lộ cái lòng che chở cho phiên thuộc.*

*Người tự tôn nước An Nam Lê Duy Kỳ, ở nơi phương nam nóng nực, kế thừa dòng dõi. Gặp lúc ông người vừa mất, nhân thời giặc Nguyễn dấy loạn, trong triều gặp chuyện rối ren, mất cả ấn tín, gia đình tan tác phải bỏ kinh đô mà chạy tứ phương, nương tựa vào thượng quốc.*

*Trong một trăm rưỡi năm qua không quên triều cống, nên (ta) phải nghĩ đến tổ tông, còn đối với dư đồ mười sáu đạo kia, (ta) không màng đến việc lấy đất, đạo nhu viễn không ngoài như thế. Trừ loạn tặc sở dĩ cũng là để răn đe, cốt lấy lại cho gia tộc người trở về nơi cũ, khuyến khích cho dân chúng bấy tôi, cùng trả được mối thù.*

*Nay ta đặc biệt sai kẻ đại lại cất binh chinh phạt, đem vương sư chinh tiếu, trước lên tiếng dọa cho chúng sợ tội mà chạy đi, để đem các người về cho mối giếng trở lại, người ly tán nay đoàn viên ấy là cái ơn chết đi sống lại, cốt nhục nối liền. Ý phục cũ nay trở lại, giây thao mới nay rục rở, phong cho người làm An Nam quốc vương, ban cho ấn mới.*

*Hãy cố gắng mà tu sửa kỷ cương, vâng mệnh uy linh, hoà thuận với nhân dân, giữ gìn cương thổ, chớ có bê trễ mà bỏ phế việc, đừng cầu an mà mang tiếng. Hãy nhớ đến cái đức nhân tài tạo của thiên triều, hãy nghĩ đến cái phúc vận nước được nối dài trở lại.*

*Kính thay!*

*Chớ bỏ qua lệnh của trẫm.*

Còn Hoàng Lê Nhất Thống Chí viết chi tiết hơn về buổi lễ:

*... Hôm sau<sup>92</sup> hoàng thượng tự đến dinh Nghị chờ đợi. Nghị sai ngài về bày biện nghi trượng rất long trọng ở điện Kính Thiên, truyền cho các quan vào hầu làm lễ thụ phong. Sắp sửa đầu đầy, Hoàng thượng đội mũ miện, mặc áo cổn quì ở giữa sân, Nghị đem liêu thuộc đến tuyên đọc tờ sắc của vua nhà Thanh phong cho hoàng thượng làm quốc vương An Nam.<sup>93</sup>*

Được tin Tôn Sĩ Nghị chưa đầy một tháng đã chiếm được Thăng Long, vua Cao Tông mừng rỡ lập tức giáng chỉ thăng cho Tôn Sĩ Nghị lên Nhất Đẳng Mưu Dũng Công (一等謀勇公), thưởng cho mũ có gắn hồng bảo thạch, còn Hứa Thế Hanh thì thăng lên Nhất Đẳng Tử Tước (一等子爵), các quan văn võ khác ai cũng được ban thưởng. Ngày 23 tháng 11 năm Mậu Thân (1788), Lê Duy Kỳ dâng biểu tạ ơn, sau đây:

### Nguyên văn

新授安南國王臣黎維祁奏為恭謝天恩事。臣遭家不造，隳墜宗緒，隻身奔竄，眷屬內投，仰蒙大皇帝推含育之廣仁，恢父母之全量，既因地殊中外，命所司加意撫綏，更憐信隔存亡，令陪臣出關探訪，無須探訴申命，早及於元戎，不惜虛糜徵發，更連夫數省。

憶昔秦師出境，必待鄰使祈哀，雅慕衛國忘亡那北天王再造，聲靈日耀，狂寇煙消，已於十一月二十日剪除梟<sup>94</sup>獍，克復國城。又以臣勢處孤危，力難自振，經兩廣督臣傳旨毋庸專遣陪臣，將此忱悃即已恩准寵職，曲荷栽培，寵命所加，外藩未見恩膏之逮，史冊罕聞。

臣當竭力以備邊隅，敢勞聖懷久注，並嘗膽以延微祚，寧容屠火偷安，從此糜骨粉身，難酬繼絕扶危之至德，夙興夜寐，永矢啣環結草之寸衷。

臣以童稚之年，當蹇屯之厄，得以重覩家廟，不隕宗祚，圖報無階，依天願切，伏乞大皇帝准臣趨赴京闕，瞻仰聖顏，冀得展此感誠，跪承恩訓，臣不勝激切屏營之至，謹奏。

乾隆五十三年十一月二十三日。<sup>95</sup>

## Dịch âm

Tân thụ An Nam quốc vương thần Lê Duy Kỳ tấu vi cung tạ thiên ân sự. Thần tao gia bất tạo, huy truy tông tự, chích thân bôn thoán, quyển thuộc nội đầu, ngưỡng mônng đại hoàng đế thôi hàm chi quảng nhân, khôi phụ mẫu chi toàn lượng, ký nhân địa thù trung ngoại, mệnh sở tư gia ý phủ thoả, canh lân tín cách tồn vong, lệnh bồi thần xuất quan thám phỏng, vô tu thám tố thân mệnh, tảo cập ư nguyên nhung, bất tích hư mi trưng phát, cánh liên phu sở tỉnh.

Ức tích Tần sư xuất cảnh, tất đãi lân sứ kỳ ai, nhã mộ vệ quốc vong vong na bắc thiên vương tái tạo, thanh linh nhật diệu, cuồng khấu yên tiêu, dĩ ư thập nhất nguyệt nhị thập nhật tiễn trừ kiêu kính, khắc phục quốc thành. Hựu dĩ thần thế xứ cô nguy, lực nan tự chấn, kinh Lưỡng Quản đốc thần truyền chỉ vô dung chuyên khiến bồi thần, tương thử thâm khốn tức dĩ ân hoài tập chức, khúc hà tài bồi, sủng mệnh sở gia, ngoại phiên vị kiến ân cao chi đãi, sử cánh hãn văn.

Thần đương kiệt lực dĩ bị biên ngưng, cảm lao thánh hoài cửu chú, tịnh thường đảm dĩ diên vi tội, ninh dung thác hoả thâu an, tông thử mi cốt phần thân, nan thù kế tuyệt phù nguy chi chí đức, tức hưng dạ mị, vĩnh thử hàm hoàn kết thảo chi thốn trung.

Thần dĩ đồng trĩ chi niên, đương kiến truân chi ách, đắc dĩ trùng đồ gia miếu, bất vẫn tông banh, đồ báo vô giai, phục thiên nguyện thiết, phục khát đại hoàng đế hoài thần xu phó kinh khuyết, chiêm ngưỡng thánh nhan, ký đắc triển thử cảm thành, quý thừa ân huấn, thần bất thắng khích thiết bính doanh chi chí, cần tấu.

Cần Long ngũ thập tam niên thập nhất nguyệt nhị thập tam nhật.

## Dịch nghĩa

*Thần là Lê Duy Kỳ mới được phong làm An Nam quốc vương tâu lên cảm tạ thiên ân. Thần nhà gặp tai nạn, mất cả ngôi báu, một thân chạy trốn, quyển thuộc phải chạy sang nội địa, mong được đại hoàng đế lòng nhân rộng rãi, lượng như cha mẹ, phủ khắp trong ngoài, vớ về, thương xót cho việc tồn vong, sai bồi thần xuất quan thăm hỏi, không đợi nghe lời trần tình đã tính chuyện nguyên nhung, không chỉ binh quan mà thôi, còn cả phu phen mấy tỉnh.*

*Nhớ năm xưa binh Tần xuất cảnh, đem lòng thương xót đến sứ thần nước láng giềng,<sup>96</sup> đất nước đã mất nay nhờ thiên vương đất bắc tái tạo, ánh mặt trời soi xuống khiến kẻ cuồng khấu kia phải tiêu tan ra mây khói, đến ngày hai mươi tháng mười một đã dẹp sạch bọn sói lang, lấy lại quốc thành. Thần vốn thế cô,*

*đang khi nguy khốn, sức khó có thể tự đứng lên, được bệ hạ truyền chỉ Lương Quảng đốc thần giúp cho nên mới được như thế, lại vun đắp thêm, đoái thương kẻ dưới nên ban chức, kẻ ngoại phiên chưa ai từng được như vậy, quả là sử sách hiếm khi nghe thấy.*

*Thần nguyện hết sức làm phen giậu ở biên cương để báo đáp sự đoái hoài của thánh chúa, nếm mật để phúc được lâu dài, không dám thờ ơ ngồi trên đồng lửa để cầu an, từ nay nghiền xương nát thịt, cũng không trả được cái ơn kể tuyệt phù nguy, khi thức lúc ngủ, mãi mãi kết cỏ ngậm vành trong dạ.*

*Thần còn trẻ tuổi, gặp ách nguy nan, nay lại thấy được lãng miếu, được tế tổ tiên, ơn ấy ngày ngày mong được báo đáp, xin đại hoàng đế cho thần được tới nơi kinh khuyết để chiêm ngưỡng thánh nhan để tỏ chút lòng thành, quì nghe lời dạy, thần thật không khỏi bồi hồi mong mỏi.*

*Kính cẩn tâu lên.*

*Càn Long năm thứ năm mươi ba, ngày hai mươi ba tháng mười một.*

Trong biểu tạ ơn này Lê Duy Kỳ xin được sang Tàu đến Bắc Kinh triều kiến vua Cao Tông nhà Thanh, lời văn hết sức khiêm tốn, hạ mình. Ngày mồng 2 tháng 12, Lê Duy Kỳ cũng viết một tấu thư khác, lần đầu tiên dùng ấn An Nam quốc vương để giao thiệp với Trung Hoa, như sau:

Nguyên văn

新受安南國王臣黎維祁誠惶誠恐稽首頓首，謹上言，臣先祖世襲藩封，夙共職貢。迺者國運遭厄，狂蠻竊據，臣隻身奔竄，眷屬內投。仰荷大皇帝仁同覆載，量廣育涵，立派數省兵馬，剪除凶醜，翼還羈旅，克復國城。

又以臣奔播之餘，力難自振，淮免耑員求封，恩命襲加王爵，並新頒敕印。俾得憑籍恩寵，綏緝國人，申固郊圻，重延藩翰，栽培至德，曠古未聞。而今而後，臣世世子孫，永為聖朝臣僕，保有境土，謹奉表稱謝者。

伏以中天日麗，丕恢一統之宏模，遐壤春回，祇荷再榮之薄植，帡幪獨厚，啣結彌慙。

欽惟皇帝陛下舜德重華，周文四詒，量彌乾覆，車車文軌，大同道協，坤維中外，邇遐一視，柔懷普萬方，光被怙冒，為下國綴旒。念臣累世恭順之誠，憫臣遭時蹇厄之步，不待奏庭之訴救蓄，早命元戎，俾仍齊履之封作屏，得循舊服，仰繼絕興衰之至德，實罕聞曠見之隆恩。

臣方遭傾危，何幸朱鈴在手未圖報稱重邀紫誥榮身，心特切於瞻依，口莫名夫感戴。

向南山而刻石，馳北闕以傾葵，願習中土之音，敢煩梯航重譯，永保苗裔之緒，獲叨帶礪長延，無任瞻天仰聖激切屏營之至。

謹奉表稱謝以聞。

乾隆五十三年十二月初二日。<sup>97</sup>

## Dịch âm

Tân thụ An Nam quốc vương thần Lê Duy Kỳ thành hoàng thành khủng kê thủ đốn thủ, cần thượng ngôn.

Thần tiên tổ thế tập phiên phong, tức cộng chức cống. Nải giả quốc vận tao ách, cường man thiết cứ, thần chích thân bôn thoán, quyển thuộc nội đầu, ngưỡng hà đại hoàng đế nhân đồng phúc tải, lượng quảng dục hàm, lập phái sở tỉnh binh mã, tiền trừ hung xú, dực hoàn ky lữ, khắc phục quốc thành.

Hựu dĩ thần bôn bá chi dư, lực nan tự chấn, hoài miễn chuyên viên cầu phong, ân mệnh tập gia vương tước, tịnh tân ban sắc ấn. Tỉ đắc bằng tịch ân sủng, tuy tập quốc nhân, thân cố giao kỳ, trùng diên phiên hàn, tài bồi chí đức, khoáng cổ vị văn, nhi kim nhi hậu, thần thế thế tử tôn, vĩnh vi thánh triều thần bộc, bảo hữu cảnh thổ, cần phụng biểu xứng tạ giả.

Phục dĩ trung thiên nhật lệ, phi khôi nhất thống chi hoành mô, hà nhượng xuân hồi, chi hà tái vinh chi bạc thực, bình mông độc hậu, hàm kết di ân.

Khâm duy hoàng đế bệ hạ Thuấn đức trùng hoa, Chu văn tứ hạp, lượng di càn phúc, xa xa văn quĩ, đại đồng đạo hiệp, khôn duy trung ngoại, nhĩ hạ nhất thị, nhu hoài phổ vạn phương, quang bị hõ mạo, vi hạ quốc chuế lưu. Niệm thần luy thế cung thuận chi thành, mẫn thần tao thời kiển ách chi bộ, bất đãi tấu đình chi tổ cứu tai, tảo mệnh nguyên hung, tử nhưng tề lý chi phong tác bính, đắc tuần cự phục, ngưỡng kế tuyệt hưng suy chi chí đức, thực hãn văn khoáng kiến chi long ân.

Thần phương tao khuynh nguy, hà hạnh chu linh tại thủ vị đồ báo xứng trọng yêu tử cáo vinh thân, tâm đặc thiết ư chiêm y, khẩu mạc danh phu cảm đáí.

Hưởng nam sơn nhi khắc thạch, trì bắc khuyết dĩ khuynh quì, nguyện tập trung thổ chi âm, cảm phiến thê hàng trùng dịch, vĩnh bảo miêu duệ chi tự, hoạch thao

đái khoáng trường diên, vô nhiệm chiêm thiên ngưỡng thánh kích thiết bính doanh chi chí.

Cẩn phụng biểu xưng tạ dĩ văn.

Cần Long ngũ thập tam niên thập nhị nguyệt sơ nhị nhật.

#### Dịch nghĩa

*Thần là Lê Duy Kỳ mới nhận chức An Nam quốc vương hoảng hốt rập đầu mà tâu rằng:*

*Tổ tiên nhà thần đời đời kế nhau được phong làm phiên, luôn luôn triều cống. Thế nhưng vì vận nước gặp phải tai ương, kẻ cường man xâm chiếm, thân một thân bốn đảo, quyến thuộc chạy sang nội địa, may được phúc nhân của đại hoàng đế, lượng rộng mà bao biện cho, lập tức phái binh mã mấy tỉnh, tiêu trừ kẻ hung đồ xấu xa, mau chóng lấy lại quốc thành.*

*Thần lâu nay bốn ba rong ruổi, sức khó có thể tự đứng lên, chẳng dám cầu phong, nay được ban cho tước vương, lại thêm ấn sắc mới. Cái ân sủng đặc biệt vô về người trong nước đến kẻ xa xôi, cho chí kẻ phiên bang, cái đức tài bồi ấy xưa nay hiếm có. Từ nay trở đi, đời đời con cháu thần, mãi mãi là kẻ tôi đòi của thánh triều, bảo vệ bờ cõi, kính cần dâng biểu tạ ơn.*

*Được mặt trời sáng chói chiếu rọi, ân đức cao cả biết nhường nào, mùa xuân nay lại quay trở lại, cỏ cây nay lại tốt tươi, che chở xa dày, nguyện xin kết cỏ ngậm vành.*

*Kính duy hoàng đế bệ hạ đức như vua Thuấn ngày xưa, đem cái văn hoá nhà Chu trải ra bốn phía, pháp độ rõ ràng, người người hoà thuận, bao phủ cả đến bên ngoài<sup>98</sup>, xa gần thấy đều cảm phục, ánh sáng toả như cha mẹ khiến cho hạ quốc đều hướng về. Nghĩ đến thần nhiều đời lòng thành cung thuận, thương xót cho kẻ gặp lúc nguy nan, không đời đến thần phải kêu cứu, sớm sai nguyên nhung, chỉnh đốn lại cho làm phen giậu, cho mặc lại áo cũ, cái đức kế tuyệt hưng suy quả là hết sức, ơn cao dày xưa nay hiếm thấy ít nghe.*

*Thần gặp lúc nguy nan, may sao nay lại được phú quý, không biết làm thế nào để báo đáp, trong lòng mong mỏi được triều yết, mở miệng nói lời đội ơn.*

*Quay về đá ở Nam sơn mà ghi khắc, ngẩng lên Bắc khuyết để nhớ ơn, nguyện sẽ học tiếng Trung Thổ, không phải phiên người dịch lại, mãi mãi giữ mối cháu con để được hưởng phúc lâu dài, mãi mãi được trời cao soi rọi.*

*Kính cẩn dân lên biểu tạ ơn này.*

*Càn Long năm thứ năm mươi ba, ngày mồng hai tháng chạp.*

Ngoài biểu tạ ơn trên, Lê Duy Kỳ cũng nhờ Tôn Sĩ Nghị và Tôn Vĩnh Thanh đệ trình lên vua Cao Tông xin năm tới (tức năm Kỷ Dậu, Càn Long 54, 1789) sẽ sai hoàng đệ Lê Duy Chỉ đưa một phái đoàn sang tiến cống theo lệ hai năm một lần để thay mặt quốc vương khấu đầu tạ ơn. Bản thân Lê Duy Kỳ xin được đích thân qua chúc thọ vua Cao Tông vào năm Canh Tuất (1790) là năm bát tuần đại khánh để tỏ lòng thành.<sup>99</sup>

## KẾT LUẬN

Xem tình hình đó, Tôn Sĩ Nghị cũng như Lê Duy Kỳ đều tin chắc rằng Nguyễn Huệ đã hoàn toàn nhượng bộ và đất Bắc Hà nay trở lại thuộc quyền nhà Lê. Chính trong tâm lý nhận thấy sự tình trở nên quá dễ dãi chúng ta có thể đưa ra một vài nhận xét:

- Thứ nhất, Tôn Sĩ Nghị và cả vua Cao Tông nhà Thanh cũng muốn chiến công bình An Nam phải vang dội hơn. Những cuộc đụng độ tương đối nhỏ trên đường từ Nam Quan đến Thăng Long vì thế đã được phóng đại một cách quá đáng. Tôn Sĩ Nghị đã thêm thắt cho một số cuộc phục kích của quân Tây Sơn, không nêu được những chi tiết cụ thể mà chỉ nói vu vơ “*quân Nam mai phục nhiều chỗ, nhiều thì 3, 4000, ít thì 1, 2000*” để cho thêm oanh liệt. Những cuộc giao tranh mà sử Thanh ghi nhận ngay cả tông vong của vua Lê cũng không ghi lại đủ biết không phải là những trận lớn. Ngược lại trận chính yếu mùa xuân năm Kỷ Dậu ở Thăng Long thì lại tương đối giản lược hơn. Mãi đến hôm nay khi một số tài liệu được giải mật, chúng ta mới có thể hình dung được chiến dịch này một cách chi tiết và chính xác.
- Để làm tăng gia qui mô của võ công này, Tôn Sĩ Nghị cũng thị uy bằng cách chém đầu tất cả các tù binh với một mục tiêu duy nhất là nâng cao số thương vong của địch để thêm khốc liệt. Những người bị bắt rất có thể chỉ là một số dân phu, quan quân địa phương, thổ binh ... vô tội bị bắt oan. Đó cũng là lý do tại sao trong những biểu tấu của vua Quang Trung sau này đã kết án Tôn Sĩ Nghị đa sát, toan giết sạch những ai đã từng theo quân Tây Sơn. Ngay cả Lê Duy Kỳ cũng hòa theo với quân Thanh tru sát những người chống lại mình, trong đó không ít hoàng thân quốc thích.
- Tâm lý khinh địch đó đã đóng góp nhiều vào chiến thắng của Nguyễn Huệ vì chiến thuật của ông một mặt làm cho địch thêm chủ quan, mặt khác khai thác sở trường đánh nhanh, đánh mạnh, bất ngờ khiến địch không thể nào chuẩn bị kịp.

Tuy nhiên nhiều yếu tố chủ quan đã đẩy Tôn Sĩ Nghị phải đi theo một đường lối riêng, trong hoàn cảnh của quân Thanh cũng chính là mức tối ưu họ có thể làm được:

- Tôn Sĩ Nghị bản tâm chỉ muốn hư trương thanh thế để “*dọa*” quân Nam ngõ hầu ép nhà Tây Sơn phải nhượng bộ, chia xẻ đất đai với nhà Thanh. Theo tính toán chủ quan của viên tổng đốc Lương Quảng thu thập được từ đám di thần nhà Lê, tới mật chỉ của vua Càn Long đã sắp đặt, thì kế sách của họ là kéo đại binh xuống chiếm Thăng Long rồi sẽ thương thảo gây áp lực để Nguyễn Huệ phải nhượng cho họ quyền kiểm soát Bắc Hà thành một khu vực bảo hộ như họ đã và đang làm với những thuộc quốc ở phía tây và phía bắc Trung Hoa thời đó. Lê

Chiêu Thống sẽ chỉ là một vì vua bù nhìn và rất có thể nhà Thanh sẽ tái lập một Phủ Chúa, một thứ Giám Quốc đóng vai trò đặc mệnh toàn quyền của Thanh triều bên cạnh vua Lê.

- Thanh triều sử dụng Bắc Hà như một trái độn, chia vùng Đông Nam Á thành nhiều tiểu quốc thần phục, mỗi nước tùy theo mức độ lệ thuộc khác nhau. Anh em Tây Sơn có một phần nhưng sẽ không đủ mạnh để trở thành một đe dọa cho Trung Hoa và Đại Việt ít nhất cũng vẫn chia thành hai nước như thời Trịnh Nguyễn. Một quốc gia thống nhất hùng mạnh ở phương Nam lúc nào cũng là một ám ảnh đối với Trung Hoa và trong suốt lịch sử lúc nào họ cũng tìm đủ mọi cách để làm nước Nam suy yếu, từ việc gây áp lực chính trị đến phá hoại kinh tế, gây mầm mống nội loạn, tạo nghi kỵ chia rẽ, kể cả xâm thực về văn hóa.
- Với quá trình nội loạn kéo dài đã hai trăm năm ở phương Nam, những tính toán đó rất hợp lý, vừa phù hợp với hiện trạng quốc khố trống rỗng của Thanh triều, vừa là một kế hoạch “*khả thi*” (feasible). Chính vì tiên tri rằng cuộc chiến sẽ đưa tới việc bảo hộ Việt Nam nên họ cũng đã đúc loại tiền Càn Long đặc biệt dùng trong việc Nam chinh (và có thể sẽ dùng luôn sau này khi đã chiếm được miền Bắc) một mặt có hai chữ An Nam (安南) để trả lương cho binh sĩ và để kiểm soát tài chính xứ Bắc Hà. Nhà Thanh cũng biết rằng sau những năm chinh chiến, thiên tai mất mùa, với ba lần quân Tây Sơn kéo ra trong những năm 1786, 1787, 1788 bao nhiêu tiền bạc đều bị vơ vét sạch, miền Bắc quả chỉ còn cái vỏ không. Thành thử, họ cố tình hư trương thanh thế (tuy quân số chỉ vài vạn mà lại thổi phồng lên đến 100,000 người), chiếm được Thăng Long rồi làm ra vẻ trùng trùng nhưng thực sự quân Thanh không có khả năng tấn công hay mở những mặt trận lớn ngay lúc đó.<sup>100</sup>

Việc điều binh của Trung Hoa chúng ta có thể dựa vào sổ sách chi tiêu và các chứng từ của họ. Tuy nhiên sau khi đã đến nước Nam, sử ta tuy chép kỹ lưỡng hơn về biến chuyển nhưng vẫn còn nhiều điểm không rõ rệt, phần vì tài liệu về nhà Tây Sơn bị mất mát quá nhiều, phần khác những nhà nho chỉ ghi theo tin đồn hoặc nghe kể lại nên có nhiều đoạn không hợp lý. Riêng các giáo sĩ tuy có khuynh hướng ghi chép khoa học hơn, dựa theo những điều họ trông thấy hoặc do mạng lưới thông tin của những nhà truyền giáo nhưng cũng có nhiều thiên kiến và chúng ta vẫn phải chọn lựa tài liệu để sử dụng.

Việc Tôn Sĩ Nghị muốn lập lại chiến thuật cũ để xâm chiếm nước ta cũng là chuyện dễ hiểu. Đường lối của họ theo một số mẫu mực nhất định, bao gồm khai thác mâu thuẫn của đối phương để họ tự tàn sát lẫn nhau, sau đó sẽ chiếm một phần rồi củng cố trước khi đi tiếp những bước khác. Ở đây chúng ta cũng thấy dự tính của ông ta và của đám vua tôi nhà Lê có những khác biệt:

a/ Vua Lê vẫn định ninh là quân Thanh sang đánh nước ta chỉ vì nghĩa lớn, tái lập vương triều cho mình nên Lê Duy Kỳ chỉ hạn chế tham vọng ở việc nhờ Tôn Sĩ Nghị giúp mình khôi phục đất đai đã mất mà việc trước mắt là nhân đà thắng thế tiến quân xuống đuổi đánh bọn Ngô Văn Sở trở về Phú Xuân. Chính vì thế, phản ứng của họ có vẻ bồn chồn. KDVSTGCM-CB quyển XLVII chép:

*Bấy giờ Ngô Tướng Đào, hiển sát phó sứ Kinh Bắc, vì có công giúp rập nhà vua, cũng được bổ dụng, nhưng Tướng Đào lấy cơ mình già, từ chối, không nhận chức, có dâng sớ nói: “Vận trời đang gian truân, không ngờ bây giờ lại được trông thấy ánh sáng của mặt trời và mặt trời đó thực là phúc vô cùng của xã tắc. Nhưng việc binh cốt phải lanh lẹ chớp nhoáng, nếu cơ hội có thể nắm lấy để làm thì cần gì cứ phải một mực dựa vào ngoại binh, động một tí thì chậm trễ đến hàng tuần. Hiện nay quân cần vương các lộ, ai chẳng muốn sẵn sàng liều chết để chiến đấu? Bây giờ quân giặc đã rút lui thì ta nên đem đại quân đuổi theo ngay khiến cho quân giặc điên cuồng không rảnh để tính toán mưu đồ gì cả. Thế là làm như sấm vang không kịp bịt tai. Hai xứ Thanh – Nghệ nghe biết tin ấy, chắc cũng sẽ hưởng ứng cả. Văn Huệ xa cách ở phía nam Hoàn Sơn, bọn Văn Sở lâm vào thế cô, không có cứu viện, tình thế bị ngăn cách, đất không thông đồng. Như vậy không quá mười ngày chúng sẽ có thể bị bắt đấy. Một khi vây cánh của Văn Huệ bị cắt rồi thì ta có thể lần lượt quét sạch sào huyệt của hắn nữa. Cái cơ đấy nghiệp trung hưng chính là ở đó, ta không nên bỏ lỡ”.*

*Nhà vua cùng bọn Đình Giản trao đổi bàn luận, ai nấy đều cho là phải. Nhà vua sai Lê Quýnh đến nói với Sĩ Nghị, nhưng Sĩ Nghị cho là không nên.<sup>101</sup>*

b/ Trong khi đó Thanh triều lại chủ trương một kế sách lâu dài hơn. Để chuẩn bị đem quân vào Thuận Hoá, Tôn Sĩ Nghị phải thiết lập những đài trạm để chuyển vận lương thảo và thông tin. Từ Thăng Long vào đến Phú Xuân, nhà Thanh phải sửa soạn các công tác thuỷ và bộ. Đi đường thuỷ thì mất khoảng 1/2 tháng nếu dùng các loại thuyền lớn có thể di chuyển trên biển cả. Tuy nhiên ngay tại Thăng Long thì không có loại thuyền bè cỡ này nên Tôn Sĩ Nghị phải cho tuyển mộ thợ thuyền để lập tức đóng 40 chiếc, mỗi chiếc chở được 50 người.

Còn đường bộ thì cách xa hơn 2000 dặm, nhưng đường sá cực kỳ hiểm trở khó đi, vấn đề chuyên chở lương thực không phải dễ, muốn hành quân phải thiết lập khoảng 53 đài trạm và tuyển mộ chừng 15, 16 vạn dân phu. Thế nhưng từ Trấn Nam Quan đến Thăng Long đã có 18 trạm lương, ai giữ việc này, mọi việc tính toán ổn thoả cả rồi, nếu thêm đường đi tới Quảng Nam tổng cộng là 70 đài trạm, đường đất thật nhiều khe. Dầu cho có thể kiếm được lương thực ở miền bắc, chỉ riêng việc làm sao chở lương tới các trạm cũng đã là một vấn đề.

Trong mấy năm qua, chinh chiến liên miên, người dân miền bắc ăn còn chưa đủ lấy đâu ra thóc lúa để nạp cho quân Tàu nên vợ vót mải mà vua Lê cũng chỉ thu được hơn 5000 thạch gạo.<sup>102</sup> Về sau lương thảo quân Thanh đều chủ yếu mang từ bên Tàu qua.

Sau khi tính toán, Tôn Sĩ Nghị dự tính sẽ điều động thành phần đang đóng giữ và vận chuyển ở 18 trạm từ Trấn Nam Quan đến Thăng Long tăng bổ thêm 30 quan viên từ Quảng Tây sang, tổng cộng là 50 người để lo liệu việc quân nhu từ Thăng Long đến Thuận Hoá. Mười tám trạm cũ sẽ điều thêm 20 người từ Quảng Đông sang thay thế.

Về việc dân phu, đất Quảng Tây thừa thớt, dân chúng rất ngại việc đi sang nước khác nên việc chiêu mộ thật khó khăn nên họ Tôn dự định sẽ mượn người nước ta làm dân phu ở khu vực từ Trấn Nam Quan xuống Thăng Long, chỉ từ Thăng Long đến Thuận Hoá mới dùng dân phu từ Tàu sang. Thế nhưng Lê Duy Kỳ cố công lòng bắt cũng chẳng được bao nhiêu nên sau cùng Tôn Sĩ Nghị lại chỉ định cho tỉnh Quảng Đông lo liệu. Việc này không thi hành được vì chẳng bao lâu quân Thanh đã phải rút lui.<sup>103</sup>

Trong khi đó, quân Tây Sơn lúc đầu hết sức mềm mỏng để cầu hoà. Khi biết chắc quân Thanh sẽ sang xâm chiếm, Ngô Văn Sở lập tức tiến hành kế hoạch lui binh, thiết lập các đồn lũy ngăn chặn địch dọc từ Lạng Sơn đến Thăng Long, một mặt thu góp lương thực, chiến cụ, binh sĩ về Tam Điệp. Chuẩn bị đó được thực hiện từ nhiều tháng trước, nếu không nói là Nguyễn Huệ đã có những kế hoạch phụ (contingency plans) sẵn sàng đối phó với mọi tình thế nên tuyệt nhiên không có sự hỗn loạn trong khi triệt binh như nhiều cánh quân khác.

Nếu quân ta không bị đánh úp từ mặt sau, chúng ta tin rằng Phan Văn Lân có thể thực hiện được nhiệm vụ một cách chu đáo hơn, không những cầm chân địch trên đường tiến xuống kinh đô mà còn tạo được những chiến thắng oanh liệt khác tương tự như các chiến công của Miến Điện hai thập niên trước. Tuy nhiên Ngô Văn Sở đã chuyển nguy thành an, tương kế tựu kế biến việc thất bại trong nhiệm vụ đánh địch ngay biên giới Hoa – Việt thành một mặt trận trải rộng ở vùng châu thổ sông Hồng, tạo điều kiện cho Nguyễn Huệ thanh toán quân Thanh trong một chiến dịch thần tốc. Có lẽ vì thế mà tên tuổi ông vang dội đến tận tai vua Càn Long khiến Thanh triều phải nể vì.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

-0-

1. Bạch Thọ Di. (Bai Shouyi - 白壽彝) (chủ biên) *Trung Quốc Thông Sử* 中國通史(22 cuốn). Thượng Hải: Thượng Hải Nhân Dân Xuất Bản Xã, 2000.
2. ----- *Trung Quốc Thông Sử Cương Yếu* (An Outline History of China) Bắc Kinh: Trung Quốc Quốc Tế Thư Điểm, 1982.
3. Bách Dương (柏楊). *Trung Quốc nhân sử cương* (中國人史綱) (thượng và hạ) Đài Bắc: Tinh Quang xuất bản xã, 1996.
4. Black, Jeremy. *War, Past, Present & Future*. New York: St Martin's Press, 2000.
5. Cao Dương. *Thanh Triều Địch Hoàng Đế, Q. II*. Đài Bắc: Viễn Ảnh xb sự nghiệp công ty, 1989.
6. Chu Viễn Liêm (周遠廉). *Càn Long Hoàng Đế Đại Truyện* (乾隆皇帝大傳) Hà Nam: Hà Nam nhân dân xb xã, 1996.
7. Cristophoro Borri. *Tường Trình Về Khu Truyền Giáo Đàng Trong 1631* (Hồng Nhuệ dịch) Thăng Long xb, không rõ năm.
8. David A. Graff và Robin Higham. *A Military History of China*. Westview Press, 2002.
9. Dyer, Gwynne. *War*. New York: Crown Publishers, Inc., 1985.
10. Fairbank, John K., (ed.) *The Chinese World Order*. Mass: Harvard University Press, 1968.
11. Fairbank, John K., Reischauer and Craig. *East Asia – Tradition and Transformation*. Harvard University, Houghton Mifflin Co., 1973.
12. Fitzgerald, C.P. *The Southern Expansion of the Chinese People*. New York: Praeger Publishers, 1972.
13. Hanes, W. Travis III and Frank Sanello. *The Opium Wars*. Illinois: SourceBooks, Inc. 2002.

14. Heath, Ian. *Armies of the Nineteenth Century: Asia V. 2: China*. Great Britain: Foundry Books, 1998.
15. Hoa Bằng. *Quang Trung Nguyễn Huệ, Anh Hùng Dân Tộc 1788-1792*. Saigon: Thư Lãm Ấn Thư Quán, 1958 (Đại Nam, Cali. in lại theo lối chụp bản)
16. Hồ Bạch Thảo (dịch). *Cao Tông Thực Lục*, quyển thượng. New Jersey: Thư Ấn Quán, 2004.
17. Hocquard, É. *War and Peace in Hanoi and Tonkin*. (trans. by Walter E. J. Tips) Bangkok: White Lotus Press, 1999.
18. Hữu Ngọc – Nguyễn Đức Hiền (sưu tập). *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, tập II: Trước Tác (phần II: Lịch Sử). Hà Nội: nxb Giáo Dục, 1998.
19. Hummel, Arthur W. (chủ biên) *Eminent Chinese of the Ch'ing Period (1644-1912)* (清代名人傳略) Taipei: Ch'eng Wen Publishing Company, 1970. (in lại theo bản của chính phủ Mỹ, Washington, 1943)
20. John Crawfurd. *Journal of an Embassy from the Governor-General of India to the Courts of Siam and Cochinchina exhibiting a view of the Actual State of Those Kingdoms*. London: Henry Colburn, New Burlington Street, 1828. (bản in lại do Asian Educational Services, New Delhi, 2000).
21. Lach, Donald F. *Asia in the Making of Europe* (4 vol) Chicago: The University of Chicago Press, 1993.
22. Lại Phúc Thuận (賴福順). *Cần Long Trọng Yếu Chiến Tranh Chi Quân Nhu Nghiên Cứu* (乾隆重要戰爭之軍需研究) Đà Bắc: Quốc Lập Cố Cung Bác Vật Viện, 1984.
23. Lamb, Alastair. *Asian Frontiers – Studies in a Continuing Problem*. New York-Washington-London: Frederick A. Praeger, Publishers, 1968.
24. ----- *The Mandarin Road to Old Hue*. London: Chatto & Windus, 1970.
25. Lã Nguyên Thông – Cát Vinh Tấn (呂元驄 - 葛榮晉). *Thanh Đại Xã Hội dĩ Thực Học* (清代社會與實學) Hongkong: Hongkong University Press, 2000.
26. Latourette, Kenneth S. *The Chinese, Their History and Culture* New York: The Macmillan Co., 1968.

27. Lê Kiệt(黎傑). *Thanh Sử* (清史) Trung Quốc Cận Đại Sử. Hongkong: Hải Kiều xuất bản xã, 1964.
28. Lê Đông Phương (黎東方). *Tế Thuyết Thanh Triều* (細說清朝) (thượng và hạ). Đà Bắc: Truyện Ký Văn Học Xã, 1987.
29. *Les Grands Dossiers de L'illustration L'indochine*. Paris: Le Livre de Paris, 1995.
30. Lưu Gia Câu (劉家駒). *Thanh Sử Bính Đồ* (清史拼圖). Đà Bắc: Viễn Ảnh, 2003.
31. Một Nhóm Học Giả, *Một Vài Sử Liệu về Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ*. Calif: Đại Nam, 1992.
32. Murray, Dian H. *Prirates Of The South China Coast 1790-1810*. California: Stanford University Press, 1987.
33. Đàm Kỳ Tương 譚其驤 (chủ biên). *Trung Quốc Lịch Sử Địa Đồ Tập* (中國曆史地圖集) (8 cuốn) Bắc Kinh: Trung Quốc Địa Đồ xb xã, 1996.
34. Ngô Gia Văn Phái. *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* (bản dịch Nguyễn Đức Vân – Kiều Thu Hoạch) Hà Nội: nxb Văn Học, 2002.
35. Ngô Thời Chí. *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* (Ngô Tất Tố dịch) (tái bản). Saigon: Phong Trào Văn Hóa, 1969.
36. Nguyễn Anh Huy. “Những đồng tiền Quang Trung kỳ lạ với các huyền thoại ở Phú Xuân”. *Phú Xuân Thuận Hóa thời Tây Sơn (nhiều tác giả)*. Huế: nxb Thuận Hoá, 2001.
37. ----- “Khảo về tiền Tây Sơn”, *Nghiên Cứu Huế*, tập năm 2003. Thừa Thiên: Trung Tâm Nghiên Cứu Huế, 2003.
38. Nguyễn Khắc Ngữ. *Bộ Sưu Tập Bản Đồ Cổ Việt Nam*. Montréal: Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa Việt Nam, 1987.
39. Nguyễn Lương Bích – Phạm Ngọc Phụng. *Tìm Hiểu Thiên Tài Quân Sự của Nguyễn Huệ*. Hà Nội: nxb Quân Đội Nhân Dân, 1971.
40. Nguyễn Q. Thắng – Nguyễn Văn Tài. *Lê Triều Hình Luật (Luật Hình Triều Lê)*. Hà Nội: nxb Văn Hoá Thông Tin, 1998.

41. Nguyễn Quốc Vinh. “Góp Thêm Tư Liệu Mới Về Quan Hệ Chiến Sự Và Ngoại Giao Việt – Thanh Thời Tây Sơn: Bộ Tranh “Bình Định An Nam Chiến Đồ” Có Thơ Đề Vịnh Bằng Ngự Bút Của Vua Càn Long”. Phan Huy Lê chủ biên: *Các Nhà Việt Nam Học nước ngoài Viết Về Việt Nam*. Hà Nội: nxb Thế Giới, 2002.
42. Đường Văn Cơ – La Khánh Sái (唐文基-羅慶洒). *Càn Long Truyện*. Bắc Kinh: Nhân Dân xb xã, 1994.
43. Paludan, Ann. *Chronicle of the Chinese Emperors*. New York: Thames & Hudson, 1998.
44. Parker, Geoffrey. *The Military Revolution – Military innovation and the rise of the West 1500-1800*. Cambridge: Cambridge University Press, 1996.
45. Peers, Chris, Christa Hook. *Late Imperial Chinese Armies 1520-1840*. London: Reed International Book Ltd., 1997.
46. Peterson, Willard J. (ed.) *The Ch'ing Dynasty to 1800*, The Cambridge History of China, Vol. 9 (Part I). Cambridge University Press, 2002.
47. Phạm Ngọc Phụng. *Tổ Tiên Ta Đánh Giặc*. Hà Nội: nxb Quân Giải Phóng, 1975.
48. Phương Thiết 方鐵(chủ biên). *Tây Nam Thông Sử 西南通史 (Series of a Complete History of China Borders – A Complete History of China Southwest Borderland)*. Hà Nam: Trung Châu Cổ Tịch Xuất Bản Xã, 2003.
49. Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục* (2 vol.) (bản dịch Viện Sử Học, Hà Nội) Hà Nội: nxb Giáo Dục, 1998.
50. ----- *Đại Nam Nhất Thống Chí* (Phạm Trọng Diễm dịch). Huế: nxb Thuận Hóa, 1997.
51. ----- *Đại Nam Thực Lục* (Tập Một) (bản dịch Viện Sử Học). Hà Nội: nxb Giáo Dục, 2001.
52. Reid, Anthony. *Southeast Asia in the Age of Commerce 1450-1680*. (2 vol.) Yale University Press, 1988.
53. Sái Lỗi 蔡磊 (chủ biên). *Trung Quốc Thông Sử* (中國史通) (10 quyển) Bắc Kinh: Thời Đại Văn Nghệ xb xã, 2002.

54. Smith, Bradley và Wan-go Weng. *China: A History in Art*. Doubleday & Company, Inc., không đề năm.
55. Steinberg, David J. (ed.). *In Search of Southeast Asia*. Honolulu: University of Hawaii Press, 1987.
56. Tạ Chí Đại Trường. *Lịch Sử Nội Chiến Ở Việt Nam*. Los Angeles, Calif: An Tiêm, 1991.
57. Tạ Mẫn Hoa, Uông Hiến Huy 謝敏華, 汪顯輝 (chủ biên). *Trung Hoa Thành Ngữ Điển Cố Đại Toàn* 中華成語典故大全(4 vol.). Cát Lâm: Cát Lâm nhiếp ảnh xuất bản xã, 2003.
58. Tana, Li. *Nguyễn Cochinchina, Southern Vietnam in the Seventeenth and Eighteenth Centuries*. Cornell University, 1998.
59. Tang Lê Hoà (臧勵齋) (chủ biên). *Trung Quốc Nhân Danh Đại Từ Điển* (中國人名大辭典) (in lần thứ hai). Đài Bắc: Đài Loan thương vụ ấn thư quán, 1979.
60. *Thanh Cao Tông ngự chế thi văn toàn tập* (清高宗御製詩文全集)(10 quyển). Đài Bắc: Quốc Lập Cổ Cung Bác Vật Viện, 1976.
61. Thụy Khuê. *Nói Chuyện Với Hoàng Xuân Hãn & Tạ Trọng Hiệp*. Cali: Văn Nghệ, 2002.
62. Tien, Chen-Ya. *Chinese Military Theory, Ancient and Modern*. Mosaic Press, 1992.
63. Trần Chí Bình (陳致平). *Trung Hoa Thông Sử* (中華通史) (q. 11 & 12). Đài Bắc: Lê Minh Văn Hóa Sự Nghiệp Công Ty, 1979.
64. Trần Gia Phụng. *Nhà Tây Sơn*. Toronto: Non Nước, 2005.
65. Trần Trọng Kim. *Việt Nam Sử Lược*, q. II. Saigon: Trung Tâm Học Liệu, Bộ Giáo Dục, 1971. (cơ sở xuất bản Đại Nam tái bản tại hải ngoại, không đề năm)
66. Trang Cát Phát (莊吉發). *Thanh Cao Tông Thập Toàn Võ Công Nghiên Cứu* (清高宗十全武功研究). Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục, 1987. (chụp lại bản của Đài Loan Cổ Cung Tùng San, Giáp Chung số 26, tháng 6 năm 1982)
67. Triệu Nhĩ Tốn 趙爾巽 (tuyển). *Thanh Sử Cảo* (清史稿) (48 quyển) in lần thứ 5. Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục xuất bản, 1996.

68. Truong Buu Lam. “Intervention versus tribute in Sino-Vietnamese Relations, 1788-1790” trong John K. Fairbank (ed.). *The Chinese World Order*, 2<sup>nd</sup> printing. Cambridge: Harvard University Press, 1970.
69. Vương Nhung Sinh (王戎笙). *Thanh Đại Toàn Sử* (清代全史) (10 quyển) Thẩm Dương: Liêu Ninh xuất bản xã, 1995.
70. Woodside, Alexander. “The Chien-Lung Reign” trong Willard J. Peterson (ed.) *The Cambridge History of China, Vol. 9 Part 1 – The Ch’ing Dynasty to 1800*. Cambridge University Press, 2002.

---

<sup>1</sup> Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục (KDVSTGCM)* tập II (Hà Nội: nxb Giáo Dục, 1998) tr. 838-9

<sup>2</sup> Hoàng Xuân Hãn, “Việt Thanh Chiến Sử”, Hữu Ngọc – Nguyễn Đức Hiền (sưu tập), *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, tập II: Trước Tác (phần II: Lịch Sử) (Hà Nội: nxb Giáo Dục, 1998) tr. 1334.

<sup>3</sup> Một biên khảo rất công phu về những bản vẽ này đã được ông Nguyễn Quốc Vinh thực hiện trong “Góp Thêm Tư Liệu Mới Về Quan Hệ Chiến Sự Và Ngoại Giao Việt – Thanh Thời Tây Sơn: Bộ Tranh “Bình Định An Nam Chiến Đồ” Có Thơ Đề Vịnh Bằng Ngự Bút Của Vua Càn Long”. Phan Huy Lê chủ biên: *Các Nhà Việt Nam Học nước ngoài Viết Về Việt Nam* (Hà Nội: nxb Thế Giới, 2002) 191- 217. Có điều văn bản thiếu nguyên bản chữ Hán và những bức tranh in ở các trang 215-7 lại không ăn khớp giữa phụ đề và bản hoạ, chắc là lỗi ấn công. Tôi được GS/TS Trần Huy Bích (VVH, Calif.) gửi tặng một copy của bài này. Xin chân thành cảm ơn GS Trần Huy Bích.

<sup>4</sup> Tấm hình này có in lại theo khổ lớn trong *China: A History in Art* (Bradley Smith và Wan-go Weng, Doubleday & Company, Inc., không đề năm) ở hai trang 256, 257.

<sup>5</sup> Ông Liên Khê, (Bắc Kinh: Văn Vật xb xã, 2001)

<sup>6</sup> Chakri nguyên nghĩa là nguyên soái hay tướng quân vì trước đây ông ta chỉ huy quân đội của Phraya Taksin và dùng tên này làm tên triều đại.

<sup>7</sup> Đông Nam Á người Trung Hoa gọi là Nam Dương (biển phía nam) bao gồm khu vực mà ngày nay chúng ta đặt tên là Southeast Asia, Mã Lai Á, Indonésia, Philippines.

<sup>8</sup> Năm 1273, khi Kubilai nhà Nguyên đòi vua Miến triều cống và thân hành sang châu, vua Miến Điện đã xử tử sứ giả. Năm 1277, nhà Nguyên đem quân từ Vân Nam xuống đánh, thắng được tại vùng lòng chảo Nam Ti nhưng người Miến vẫn không chịu khuất phục. Năm sau, 1278, nhà Nguyên lại đem quân sang đánh lần nữa, nhưng vẫn không tiến được đến kinh đô Bhamo. Khí hậu viêm nhiệt nhất là bệnh dịch đã khiến cho quân Mông Cổ tổn thất nặng nề.

Năm năm sau, 1283, một đạo quân do tướng Mông Cổ Singtur (thay vì do người Hồi chỉ huy như trước đây) tiến đánh thung lũng Irrawaddy và ép vào kinh thành khiến vua Miến phải lui về vùng đầm lầy để chống trả. Đến năm 1287, quân Nguyên chiếm được Miến Điện (khi đó có tên là Pagan) và sáp nhập vào đế quốc Mông Cổ. Miến Điện chỉ thu hồi được lãnh thổ khi nhà Nguyên bị diệt vong. C.P. Fitzgerald, *The Southern Expansion of the Chinese People*. (New York: Praeger Publishers, 1972) tr. 81

<sup>9</sup> Alexander Woodside, “The Ch’ien-Lung Reign” trong Willard J. Peterson (ed.), *The Cambridge History of China, Vol 9, phần I: The Ch’ing Dynasty to 1800* (Cambridge: Cambridge University Press, 2002) tr. 264-68.

<sup>10</sup> Xem thêm “Tướng Quan Xiêm – Việt” (Nguyễn Duy Chính)

<sup>11</sup> Theo Thanh Sử Cảo, Tôn Sĩ Nghị (tự là Trí Trị 智治, hiệu là Bổ Sơn 補山) người Hàng Châu sinh năm 1720, đỗ tiến sĩ năm Càn Long 26 (1761) khi đó đã ngoài 40. Khi vua Càn Long du Giang Nam lần thứ ba, Tôn Sĩ Nghị dự một kỳ khảo thí đỗ đầu được vua khen triệu vào làm Nội Các Trung Thư, rồi thăng Quân Cơ Chương Kinh, làm việc với Đại Học Sĩ Phó Hằng. Năm Càn Long 33 (1768), Tôn Sĩ Nghị theo Phó Hằng chinh thảo Miến Điện (1769) lập được nhiều công trạng nên được thăng lên Hộ Bộ Lang Trung, rồi Đại Lý Tự Thiếu Khanh, tuần phủ Vân Nam. Năm 1780 Vân Quý tổng đốc Lý Thị Nghiêu bị cách chức, Tôn Sĩ Nghị cũng bị sung vào quân đi đánh Y Lê, nhưng được xá tội và trở về làm biên tu Hàn Lâm Viện. Sau vì điều tra tổng đốc Lương Quảng là Furgun tham nhũng được triều đình khen ngợi nên Tôn Sĩ Nghị được thăng Tổng đốc Lương Quảng (1786). Thời gian sau đó, ông đổi phó nhanh nhẹn

---

đàn áp được những vụ nổi dậy ở Đài Loan (1786-7) và luôn luôn chuẩn bị sẵn sàng tiếp liệu, quân dụng nên được thăng lên Văn Uyên Các Đại Học Sĩ, tam đẳng nam tước. Cuối năm 1788, ông đem quân sang đánh nước ta, vào thành Thăng Long được vua Càn Long đặc biệt thăng lên Mưu Dũng Công ngay tại mặt trận. Thế nhưng chưa đầy một tháng đã bị đại bại chạy về nên bị cách chức, triệu về Bắc Kinh làm việc trong Quân Cơ Xứ rồi cuối năm ra làm tổng đốc Tứ Xuyên. Năm 1790 lại sang làm tổng đốc Lưỡng Giang (Giang Nam – Giang Tây). Sau đó Tôn lại cùng với Phúc Khang An đem quân sang đánh Miến Điện, lập nhiều công trạng và nổi tiếng về tính toán quân nhu, tiếp liệu. Cứ như sử chép, họ Tôn không phải là một nhà cai trị kém và những tài liệu còn ghi lại chứng tỏ cuộc chinh phạt An Nam được chuẩn bị khá chu đáo (xin xem thêm Việt Thanh chiến dịch). Việc thua trận một phần lỗi là ở chính vua Càn Long và cũng vì thế Tôn Sĩ Nghị chỉ bị trách phạt rất nhẹ, sau đó lại thăng tiến rất nhanh. Tôn Sĩ Nghị, Phúc Khang An và Minh Lượng là ba danh sĩ cuối đời Càn Long, tiểu sử chép chung trong một quyển. Ông chết tháng 5 năm 1796 sau khi dẹp xong loạn người Miêu và Bạch Liên Giáo. Ông tính thích sưu tầm các loại đá lạ không kém gì Mễ Phế đời Tống. Cao Dương, *Thanh Triều Dịch Hoàng Đế*, Q. II (Đài Bắc: Viễn Ảnh xb sự nghiệp công ty, 1989) tr. 639-40. Tang Lệ Hòa chủ biên, *Trung Quốc Danh Nhân Tự Điển* (Đài Loan Thương Vụ Ấn Thư Quán, 1979) tr. 750. Arthur W. Hummel, *Eminent Chinese of the Ch'ing Period 1644-1912* (Taipei: Ch'eng Wen Publishing Company, 1970) tr. 680-2.

<sup>12</sup> To break the power of Nguyễn Huệ, Sun (Sun Shih-I tức Tôn Sĩ Nghị) proposed to Ch'ien-lung that Vietnam be dismembered. Central Vietnam would be awarded to Siam, in return for Thai aid against the Tay-son brothers. It was clear to Sun and his master that the Le prince whom they were supporting was incompetent, even as a figurehead. At first Ch'ien-lung thought a military alliance with the Thai regime “seemed like something that could be done”. He subsequently rejected the idea, not because it was politically immoral, but because it would shower disproportionate favor upon the Thai king and, even worse, damage the reputation he had earned in his Sinkiang triumphs of using only his own armies and not accepting the assistance of an “outer region military power”. Alexander Woodside: “The Ch'ien-Lung Reign” trong Willard J. Peterson (ed.). *The Cambridge History of China, Vol. 9 Part 1 – The Ch'ing Dynasty to 1800* (Cambridge: Cambridge University Press, 2002) tr. 277

<sup>13</sup> Tuy nhiên theo một lá thư của giáo sĩ Le Labousse gửi từ Sài Gòn ngày 15 tháng 6 năm 1789 thì Nguyễn Ánh đã bắt được một bức thư của vua Càn Long gửi vua Xiêm yêu cầu đánh vào mặt nam Đại Việt (Le Roy d'ici (tức Nguyễn Ánh) a intercepté une lettre écrite au nom de L'empereur de Chinois au Roy de Siam pour lui dire de venir attaquer les T.S. de coté-ci par la Cochinchine) Nguyễn Nhã, “Một Thiên Tài Quân Sư”, Một Nhóm Học Giả, *Một Vài Sử Liệu về Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ* (Calif: Đại Nam, 1992) tr.107-8, cước chú 38

<sup>14</sup> Alexander Woodside, sđd tr. 277

<sup>15</sup> Trang Cát Phát, sđd tr. 362

<sup>16</sup> Đời Thuận Trị, nhà Thanh phong cho Ngô Tam Quế (吳三桂) làm Bình Tây Vương trấn đóng ở Vân Nam, Cảnh Trọng Minh (耿仲明) làm Tĩnh Nam Vương, trấn đóng Phúc Kiến, Thượng Khả Hỉ (尚可喜) làm Bình Nam Vương, trấn đóng Quảng Đông. Tam Phiên khi đó được giữ trọng binh, thế lực càng lúc càng lớn. Tháng 3 năm Khang Hy thứ 12 (1673), Thượng Khả Hỉ dâng sớ xin cáo lão về Liêu Đông để cho con là Thượng Chi Tín kế vị, nhân cơ hội đó triều đình xuống chiếu triệu phiên. Tới tháng 7, Ngô Tam Quế và Cảnh Tinh Trung (con của Cảnh Trọng Minh) cũng dâng sớ xin triệu binh, vua Khang Hy liền ra lệnh cho cả 3 phiên di chuyển ra ngoài Sơn Hải Quan. Ngày 21 tháng 11, Ngô Tam Quế khởi binh chống lại nhà Thanh, tuyên bố ủng hộ lập Chu Tam Thái Tử (tức Chu Từ Quýnh 朱慈炯, con của Sùng Trinh hoàng đế, khi đó thất tung nhưng người Hán dùng danh vị để phát động phong trào phản Thanh phục Minh), viết thư cho Cảnh Tinh Trung, Thượng Khả Hỉ cùng khởi sự, gây ra cái loạn Tam Phiên. Năm Khang Hy thứ 17, Ngô Tam Quế xưng đế ở Hành Châu 衡州, quốc hiệu Đại Chu nhưng chẳng bao lâu thì từ trần, cháu là Ngô Thế Phan 吳世璠 kế vị. Ngày 19 tháng 10 năm Khang Hy thứ 20, quân

---

Thanh đánh tới Côn Minh, Ngô Thế Phan tự tử, loạn Tam Phiên chấm dứt, tổng cộng 8 năm. (Xem thêm “Quân Sự nhà Thanh” của Nguyễn Duy Chính)

<sup>17</sup> Lai Phúc Thuận, *Cần Long Trọng Yếu Chiến Tranh chi Quân Nhu Nghiên Cứu*, 1984 tr. 30 ((trích từ tài liệu trong cung đình nhà Thanh, tấu chương của hai họ Tôn ngày mồng 8 tháng 5 năm Cần Long thứ 52 – tức năm 1786 dưới số hiệu 5425)

Nguyên văn:

然已亡失國之印信，因鄭氏擅權時，曾竊奪國印，謀取篡位。黎維祜乃咨請憑信，兩廣總督孫士毅以其未經具本告哀，尚未奉旨承襲，不便先給印信，拒之。

(Nhiên dĩ vong thất quốc chi ấn tín, nhân Trịnh thị thiện quyền thời, tăng thiết đoạt quốc ấn, mưu thủ soán vị. Lê Duy Kỳ nãi tư thỉnh bằng tín, Lương Quảng tổng đốc Tôn Sĩ Nghị dĩ kỳ vị kinh cụ bản cáo ai, thượng vị phụng chỉ thừa tập, bất tiện tiên cấp ấn tín, cự chi.)

<sup>18</sup> hưng khởi cho kẻ đã bị diệt, kế thừa cho kẻ đã bị cắt đứt, không có mưu lợi đất đai hay dân chúng

<sup>19</sup> Tuy nhiên, cũng chính vua Cao Tông cũng đã hãnh diện là triều đại của ông đã mở rộng biên giới Trung Hoa đến mức tối đa chưa hề có trong lịch sử. Còn việc thu vét thóc gạo của miền Bắc thì sử sách nước ta đã nói đến nhiều và các giáo sĩ Tây phương cũng tường thuật rất chi tiết. Nhà Thanh cũng đã đúc một loại tiền “*không bảo chứng*” để phát cho quân lính tiêu trên nước ta. Chỉ mới một tháng, những âm mưu của nhà Thanh đã biểu lộ rõ rệt, hai lý do mà nhà Thanh nêu ra đều không phải là sự thực mà chỉ để che đậy một tham vọng tương tự như đời Tống, đời Nguyên, đời Minh dùng một cơ để can thiệp vào nội bộ của nước ta rồi sau đó sẽ sáp nhập Đại Việt vào bản đồ Trung Quốc. Cũng chính nhà Thanh một trăm năm sau đã nhân cơ triều đình nhà Nguyễn cầu cứu đem quân sang nước ta nhưng bị người Pháp đẩy lui. Tuy vậy, họ cũng cố lấn chiếm của ta một số đất đai ở biên giới phía bắc, kể cả một giải đất phía nam cửa Nam Quan.

<sup>20</sup> Theo một đạo sắc thư mà quân Tây Sơn bắt được khi Tôn Sĩ Nghị chạy đánh rơi (?) sử nước ta còn ghi lại như sau:

*Nghe lời khanh, trẫm cho đem binh mã ra cửa ải, nhưng cứ nên từ từ đi dần, đừng vội. Khanh trước hãy truyền hịch ra oai, rồi thả Lê thần về nước để họ chiêu tập nghĩa binh, tìm Lê tự tôn đương đầu với Nguyễn Huệ đã. Nghe họ trọi (chọi) nhau ra sao, bấy giờ sẽ liệu.*

*Nếu lòng người Nam còn mến Lê, thấy quân ta đến giúp, ai cũng phấn khởi hăng hái, thì Nguyễn Huệ tất phải chịu lui, bấy giờ sẽ sai Lê tự tôn tiến binh đuổi bắt Nguyễn Huệ. Còn khanh thì kéo binh đến tiếp ứng sau. Thế là ta không khó nhọc mà được thành công. Đó là chước thứ nhất.*

*Nếu trong nước Nam, nửa theo phe kia, nửa giúp phe nọ, thì Nguyễn Huệ chắc không chịu lui. Vậy khanh nên đưa thư, dỗ bảo họ phúc xem Huệ xoay trở ra sao. Khi nào quân thủy của ta từ Môn Quảng kéo ra biển khơi thì cứ đánh phá lấy Thuận Ngãi trước. Rồi mới thúc quân bộ tiến lên, khiến cho Nguyễn Huệ sau lưng và trước bụng đều thụ địch cả thì thế nào Huệ cũng phải hàng phục. Thế rồi ta cứ nuôi sống cả hai: Thuận Quảng về Nam cắt đứt cho Nguyễn Huệ, Hoan Ái ra Bắc, chia cho Lê tự tôn. Ta cứ đóng đại binh ở giữa, cai quản cả đôi. Về sau sẽ lại liệu cách xử trí. Đó là chước thứ hai. Hoa Bằng, Quang Trung Nguyễn Huệ, Anh Hùng Dân Tộc 1788-1792. Saigon: Thư Lãm Ấn Thư Quán, 1958 (Đại Nam, Cali. in lại theo lối chụp bản) tr. 203-4.*

<sup>21</sup> Chữ này nguyên viết trên ma 麻 dưới cốt 骨 chúng tôi không có nên dùng tạm

<sup>22</sup> Thượng Dụ Đáng, phương bản, hịch dụ cảo Cần Long 53, thu quý đáng thượng, tờ 81 ngày 27 tháng 8. (Trang Cát Phát, sdd tr. 359-60)

- 
- <sup>23</sup> Quân Cơ Xứ, nguyệt triệp bao, hòm số 2778, bao 163, số hiệu 39029, tờ bầm của Lê Duy Chỉ đề ngày 20 tháng 9 năm Càn Long 53 (1788). (Trang Cát Phát sđd tr. 361)
- <sup>24</sup> Tài liệu trong cung (Cung Trung Đáng 宮中檔), hòm số 2727, phong bì số 221, số hiệu 55108, tấu triệp của Tôn Sĩ Nghị, Càn Long năm thứ 53, ngày 26 tháng 9 (1788). (Trang Cát Phát, sđd tr. 362)
- <sup>25</sup> Trịnh Vương nguyên là tên gọi Trịnh Quốc Anh (Taksin), một người Tàu lai làm vua Xiêm La từ 1767 nhưng đến năm 1782 đã bị Chaopraya Chakri lật đổ lên ngôi tức vua Rama I (1782-1809). Theo sử Trung Hoa, khi vua Rama I lên ngôi sai sứ sang Bắc Kinh nói thác là con của Taksin tên là Trịnh Hoa nối ngôi.
- <sup>26</sup> Tài liệu trong cung (Cung Trung Đáng 宮中檔), hòm số 2727, phong bì số 223, số hiệu 5543, tấu triệp của Tôn Sĩ Nghị, Càn Long năm thứ 53, ngày 1 tháng 11 (1788) (Trang Cát Phát, sđd tr. 362)
- <sup>27</sup> Thượng Dụ Đáng, phương bản, Càn Long năm thứ 53, thu quý đấng, trang 133. (Trang Cát Phát, sđd tr. 362-3)
- <sup>28</sup> Đề đốc Quảng Tây là Tam Đức đã bị bệnh mất ngày mồng 8 tháng 7 năm đó, Hứa Thế Hanh (từ Chiết Giang được điều động lên thay) đem quân tới Long Châu phòng thủ (theo *Khâm Định An Nam Kỷ Lược*, quyển 2 trang 1) (Trang Cát Phát, sđd tr. 359)
- <sup>29</sup> người Tân Đô, Tứ Xuyên gốc người Hồi, tòng quân đánh Kim Xuyên, lập công trạng trong vụ đánh Đài Loan nên được làm đề đốc Quảng Tây, khi bị chết ở Thăng Long được thăng Tráng Liệt Bá, ban tên thụy Thiệu Nghị.
- <sup>30</sup> Theo Ian Heath trong *Armies of the Nineteenth Century: Asia V. 2: China* (Great Britain: Foundry Books, 1998) trang 18-9 thì những cấp bậc đó tương đương với hiện thời như sau: *Đề Đốc* (đại tướng), *Tổng Binh* (trung tướng), *Phó Tướng* (thiếu tướng), *Tham Tướng* (đại tá), *Du Kích* (thượng tá), *Đô Ti* (trung tá), *Thủ Bị* (thiếu tá), *Thiên Tổng* (đại úy), *Bả Tổng* (trung úy) ... Tuy nhiên nếu là ngoại vi thiên tổng thì chỉ tướng đương trung sĩ còn ngoại vi bả tổng chỉ tướng đương hạ sĩ. Những phiên dịch này không hoàn toàn chính xác nhưng cũng cho ta một số khái niệm về tổ chức quân sự của nhà Thanh thời đó.
- <sup>31</sup> thuộc Nương Lam Kỳ Hán quân, làm tổng binh Hữu Giang trấn Quảng Tây, khi chết tại nước ta được ban thụy là Trực Liệt (直烈)
- <sup>32</sup> Tôn Khánh Thành (孫慶成) là chắt (great-grandson) của Chấn Võ tướng quân Tôn Tư Khắc, một danh tướng đầu đời Thanh.
- <sup>33</sup> Người Đại Đồng nhưng sang sống ở Quý Châu, từng tham dự các trận đánh Miến Điện, Kim Xuyên lập nhiều công lao nên thăng lên đô ti. Sau tham dự đánh Đài Loan trong chiến dịch bình Lâm Sảng, Trang Đại Điền nên được lên tổng binh Nam Áo (南澳), Phúc Kiến. Khi chết ở nước ta được ban tên thụy là Tráng Quả (壯果).
- <sup>34</sup> Người Trường An, đậu tiến sĩ võ đời Càn Long, làm tham tướng Đức Châu. Khi Vương Luân nổi loạn ở Thọ Trương, ông đem quân đánh dẹp, thăng lên đề đốc Vân Nam và ở đây cho tới chết.
- <sup>35</sup> Thuộc Nương Hoàng Kỳ Mãn Châu, từng tham gia các cuộc chiến đánh Miến Điện, Kim Xuyên, thăng lên tổng binh Thọ Xuân. Đến đời Gia Khánh có công trong việc đánh dẹp các giáo phái tại Hà Nam, Thiểm Tây. Sau lên làm đề đốc Ô Lỗ Mộc Tế (烏魯木齊)
- <sup>36</sup> người Võ Thành, có chiến công nên được làm ngoại uý đời Càn Long, tham dự đánh Kim Xuyên, sau lên làm đề đốc Quảng Đông
- <sup>37</sup> Mặc dù Tôn Sĩ Nghị giảm lương vì muốn tiết kiệm ngân sách nhưng cũng vì thế mà quan binh trong lòng bất mãn nên không có chí chiến đấu, gặp lúc núng thế liền bỏ chạy như khi tại Lê thành sau này.
- <sup>38</sup> một thăng khoảng .75 kg, một thạch khoảng 75 kg

---

<sup>39</sup> Trang Cát Phát, sđd tr. 360.

<sup>40</sup> Xem thêm “Quân Thanh sang đánh nước ta là bao nhiêu?” (biên khảo của Nguyễn Duy Chính)

<sup>41</sup> Trong chiến dịch đánh An Nam, rút kinh nghiệm các trận đánh ở Miến Điện, nhà Thanh đổi chiến lược không điều động kỵ binh từ miền bắc xuống mà chỉ dùng quân địa phương, thổ binh và chủ yếu phương tiện của bốn tỉnh miền tây nam giáp với nước ta. Chính vì thế, công tác chuẩn bị cũng nhanh mà lực lượng điều động cũng nhỏ (nhỏ nhất trong mười chiến dịch đời Càn Long), không ghê gớm như chúng ta thường tưởng tượng. Tuy nhiên, hậu quả của trận đánh này lại đưa nước ta vào một vị thế mới mà chúng tôi sẽ trình bày sau.

<sup>42</sup> Tôn Sĩ Nghị vốn dĩ định sau khi chiếm được Lê thành rồi sẽ đem quân đánh vào Quảng Nam nên đã dự bị thủy lục hai mặt, quân thủy nửa tháng sau sẽ qua nhưng vì thuyền lớn qua không được mà cửa sông Nhĩ Hà thì quân địch đã chặn rồi nên ra lệnh cho đóng 40 chiến thuyền, đủ sức chở 2,000 quân, lập thêm 25, 26 trạm trên bộ cách nhau chừng 8, 90 dặm, ngoài ra còn xây thêm 53 trạm lương thực nhưng vì sau này bị thua ở Lê thành nên những công tác này không thực hiện được.

<sup>43</sup> 滿州世僕，受恩最重

<sup>44</sup> Trang Cát Phát, sđd tr. 363.

<sup>45</sup> Riêng Quảng Tây lộ tuyển đã lên đến 54,000 người chính thức từ bên Tàu sang. Cho tới ngày nay, các tỉnh miền Nam Trung Hoa vẫn có những người dân phu chuyên môn chở hàng đi theo đường núi để sang các quốc gia lân cận trao đổi, buôn bán. Những người này sức chịu đựng rất dẻo dai, một ngày có thể đi mấy chục cây số.

<sup>46</sup> chữ Thái nguyên có bộ Thủy 氵 ở bên trái

<sup>47</sup> Đặng Phương Nghi, “Vài tài liệu mới lạ về những cuộc Bắc Tiến của Nguyễn Huệ”. Một Nhóm Học Giả, *Một Vài Sử Liệu về Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ* (Calif.: Đại Nam, 1992) tr. 191.

<sup>48</sup> Đặng Phương Nghi, sđd. tr. 195

<sup>49</sup> Không riêng gì quân Thanh ở cuối thế kỷ 18, 500 trước quân Mông Cổ cũng lâm vào những khó khăn tương tự. Đoàn quân ngoại nhập phải mang theo một số lượng thực phẩm rất lớn cho cả quân đội lẫn phu phen. Nhà Nguyên cũng phải thiết lập nhiều trạm tiếp vận, cách nhau 30 dặm (khoảng 15 km) và một dịch trạm mỗi 60 dặm (30 km). Trong một lá thư của quan chức nhà Nguyên gửi triều đình có đề cập đến những khó khăn như sau:

*Ngay từ thời cổ, khi điều binh thì luôn luôn phải sao cho hợp với thiên thời. Trung Nguyên đất phẳng, vậy mà ta cũng vẫn phải tránh cái nóng mùa hè. Còn như Giao Chỉ là nơi oi nồng (feverish) ôn dịch (pestilential), khí hậu nơi đây khiến cho quan quân thiệt hại còn nhiều hơn cả đối phương tấn công. Nay ta lại điều binh xuống vào tháng bảy, trước khi tới được An Nam đã chết mất khá nhiều, thế thì khi gặp địch làm sao mà đối phó? Xứ Giao Chỉ lại chẳng có gạo thóc, thủy đạo bất tiện, không thể không tiếp tế bằng đường bộ nhưng lại không có ngựa, bò, xe cộ. Mỗi người có thể mang được 5 đấu, nhưng trên đường đi phu cũng phải ăn, thành thử quân chỉ còn được một nửa. Cho nên nếu như muốn gửi tới 100,000 thạch gạo thì phải dùng đến 40 vạn phu để chuyên chở, mà gạo đó cũng chỉ đủ ăn 1 đến 2 tháng mà thôi. Xie Qikun, *Guangxi Tongzhi* (Quảng Tây thông sử) bản đời Gia Khánh (1796-1821) (Quảng Tây Nhân Dân Xuất Bản Xã tái bản, 1988) Vol VIII, chương 187, trang 5032.*

Lấy trong <http://mcel.pacificu.edu/as/resources/zhuang/zhuang11.htm> tr. 22-3.

<sup>50</sup> Trang Cát Phát, sđd tr. 363

<sup>51</sup> một thăng khoảng .75kg, một thạch khoảng 75 kg.

---

<sup>52</sup> Nguyễn Anh Huy, “Những đồng tiền Quang Trung kỳ lạ với các huyền thoại ở Phú Xuân” trong *Phú Xuân Thuận Hóa thời Tây Sơn*, 2001 tr. 201. Tấm ảnh của đồng tiền này có in trong *Annam and its minor currency* (Ed. Toda 1882) phần II, chương XX Chinese intervention in Tunquin, and the Nguyen Dynasty (<http://art-hanoi.com/toda/20.html>)

<sup>53</sup> Vào thế kỷ 17, 18 tiền tệ có thể dùng lẫn lộn tại nhiều nơi và ở nước ta lưu hành nhiều loại tiền cùng một lượt

<sup>54</sup> Trong bất cứ lần Nam chinh nào, Trung Hoa đều gặp phải những khó khăn tương tự và quân đội điều động tuy có lớn trên số lượng nhưng thành phần binh sĩ chiến đấu chỉ là 1/4, 3/4 còn lại là phu khuân vác thường là các sắc dân thiểu số vùng Vân – Quý và người dân tại hai tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây. Nếu với tỉ lệ tương ứng, quân Thanh tuy tiếng là 20 vạn nhưng thực ra chỉ độ 5 vạn quân chiến đấu, 15 vạn kia là phu phen. Những số liệu đó phù hợp với con số mà sổ sách binh nhu, chi phí của của nhà Thanh vào chiến trận và cũng phần nào giải thích được tại sao Nam sử lại chép một số lượng quá chênh lệch với số quân nhà Thanh điều động.

<sup>55</sup> Chúng ta cũng không thể không đề cập khi sách vở nước ta có khuynh hướng thổi phồng những gì không nắm vững, nghĩ rằng địch càng nhiều thì chiến thắng càng vinh quang mà quên đi những yếu tố thực tế như tổ chức quân sự của nhà Thanh, phương pháp điều động, tiếp liệu, trang bị của một đoàn quân chính qui. Xem thêm “Quân Sự nhà Thanh” và “Chính Sách của Thanh Triều đối với vùng Đông Nam Á” (biên khảo của Nguyễn Duy Chính)

<sup>56</sup> Lai Phúc Thuận, sđd. tr. 314-5

<sup>57</sup> Xin đọc thêm “Quân Sự Nhà Thanh” để biết về hệ thống truyền tin và bảo mật giữa triều đình và địa phương.

<sup>58</sup> trong tấu văn không liệt kê nhưng trong sách có ghi là của các quan ở Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương, Thanh Hoa, Nghệ An, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Hưng Hoá, An Quảng ... các nơi. (Trang Cát Phát: sđd tr. 366)

<sup>59</sup> chữ đoan nguyên là bộ kỳ 㒯

<sup>60</sup> Quân Cơ Xứ, nguyệt triệp bao, hòm số 2778, bao số 163, số hiệu 39037, bản văn của bọn Tạ Đình Thực đề ngày 22 tháng 10 năm Càn Long thứ 53. (Trang Cát Phát, sđd tr. 366-7)

<sup>61</sup> tức năm 1774, Cảnh Hưng 35, chúa Trịnh sai Hoàng Ngũ Phúc đem 3 vạn quân vào đánh Nam Hà, phao tin là vào giúp chúa Nguyễn trừ quyền thần Trương Phúc Loan nhưng thực ra là nhân cơ hội loạn lạc, đối khổ chiếm lấy phương nam.

<sup>62</sup> Tờ bản của Lê Duy Cận ngày 22, tháng 10 năm Càn Long 53 lưu giữ tại Quân Cơ Xứ, Nguyệt Triệp Bao, hòm số 2778, bao số 163, số hiệu 39036. (Trang Cát Phát, sđd tr. 365-6)

<sup>63</sup> Trong KDVSTGCM có chép là “*Văn Huệ sai người lũng hết các bày tôi văn võ, cưỡng ép họ đến cửa cung khuyết để cùng đứng tên vào tờ biểu khuyên mời Văn Huệ lên ngôi vua. Huy Trạc bị bắt đến Ngự sử đài, không chịu ký tên vào tờ biểu ấy, đem đến, uống thuốc độc tự tử. Việc này do đó cũng đình chỉ*” (quyển XLVII). Như vậy việc này có thể là thật.

<sup>64</sup> Tờ biểu trên đây tuy có thể nhiều phần không đúng sự thật nhưng có một điểm chúng ta có thể cải chính. Trước đây, sử ta đều dựa theo Hoàng Lê Nhất Thống Chí mà chép rằng khi nghe tin Tôn Sĩ Nghị kéo quân sang, Lê Duy Kỳ theo về đến Thăng Long, lúc đó mới trả ân báo oán, trong đó có việc chặt chân ba hoàng thúc vứt xuống giếng trong cung. Nhưng theo lá thư này, việc ba người chú Lê Duy Kỳ bị giết xảy ra từ khi mới lên nắm quyền trước khi lưu vong. Chúng ta cũng biết được tên của ba người hoàng thúc đó là Lê Duy Lữ, Lê Duy Lân, Lê Duy Hội. Theo Hoàng Lê Nhất Thống Chí thì những người viết lá thư này là Nguyễn Quý Nhạ, Trần Bá Lãm, Vũ Huy Tấn cũng bị hạ ngục khi Lê Duy Kỳ trở về,

---

chỉ có Nguyễn Bá Khoan được miễn vì dốt nát, già cả. Việc này phù hợp với những ghi nhận của một giáo sĩ trong Hội Truyền Giáo Ba Lê (Société des Missions Étrangère de Paris) là “*Chiêu Thống đã phạm trọng tội gian dân và loạn luân ghê tởm với em gái ông và sát nhân vì ông đã cho giết một cách dã man ba người chú ông và một người vợ của Cảnh Hưng, tổ phụ ông ...*” Đặng Phương Nghi, “Vài Tài Liệu mới lạ về những cuộc Bắc Tiến của Nguyễn Huệ” trích trong Một Nhóm Học Giả, *Một Vài Sử Liệu về Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ*, tr. 187.

<sup>65</sup> Lai Phúc Thuận, sđd. tr. 259 (tài liệu trích từ tấu triệp của Tôn Sĩ Nghị đề ngày 24 tháng 10 năm Càn Long thứ 53 [1788], Cung Trung Đàng, số hiệu 55758)

<sup>66</sup> Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục* tập II (Hà Nội: nxb Giáo Dục, 1998) tr. 843-4

<sup>67</sup> Minh Thanh sử liệu, thiên Canh, bản số 2, trang 104 (Trang Cát Phát: sđd tr. 363)

<sup>68</sup> *Thanh Cao Tông ngự chế thi văn toàn tập* (quyển 9) (Đài Bắc: Quốc Lập Cổ Cung Bác Vật Viện, 1976) ngự chế thi tập ngũ, quyển tứ thập tam, trang 34.

<sup>69</sup> Theo *Đại Nam Nhất Thống Chí* (Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Phạm Trọng Điềm dịch) (Huế: nxb Thuận Hóa, 1997) thì cách châu Ôn 11 dặm về phía tây có núi Kháo gồm 2 ngọn, một cao một thấp gọi là “*kháo mẹ, khao con*”, trên đỉnh có đường lớn cho sứ bộ đi, khách buôn bán cũng qua đường này. Phía nam châu Ôn thì có Quỷ Môn Quan, thuộc xã Chi Lăng, đường hẹp, khó đi, hiểm trở, nước độc, đá hình như đầu ma, đầu quỷ nên đặt như thế. Khi sứ bộ Trung Hoa sang sách phong cho vua Lê đổi tên thành Ủy Thiên Quan. (quyển 4, tr. 377, 387)

<sup>70</sup> chữ Hộ nguyên có bộ ngôn 言 ở bên trái

<sup>71</sup> theo tờ biểu của vua Quang Trung gửi lên vua Cao Tông thì bọn tuấn dương binh ấy do Hắc Thiệu Tông cầm đầu, khi trả về cũng bị Tôn Sĩ Nghị giết cả (Hoa Bằng: sđd tr. 214)

\_ Trang Cát Phát, sđd tr. 364

<sup>73</sup> Vua Càn Long cũng đã đề cập đến việc ngay từ đầu Tôn Sĩ Nghị đã tâu rằng nhân cơ hội này lấy luôn nước Nam. (Nguyên văn: 孫士毅初奏安南內訌情形有乘此機會剿平後收其土地之意 ... Tôn Sĩ Nghị sơ tấu An Nam nội hồng tình hình hữu thừa thử cơ hội tiễu bình hậu thu kỳ thổ địa chi ý ...) *Thanh Cao Tông ngự chế thi văn toàn tập* (1976) Ngự Chế thi ngũ tập, quyển tứ thập tam, tr. 26. Chi tiết này hoàn toàn không thấy các sử gia Trung Hoa nhắc đến và cũng phù hợp với sử nước ta nói rằng khi bắt được một số văn thư mật, họ Tôn đã đề cập đến việc khai thác tình hình rối loạn của An Nam để trục lợi. Câu chúng tôi trích dẫn ở trên là chính lời phê của vua Cao Tông không phải của sử thần.

<sup>74</sup> *Thanh Cao Tông ngự chế thi văn toàn tập* (1976) Ngự Chế thi ngũ tập, quyển tứ thập tam, tr. 35

<sup>75</sup> Sđd. tr. 36

<sup>76</sup> Theo tấu thư của Tôn Sĩ Nghị khi còn ở Triều Châu được lệnh đúc ấn có dụ chỉ là ấn mới nên thêm hay bớt đi một chữ để phân biệt với ấn cũ, ngô hầu biết cái nào thực, cái nào không thực. Tôn Sĩ Nghị đề nghị đem mẫu ấn cũ bỏ đi chữ chi (之) chỉ còn *An Nam Quốc Vương Ấn* (安南國王印). Ấn cũ dọc 11.6 phân, ngang 11.5 phân, trên khắc 6 chữ *An Nam Quốc Vương Chi Ấn* bằng chữ triện bằng cả hai thứ chữ Mãn Châu và Hán. Theo ấn mới đóng trong các tấu biểu của Lê Duy Kỳ vào ngày mồng 2 và 24 tháng 12 năm đó thì ngang dọc cũng bằng ấn cũ, chỉ có chữ khắc mảnh mai hơn, và cũng vẫn thấy đủ 6 chữ *An Nam Quốc Vương Chi Ấn*, không bỏ chữ chi. (Trang Cát Phát, sđd chú thích 72 trang 411)

<sup>77</sup> Trang Cát Phát, sđd tr. 368.

<sup>78</sup> tức sông Thương

<sup>79</sup> Theo tấu thư của Tôn Sĩ Nghị đề ngày 15 tháng 11 năm Mậu Thân (Càn Long 53) tàng trữ trong Cung Trung Đàng , hòm 2727, bao số 323, số hiệu 55608. Trang Cát Phát, sđd tr. 368.

<sup>80</sup> đây có lẽ là một cánh quân người Thượng từ trong nam ra

<sup>81</sup> *Bắc Hành Tùng Ký* của Lê Quýnh chép là “*Đại quân thẳng tới huyện Bảo Lộc, thuộc Giang Bắc. Ba lần đánh đều được. Bất đồ đốc Trần Danh Hoán, chém đi*”.(Có lẽ sách chép nhầm hai chữ bính 炳 và hoán 煥) *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, tập II, tr. 879.

<sup>82</sup> núi có ba tầng chồng lên nhau, ở xã Nam Ngạn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Ninh, cách huyện Việt Yên 9 dặm về phía đông (theo *Đại Nam Nhất Thống Chí*)

<sup>83</sup> có thể không đến con số này nhưng quân Thanh phao lên để báo tiếp cho thêm vẻ vang.

<sup>84</sup> Minh Thanh sử liệu, thiên Canh, bản thứ 2, trang 101. Trang Cát Phát: sđd tr. 368-9. Trần Thị Cầu mỗi sách chép một khác nhưng phần lớn đều do tưởng tượng trong đó bôi bác nhất có lẽ là *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* của Ngô Gia Văn Phái:

... Phan Văn Lâm nói:

- *Quân không cứ nhiều, nước không cứ lớn. Nay ta làm tướng cầm quân ở ngoài, giặc đến, chưa từng tiếp chiến, mới nghe thấy tiếng doạ hãi đã tự lui nhục, thì còn dùng tướng làm gì? Tôi xin tự đem một nghìn tinh binh tiến thẳng lên sông Như Nguyệt, chọi nhau với nó một trận, xem nó có khí thế gì? Người Nam với người Tàu ai khoẻ hơn ai? Và cho nó biết mình đây không nhát. Đó cũng là cách “chặn trước thì dè được người”.*

*Sở (Ngô Văn) cho là phải. Lâm bèn đốc quân qua sông Bắc canh ba, tới bờ phía nam sông Nguyệt Đức, vừa nghe Tôn Sĩ Nghị đã đóng ở núi Ba Tầng. Lúc ấy tiết trời cực giá rét, Lâm cử đồn quân sang sông khai chiến. Tướng sĩ sợ oai của Lâm, đều phải liêu xông hơi lạnh, lội bừa xuống nước. Ra đến giữa sông nhiều người cồng quá không thể sang được, đều bị chết đuối, kẻ nào vào được tới bờ, cũng bị quân Thanh giết chết. Lâm liêu không thể giao chiến, tức thì vẫy quân chạy lùi. Dư đảng tan vỡ, chạy vào các làng, lại bị dân què sẵn bắt đem nộp cho quân Thanh. Lâm phải một mình một ngựa chạy về Thăng Long ... Hoàng Lê Nhất Thống Chí, sđd tr. 290-1.*

Việt Thanh chiến sử của Ngụy Nguyên thì chép theo Thanh sử, tuy không rõ ràng nhưng cũng đầy vẻ ngoa ngôn:

... Ngày 15, tiến đến Thị Cầu (Nguyệt Đức). Sông rộng. Vả bờ nam dựa vào núi, cao hơn bờ bắc. Giặc giữ chỗ hiểm dàn súng. Quân ta không thể kết bè. Các tướng nghĩ rằng hình thế sông cong queo, (khiến) giặc trông ra thấy không được xa. Bề ngoài, bèn chở tre gỗ, làm cầu phao để tỏ rằng thế nào cũng qua sông (chỗ ấy). Rồi giấu hai nghìn quân ở thượng du (cách đó hai mươi dặm), chỗ nước chảy chậm, lầy thuyền con đang đèm qua sông.

Ngày 17 (tháng 11) quân ta cưỡi bè áp bờ. Cầm cự với nhau đang sôi nổi, thì gặp khi quân từ thượng du đã vòng ra sau lưng giặc, nhân chỗ cao mà hét to, đánh xuống. Tiếng ran các hang núi. Giặc không biết vương sư từ đâu xuống, bèn tan rã chạy lùi. Ngụy Nguyên, “Việt Thanh Chiến Sử”, Hoàng Xuân Hãn, sđd tr. 1342.

Riêng Lê Quýnh trong *Bắc Hành Tùng Ký* thì viết là mưu đánh tập hậu là do đám bồi thần nhà Lê hiến kế như sau:

... Quýnh và Lê Duy Đản bàn với nhau rằng: “Từ khi (ta) ra cửa ải đến nay, quân địch thua luôn. Chắc chúng đặt nhiều quân ở núi Thị Cầu, (mong) có nước chặn, để cự lại. Nhưng chúng nó dùng binh chỉ biết nhìn phía trước, thường không ngoảnh về phía sau. Nên dùng kỳ binh chộp phía sau, thì chắc sẽ thắng. Quân ở doanh Thị Cầu (nếu) đã bại, thì khôi phục cố đô dễ như nhổ nước bọt vào tay”.

---

*Đến khi đại binh tiến đến núi Tam Tầng, cách dịch con sông. Lê Duy Đản nói (mutu ấy) với quan lớn Tôn. Quan lớn bèn nghe kể. Ngày 20, qua sông Thị Cầu, phá doanh giặc, tiến đến bờ bắc sông Phú Lương (muốn nói sông Nhị). Giặc Tây Sơn bỏ thành Thăng Long chạy về phương nam. Lê Quýnh, “Bắc Hành Tùng Ký”, Hoàng Xuân Hãn, sđd. tr 880.*

<sup>85</sup> Đặng Phương Nghi, “Vài Tài Liệu\_mới lạ về những cuộc Bắc Tiến của Nguyễn Huệ” sđd. tr. 198. Những ngày tháng mà các giáo sĩ nêu ra có lệch (trước) với tài liệu của nhà Thanh 3 ngày.

<sup>86</sup> Đặng Phương Nghi, sđd. tr. 198-9

<sup>87</sup> Theo lời tâu của quan nhà Thanh Khách Ninh A (喀寧阿) trong *Thanh Cao Tông ngự chế thi văn toàn tập*, quyển 43, tr. 25 (tập 9).

<sup>88</sup> Đặng Phương Nghi, “Vài Tài Liệu\_mới lạ về những cuộc Bắc Tiến của Nguyễn Huệ” sđd. tr. 188.

<sup>89</sup> *KDVSTGCM* – CB tập II, tr. 841-2

<sup>90</sup> Thượng Du Đáng, phương bản, Càn Long năm thứ 53, Đông Quý Đáng, trang 259. Ở *Minh Thanh sử liệu* (明清史料) Canh biên, bản 2, trang 103 đã ghi nhầm là Lê Duy Kỳ được sách phong ngày 20 tháng 11.

<sup>91</sup> *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục, Chính Biên*, quyển XLVII có chép:

Phi thập hữu nhất đạo chi đề phong, nguyên phi lợi phù thổ địa

Tổ bách ngũ thập niên chi chức cống, năng bất niệm kỳ tổ tông

Nghĩa là “đối với sự mở mang bờ cõi gồm mười một đạo, vốn không phải vì ta có lợi tâm muốn chiếm lấy đất đai; suốt từ một trăm năm mươi năm lại đây (nhà Lê) lúc nào cũng giữ chức phận, làm lễ tế cống, thì sao lại không nghĩ đến tổ tông của tự tôn được”. Nhà vua cảm động và tin tưởng một cách sâu sắc vào những lời đó. (*KDVSTGCM* – tập II) tr. 841. Hai câu này có vài chữ sai với nguyên văn, có lẽ vì tam sao thất bản.

<sup>92</sup> đoạn này Hoàng Lê Nhất Thống Chí chép là 12 tháng 11, nhưng ở đoạn sau lại viết đúng là 22 tháng 11, đây có lẽ sách in nhầm

<sup>93</sup> Hoàng Lê Nhất Thống Chí, sđd tr. 294

<sup>94</sup> chữ kiêu nguyên có bộ khuyển 犽 ở bên trái

<sup>95</sup> Quân Cơ Xứ, nguyệt triệp bao, hòm số 2778 (Trang Cát Phát: sđd tr. 371-2)

<sup>96</sup> nhắc lại tích Thân Bao Tư cầu viện nước Tần đem quân đánh nước Ngô để cứu nước Sở thời Xuân Thu. Tạ Mẫn Hoa - Uông Hiến Huy (chủ biên), *Trung Hoa thành ngữ điển cố đại toàn*. (Cát Lâm: Cát Lâm nhiếp ảnh xb xã, 2003) tr. 930.

<sup>97</sup> Quân Cơ Xứ, nguyệt triệp bao, hòm số 2778, bao 163, số hiệu 39050, biểu của Lê Duy Kỳ đề ngày mồng 2 tháng 12 năm Càn Long thứ 53 (Trang Cát Phát, sđd tr. 372)

<sup>98</sup> ở đây biểu văn dùng rất nhiều điển như vua Thuấn, nhà Chu, quẻ Càn, Đại Đồng, Khôn ... đều là nói về thời thịnh trị nên chúng tôi chỉ dịch thoát

<sup>99</sup> Quân Cơ Xứ, nguyệt triệp bao, hòm số 2778, bao 163, số hiệu 39057, tờ trình của Lê Duy Kỳ đề ngày 24 tháng 12 năm Càn Long thứ 53 (Trang Cát Phát, sđd tr. 372-3)

<sup>100</sup> Việc tiến quân của Tôn Sĩ Nghị cũng đã đưa ra nhiều ngộ nhận. Các sử gia Việt Nam thường lấy trận chiến thắng năm Kỷ Dậu làm tiền đề để giải thích về thực lực của quân Thanh, nhiều khi với chủ đích chế riều miêu tả họ Tôn như một tên tướng Tàu ham hưởng thụ, thích nữ sắc, chủ quan, khinh địch. Bên cạnh đó, người ta cũng thổi phồng số lượng quân địch – hoặc dựa vào những tài liệu vốn dĩ đã không

---

chính xác, hoặc như bản hịch của Thanh triều, hoặc như tờ chiếu phát phối hàng binh của nhà Tây Sơn, đều là những tài liệu mang tính tuyên truyền hơn là ghi lại một sự thật.

<sup>101</sup> *KDVSTGCM* - CB quyển XLVII trang 842-3

<sup>102</sup> *Khâm Định An Nam kỷ lược*, quyển 9 trang 13 (Lai Phúc Thuận, sđd tr.258)

<sup>103</sup> Theo tấu triệp của tuần phủ Quảng Đông Đồ Sản Bố ngày 3 tháng 1 năm Càn Long thứ 54 (Lai Phúc Thuận, sđd tr. 258)